

CHI HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN ĐỒNG NAI

398.095 977

ĐC

V 115 H

VĂN HÓA NGƯỜI MẠ

Đồng Nai, 2011

CHI HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN ĐỒNG NAI



VĂN HÓA NGƯỜI MẠ

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2020/ĐC/VL

001695

Đồng Nai, 2011

Lịch sử tộc người

1.1. Tên gọi

Theo danh mục cộng đồng các dân tộc Việt Nam¹, Việt Nam có 54 dân tộc. Các tiêu chí xác định thành phần dân tộc dựa trên: cộng đồng về mặt ngôn ngữ, đặc điểm chung về sinh hoạt – văn hóa, ý thức tự giác tộc người. Người Mạ được định danh là một tộc người riêng biệt trong 54 cộng đồng dân tộc của Việt Nam. Xếp theo số lượng cư dân, người Mạ được xếp thứ 28/54 dân tộc.

Về đặc điểm ngôn ngữ, người Mạ thuộc ngữ hệ Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer. Nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer có 21 dân tộc là: Ba na, Brâu, Bru - Vân kiều, Chơ-ro, Co, Cơ-ho, Cơ-tu, Gié-triêng, Hrê, Kháng, Khmer, Khơ mú, Mạ, Mảng, M'Nông, Ô-đu, Rơ-măm, Tà-ôi, Xinh-mun, Xơ-đăng, Xtiêng. Trong nhóm ngôn ngữ này được chia thành 05 tiểu nhóm gồm: Khmer, Khơ mú, Cơ tu, Ba na, M'Nông. Người Mạ được xếp trong tiểu nhóm M'Nông cùng với các thành phần dân tộc M'Nông, Kơ ho, Xtiêng, Chơ ro.

Người Mạ *“thuộc nhóm loại hình nhân chủng Anghônêdiêng. Chiều cao trung bình vào loại thấp, khoảng 1,57 m đến 1,60 m đối với nam và từ 1,50m đến trên 1,50 m đối với nữ giới. Tuy nhiên, cũng có một số người cao tới 1,70 m hoặc hơn một chút. Thân hình vạm vỡ và phát triển cân đối. Màu da ngăm đen, con người đen lánh. Mặt tương đối rộng Gò má hơi dô. Mũi bè, có người mũi rộng. Môi không dày lắm. Mắt đen hoặc nâu sẫm. Tóc cứng và phần nhiều là tóc thẳng. Một số người có tóc uốn”*².

Người Mạ có nhiều tên gọi: Châu Mạ, Chê Mạ, Mạ. Mạ Tô, Mạ Ngan (Ngăn), Mạ Xốp... Trong đó, chính cộng đồng người Mạ tự nhận là Cau Mạ - đọc là Chau Mạ. Từ Cau có ý nghĩa là Người. Một số ý kiến của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước giải thích về người Mạ như sau:

¹ Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam năm 1979 và năm 1999.

² Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam). Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1984. tr173.

- Công trình Rừng người Thượng³, Henri Maitre khi phân tích địa bàn cư trú của dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên Việt Nam (miền Trung và Đông Nam bộ) cho rằng: Người Mạ thuộc dòng tộc thứ hai, trong nhóm các bộ lạc có phương ngữ chịu ảnh hưởng đáng kể của người Khmer. Chúng tôi xin được trích dẫn như sau:

“ Người Che - Mạ: Dòng tộc quan trọng và đông đảo này chiếm toàn bộ các tổng giữa Bình Thuận và Nam Kỳ, lưu vực trung lưu sông Đồng Nai và Cao nguyên Mạ, mang tên họ. Người Che Mạ chia thành các bộ tộc thứ cấp khá đông đảo là:

- Người Trau hay Chrau: Từ này có nghĩa là Người, đồng nghĩa với các từ Che, Chao. Người Trau nằm chen vào giữa Tây phần Bình Thuận và Hạ Nam Kỳ; họ là những người ở gần biển hơn cả, trong vùng Bà Rịa; họ sống tạc các hoành sơn cuối cùng của Trường Sơn;

- Người Mạ chính cống: Người Mạ là hạt nhân của một đại bộ lạc có nhiều nhánh; họ sinh sống trên cao nguyên ang tên họ và hai bên bờ trung lưu sông Lagna;

- Người Cop: Sống trong toàn bộ vùng núi của vòng khuyên Đồng Nai và ngăn cách với người Mạ chính cống bởi các tổng phía Tây của cao nguyên;

- Người Che-Sre: Từ này đồng nghĩa với “Người đồng ruộng”, chỉ người Mạ sống trong các cánh đồng hay các thung lũng đầm lầy nơi họ là ruộng. Như vậy, họ sống tại hai khu vực, cách nhau rất xa là: Khu đồng lầy của vòng khuyên sông Đồng Nai. Các thung lũng đầm lầy trên Cao nguyên Djiring, quanh đại lý Djiring, lưu vực sông D.Riam và thượng lưu sông Lagna.

- Người Che – Tô: Từ này có nghĩa là “Người ở thượng nguồn”; họ chiếm vùng lượn sóng ở mép trung lưu sông D.Deang; đây là bộ lạc xa nhất về phía Bắc của dòng tộc Mạ. Họ ở rộng ra, về phía Tây Bắc, tới tận nguồn sông D.Rmang;

- Người Koho: Người Koho còn gọi là người Kahov hay Cohov. Họ sống ở phía Đông Bắc người Mạ, từ trung lưu và hạ lưu sông Da Nhim cho tới tận dãy núi chia thượng lưu sông D.Dong với sông Kr.Kno;

³ Henri Maitre. Rừng người Thượng – vùng rừng núi cao nguyên miền Trung. Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (Hà Nội), do Lưu Đình Tuân dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính, Nguyễn Ngọc và Andrew Hardy biên tập. Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội, 2008.

- Người Lat: Bộ lạc nhỏ bé này chỉ chiếm sáu làng ở Cao nguyên Lang-Biang và trên đường từ Đà Lạt đi D.Dong (đường Djiring). Họ khác người Koho về nhiều điểm; đây là nhóm người Mạ khác rất nhiều với hạt nhân nguyên mẫu”.

Như vậy, qua nguồn tư liệu này, Henri Maitre định danh tộc người Mạ gồm nhiều dòng tộc mà hiện nay trong các dòng tộc này có những dòng tộc được xác định là thành các thành phần dân tộc độc lập trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đó là người Choro/Chrau, Cơ ho/Koho. (Người Lat, người Chil, Srê được xếp trong thành phần dân tộc Kơ ho)

- Công trình Các dân tộc ít người ở Việt Nam⁴ (Các tỉnh phía Nam), nhóm tác giả khi viết về dân tộc Mạ, cho rằng:

“Tộc danh Mạ có nghĩa là gì chưa rõ. Song đa số người Mạ và phần nhiều cư dân những dân tộc láng giềng trong cùng nhóm ngôn ngữ của họ như: Cơ ho, Xtiêng, Mnông, Choro... đều quan niệm tộc danh Mạ, đồng nhất với việc xác định một phương thức sinh hoạt kinh tế của những người làm rẫy và đối lập tộc danh Mạ với tên gọi của người Srê, một nhóm địa phương của người Coho chuyên nghề làm ruộng nước đã từ lâu. Mặc dù hiện nay người Mạ và các dân tộc láng giềng của họ nói trên đều gọi rẫy là Mir (hay có nơi là mi) và gọi ruộng sinh lầy là Srê. Vậy có thể giả định danh từ Mạ đã được bắt nguồn từ thuật ngữ Mir hay đã từng đồng nghĩa với Mir, đối lập với Srê.”

Dân tộc Mạ là một cộng đồng người thống nhất, có một tên gọi chung, một ngôn ngữ chung và một ý thức chung về tộc người Mạ, tự phân biệt mình với các dân tộc láng giềng. Trong quá trình tồn tại và phát triển, cộng đồng Mạ có một số nhóm địa phương chủ yếu: Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung... Ngoài tộc danh thống nhất là Mạ, họ còn được gọi là Châu Mạ, Chô Mạ hay Chê Mạ. Những tên gọi thường thấy như Mạ Đa Đông, Mạ Đa Huoai, Mạ Blao... gắn liền với những tên địa phương có người Mạ cư trú (tên gọi ba tổng hành chánh do thực dân Pháp đặt tên trước đây) không nói lên sự khác biệt căn bản về văn hóa cũng như về ngôn ngữ.

⁴ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam). Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1984.

- Mạ Ngăn được quan niệm là người Mạ chính dòng (như nhóm Kpa đối với dân tộc Êđê)...Trung tâm cư trú của họ là lưu vực sông Đa Đông, ở về phía Bắc và phía Tây thị trấn Blao, chủ yếu tại các xã: Lộc Bắc, Lộc Trung và Lộc Lâm thuộc huyện Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng.

- Mạ Tô phân bố ở thượng lưu sông La Ngà (Đa Nga), trên cao nguyên Blao (cao nguyên Bảo Lộc), có quan hệ nhiều với người Caho hơn cả. Tô có nghĩa là nguồn. Những người ở vùng thấp chỉ nhóm người Mạ này cư trú ở trên cao, ở đầu nguồn.

- Mạ Krung ở miền bình nguyên, phân bố từ Tây – Nam Bảo Lộc đến vùng Định Quán nay thuộc tỉnh Đồng Nai, xa cách với trung tâm của cộng đồng Mạ. Krung là tên làng của nhóm Mạ này.

- Mạ Xốp là những người ở vùng đất phien (Xốp có nghĩa là đất phien), nay thuộc về xã Lộc Bắc và một phần xã Lộc Trung huyện Bảo Lộc.

Qua hai nguồn tư liệu này, cho thấy, tộc danh Mạ được định danh cụ thể. Những thành tố gắn trước cho tộc danh Mạ cho thấy định danh về người và những thành tố danh từ gắn sau chỉ địa điểm vùng cư trú. Sau này, tùy theo những nhóm người Mạ cư trú với những đặc điểm địa hình cư trú, tên gọi địa danh mà các nhóm người Mạ gọi để phân biệt với nhau: Mạ Dagui, Mạ Blao, Mạ Tà Lài/RaLài, Mạ Hiệp Nghĩa...

Theo công trình “Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng”⁵, có nêu quan điểm của nhà dân tộc học người Mỹ là G.Hichkey sắp xếp tất cả các nhóm người Mạ, Chil, Srê, Lạt, Nộp, Tring vào một cộng đồng tộc người chung là Kơ ho.

Như vậy, người Mạ là một thành phần dân tộc độc lập trong cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam. Nhận định: “Theo những tài liệu dân tộc học, giữa người Mạ, người Kơ ho và người Mnông tồn tại những sắc thái rất gần gũi nhau. Họ có tiếng nói chung cùng một ngữ hệ Môn – Khmer, có nhiều phong tục tập quán cơ bản giống nhau,,,” Một số nhà nghiên cứu cho rằng người Mạ, người Kơ ho và người Mnông vốn xưa kia có chung nguồn gốc, một địa bàn sinh tụ ở miền Nam Tây

⁵ Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983.

nguyên ngày nay...Nhưng, do những biến đổi xã hội trải qua nhiều thế kỷ, ngày nay giữa người Kơ ho, người Mạ và người Mnông đã hình thành tâm lý tộc người riêng biệt và tách biệt nhau”⁶. Đây là một nhận định có cơ sở khoa học về nhóm người Mạ và các tộc người được nêu trên. Người Chơ ro được xem là một nhánh của người Mạ nhưng hiện nay cũng được xác định là một thành phần dân tộc riêng biệt. Trong một số thư tịch, người Chơ ro đôi khi còn được gọi là người Mạ vùng bình nguyên.

Không có chữ viết nên lịch sử của người Mạ được truyền miệng trong cộng đồng, qua nhiều thế hệ. Một số “chuyện đời xưa” được người Mạ hát kể (Yalyau, Lahlong) có đề cập thần K’Boong và cách sáng tạo có tính chất “huyền bí” để tạo nên thế gian. Thần K’Boong đem về dấu hiệu đầu tiên của sự sống như “một trái bầu, một chiếc gùi nhỏ, một chiếc gùi lớn, một chiếc gùi dài” và dùng tài năng, phép thuật để tạo nên trái đất theo từng công việc cụ thể. Như vậy, trong trái bầu và ba cái gùi chứa đựng những yếu tố để dựng nên thế gian và sự sống của loài người (*Thần K’Boong làm nên trái đất*).

Chuyện kể Mạ nhắc đến những tổ tiên ban đầu như tổ Paang Kha và Paang Khem “chui ra” từ các bụi cây. Thờ ban sơ chung sống, các tổ Paang lấy làm vợ chồng giữa các anh em trai và chị em gái sinh ra Biit và Rling. Những nhánh người khác do thần K’Boong sinh ra như Doot và Doi. Sau này có thêm Paang Riing và Nham...(*Sự tích về tổ tiên các dòng họ*).

Một số chuyện cổ khác thì cho rằng: có ba người phụ nữ đã sinh ra các giống loài con người. Trong đó, người phụ nữ Ka Grum sinh ra Kon Chau/ tức những nhóm người Thượng; trong đó có người Mạ. Trong khi đó, người phụ nữ Ka Rúp sinh ra Kon Prum (người Chăm), người phụ nữ Ka Grau sinh ra Kon Yoan/Yuôn, Yon (tức người Kinh) (*Huyền thoại Rúp, Rum, Rau*). Chuyện kể Mạ - Kơ ho còn có những chi tiết khác về hình thành tộc người của các tộc người vùng Nam Trường Sơn từ cây thần linh. Những nhóm người do lấy những phần của cây thần mà trở

⁶ Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983.tr.32.

thành các tộc người khác nhau; trong đó người Mạ đã lấy phần cành và phần lá (*Chặt cây thân*)⁷.

Trên địa bàn của người Mạ sinh sống hiện nay, các nhà khảo cổ đã thu thập được nhiều hiện vật, khai quật những di chỉ cho thấy dấu vết của những lớp cư dân cổ. Trong một thung lũng thuộc thôn 6 xã Đa Đồn huyện Lâm Hà đã phát hiện được khu mộ cổ của người Mạ, thu được trên mặt đất 3 công cụ chày, 1 công cụ nạo và hàng chục công cụ không định hình với các kích thước khác nhau được chế tạo từ đá cuội. Tại Đồi Giàng thuộc thôn Đại Lào, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc thu lượm được 2 công cụ nạo hoặc cắt khía được chế tác từ hòn cuội dẹt hoặc mảnh cuội. Tại một ngọn đồi thấp xã Nam Ninh (huyện Cát Tiên), nhân dân đã phát hiện được 3 lưỡi cuốc bằng đá. Dọc theo tả ngạn sông Đồng Nai địa phận huyện Cát Tiên, Đa Tềh, đã phát hiện nhiều rìu đá và bàn mài. Đặc biệt, tại di chỉ thuộc xã Phù Mỹ (Cát Tiên), đã thu lượm được 3 mảnh khuôn đúc bằng đá, 7 bàn gổm và 1.288 mảnh gổm vỡ. Những hiện vật được phát hiện là công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt của những lớp cư dân cổ trên vùng đất này cách đây hàng ngàn năm. Những di vật, di chỉ khảo cổ này chứng tỏ trên vùng đất người Mạ sinh sống đã có những lớp cư dân cổ.

Từ năm 1986, một phát hiện quan trọng với quần thể phế tích kiến trúc chạy dài gần 15km dọc theo bờ bắc thượng nguồn sông Đồng Nai thuộc địa bàn huyện Cát Tiên với số lượng hiện vật phong phú từ nhiều chất liệu. Ngoài chất liệu đá, gạch đa dạng dùng để xây dựng kiến trúc đền tháp (khe cửa, xà ngang, bậc cửa, thanh ốp cửa,...), hiện vật bằng đá còn có: bộ ngẫu tượng linga - yony, tượng Ganesa, các hạt đá thạch anh màu trắng, linga đá trắng...Hiện vật gốm chiếm số lượng nhiều với những mảnh vỡ các loại bình, cốc, chân đèn, lọ,...Chất liệu bạc có 2 hiện vật dát mỏng khắc tạc đỉnh ba, ốc. Hiện vật bằng đồng gồm hộp Klong, chân đèn, đĩa, chậu...Chất liệu sắt có 6 hiện vật gồm giáo, đinh sắt, bàn đinh sắt. Đặc biệt, ở đây còn thu được 166 hiện vật chế tác từ kim loại màu vàng. Trong 166 hiện vật có: 25 mảnh trang trí hình ảnh các vị thần vũ nữ, thiên tiên theo đề tài tôn giáo

⁷ Lê Hồng Phong. *Đặc điểm truyền cổ Mạ - K'ho (Lâm Đồng). Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn, Trường Đại học KHXH&NV TP.HCM, 2002.*

và sử thi Ấn Độ, trong đó có hình ảnh một số vị thần cưỡi voi, bò, ngựa, ngỗng; 5 hiện vật khắc tạc hình ảnh bò Naudin, 1 hiện vật tạc hình ảnh rùa, 7 hiện vật trang trí hoa sen, 4 hiện vật trang trí ốc xoắn, 3 hiện vật trang trí hình đỉnh ba, còn lại là các mảnh giác mỏng không trang trí cùng 40 mảnh vòng, nhẫn với 25 mảnh còn nguyên vẹn với tiết diện tròn hoặc xoắn. Ngoài ra còn có 5 chiếc linga nhỏ, hình ảnh thu gọn của chiếc linga chính đặt trong lòng tháp. Có 37 mảnh vàng có khắc văn tự, tự dạng Sanskrit thế kỷ X- XI.

Những phát hiện khảo cổ trên đã đặt ra nhiều vấn đề về lớp cư dân cổ của các di chỉ, di tích kiến trúc này có quan hệ như thế nào đối với tộc người Mạ - một dân tộc bản địa sống trên vùng rừng núi này. Một số ý kiến cho rằng *“Khu di tích Cát Tiên có thể là một phần của văn hoá Óc Eo. Khi văn hoá Óc Eo bị lịch sử chi phối dần lại tàn thì nơi đây vẫn tồn tại và độc lập trở thành thánh địa của một tiểu quốc mà lịch sử gọi là nhà nước Mạ - Xtiêng, một tiểu quốc nằm giữa hai quốc gia hùng mạnh Chăm Pa và Phù Nam. Nếu những tư liệu lịch sử là chuẩn xác thì khả năng khu di tích Cát Tiên là thánh địa của tiểu vương quốc Mạ - Xtiêng và chủ nhân của thánh địa là tộc người Mạ - Xtiêng phù hợp với những truyền thuyết dân gian để lại trên vùng đất Nam Tây Nguyên rộng lớn này”*⁸.

Những tư liệu trên có tính chất tham khảo để góp phần làm sáng tỏ thêm về tộc người Mạ. Tuy vậy, để có những cái nhìn đầy đủ hơn về người Mạ, trên cơ sở của những công trình, đề tài trước đây, cần có những công trình nghiên cứu tiếp theo, kế thừa và nối tiếp với hy vọng sẽ làm rõ hơn về một tộc người từng tồn tại với một địa bàn được gọi là “công quốc Mạ”.

1.2. Dân số

Hiện nay, người Mạ sinh sống chủ yếu và chiếm số lượng đông đảo tại tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Đồng Nai. Theo báo cáo kết quả chính thức tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009 (tóm tắt) của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương, dân số Mạ ở Việt Nam hiện nay là có 41.405 người trong đó, nữ là 21.316 người, nam là 20.087.

⁸ Nhiều tác giả. Địa chí tỉnh Lâm Đồng. Các di tích khảo cổ. Trang thông tin điện tử <http://www.dalat.gov.vn/web/books/diachinoidung/phan4/chuong1.htm>

Hiện nay, người Mạ ở Lâm Đồng có khoảng 33.000 người và sinh sống tập trung ở thị xã Bảo Lộc, các huyện: Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Cát Tiên.

Tỉnh Đắk Nông có 5.997 người, chủ yếu ở xã Đắk Nia thị xã Gia Nghĩa, huyện Đắk Glong, một phần của huyện Đắk R'lấp. Tỉnh Đồng Nai có khoảng 2.000 người. Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, người Mạ sinh sống tập trung tại hai huyện phía Bắc là Định Quán, Tân Phú. Hiện nay, người Mạ ở Đồng Nai có 1.858 người. Phân bố cụ thể như sau: Huyện Tân Phú có 126 hộ gồm 623 nhân khẩu (tập trung ở xã Tà Lài, Phú Bình, Phú Sơn), huyện Định Quán có 1.235 người (tập trung ở thị trấn Định Quán, xã Gia Canh, xã Phú Tân).

Ngoài ra ở các huyện, thị, thành phố nêu trên, một số địa bàn khác của tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đồng Nai, Đắk Nông có người Mạ sinh sống nhưng không đáng kể. Chủ yếu chỉ biểu hiện ở sự hiện diện của những cá thể, không thể hiện tính tập trung theo tính chất cộng đồng.

Thông kê số lượng dân số trên với các đơn vị hành chính hiện tại – tính đến cuối năm 2010. Từ năm 2010 trở về trước là một giai đoạn có nhiều thay đổi về hành chính ở tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, các công trình nghiên cứu trước đây có thông kê số lượng người Mạ ở từng địa bàn so với hiện nay cũng có những thay đổi.

Ví dụ như: huyện Bảo Lộc của tỉnh Lâm Đồng được chia tách thêm một đơn vị hành chính cấp huyện là Bảo Lâm vào năm 1994. Ở tỉnh Đồng Nai, huyện Định Quán có người Mạ sinh sống trước đây cũng được chia tách thành hai huyện Định Quán và Tân Phú vào năm 1991.

Trên cơ sở của các công trình nghiên cứu trước đây, chúng tôi nêu lên những số liệu thống kê về người Mạ ở một số mốc thời gian để tham khảo.

- Tỉnh Lâm Đồng: Năm 1959, người Mạ ở Lâm Đồng có 30.000 người (bao gồm nhóm Tô, Sộp, Ro hay Chơ ro)⁹. Năm 1977, có trên 19.009 người Mạ, chiếm tỉ lệ 5,5% dân số toàn tỉnh và được phân bố như sau: Huyện Bảo Lộc có 15.551

⁹ Theo Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mạc Đường. *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Hà Nội, 1959. (Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...).*sdd.

người, huyện Đức Trọng có 2.316 người, huyện Di Linh có 1.168 người, thành phố Đà Lạt có 24 người.

- Tỉnh Đồng Nai: Năm 1986, có 1.848 người Mạ, đứng hàng thứ 10/40 dân tộc sinh sống toàn tỉnh. Phân bố cụ thể như sau: Huyện Định Quán có 923 người, huyện Tân Phú có 925 người. Năm 1999, Tổng điều tra dân số và nhà ở của Việt Nam cho thấy, người Mạ có 33.339 người, trong đó có 16.274 nam, 17.064 nữ.

1.3. Ngôn ngữ

Một số tư liệu cho biết, tiếng Mạ là ngôn ngữ có thanh điệu. Tùy từng vùng cư trú của người Mạ mà thổ ngữ có những đặc điểm khác nhau. Nội dung chuyên khảo “Vấn đề thanh điệu trong tiếng Mạ” của tác giả Nguyễn Văn Huệ¹⁰ cho thấy ngôn ngữ Mạ có những đặc điểm sau:

Địa bàn cư trú của người Mạ phía thượng nguồn sông Đồng Nai (phần lớn thuộc huyện Bảo Lâm, thị xã Bảo Lộc) thì thổ ngữ thường có hai thanh thấp và cao. Thanh cao phân bố ở tất cả các loại âm tiết; thanh thấp không phân bố ở các âm tiết mở (trừ một vài trường hợp) và ở các âm tiết có nguyên âm ngắn. Xét trong quan hệ với phụ âm đầu, điều đáng lưu ý là cả hai thanh cao và thấp đều được phân bố đều ở các âm tiết có phụ âm đầu hay xát, hữu thanh hay vô thanh hay tiền thanh hầu hoá.

Địa bàn cư trú của người Mạ thuộc các huyện phía Nam tỉnh Lâm Đồng (huyện Đa Hoi, Đa Tẻ) thì thổ ngữ có năm thanh. Ngoài hai thanh cao và thấp có đường nét âm điệu bằng phẳng, còn có thể kể đến các thanh gần giống như các thanh “sắc”, “nặng”, “hỏi” của tiếng Việt.

Một số địa bàn khác như thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Ngãi (huyện Bảo Lâm), xã Đinh Trang Thượng (huyện Di Linh), thổ ngữ có tính trung gian. Âm tắc thanh hầu cuối (-q) và âm xát thanh hầu cuối (-h) tuy chưa mất hẳn nhưng được thể hiện rất yếu. Để bù đắp vào sự nhược hoá của hai phụ âm cuối này, tính chất biến điệu của âm tiết được thể hiện khá rõ, nghe như các thanh của tiếng Việt là “sắc” và “nặng”.

So sánh hệ thống ngữ âm giữa tiếng Mạ với các ngôn ngữ cùng nhóm Môn – Khmer khác như Mnông, Xtiêng cho thấy hệ thống phụ âm đầu của các ngôn ngữ

¹⁰ <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index>.

này khá giống nhau, nghĩa là vẫn còn duy trì thể đối lập giữa các phụ âm hữu thanh/vô thanh/tiền thanh hầu hoá. Điểm khác biệt chủ yếu về ngữ âm giữa tiếng Mạ với các ngôn ngữ Mnông, Xtiêng là ở khu vực nguyên âm: trong tiếng Mạ, trừ hai cặp nguyên âm giống giữa là a/ă và ơ/â là còn duy trì được sự đối lập về trường độ, các nguyên âm khác không còn sự đối lập ngắn /dài. Thanh cao trong tiếng Mạ được phân bố ở các âm tiết tương ứng với các âm tiết có nguyên âm ngắn trong tiếng Mnông, thanh thấp trong tiếng Mạ tương ứng với các âm tiết có nguyên âm dài trong tiếng Mnông”.

1.4. Địa bàn cư trú

Cùng với các tộc người khác, người Mạ cư trú lâu đời ở Nam Tây nguyên và miền Đông Nam Bộ. Hiện nay, người Mạ cư trú tập trung tại các huyện, thị phía Nam tỉnh Lâm Đồng như thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, huyện Đạ Huoai, huyện Đạ Tẻh, huyện Cát Tiên và hai huyện Tân Phú, Định Quán nằm về phía Bắc tỉnh Đồng Nai.

Những vùng cư trú này trước đây với hệ thống rừng núi nối tiếp nhau, bạt ngàn, có xu hướng tập dân về phía Nam cuối dãy Trường Sơn. Địa bàn các tỉnh phía Nam tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là nơi người Mạ sinh sống tập trung là B' Lao trước đây (Bảo Lộc, Bảo Lâm Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên hiện nay) là cao nguyên vùng rừng núi có độ cao trung bình từ 900m đến 1.100 mét so với mặt biển, là vùng phát sinh của nhiều dòng suối lớn. Địa bàn nơi người Mạ sinh sống tại huyện Định Quán, Tân Phú tỉnh Đồng Nai là vùng rừng núi chuyển tiếp, có độ cao trung bình với vùng bình nguyên phía lưu vực sông La Ngà, sông Đồng Nai. Người Mạ thường chọn những địa điểm bằng phẳng trong phần chân thấp của núi để sinh tụ.

Thế nhưng, địa bàn cư trú của người Mạ có nhiều biến động trong lịch sử. Một số ý kiến sau đây liên quan đến vùng cư trú của người Mạ (kể cả người Chơ ro được liệt kê trong nhóm người Mạ):

Trong một số tài liệu như “Phủ Biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức; “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn) khi ghi chép về vùng Đồng Nai đã đề cập đến nhóm cộng đồng các dân tộc ít người mà họ gọi là “Mọi”, “Man sách”. Chắc chắn rằng trong nhóm cộng

đồng “Mọi”, “Man sách” được nhắc đến ở vùng Đồng Nai có nhóm cư dân Chơ ro, Mạ.

Một số nhà nghiên cứu dân tộc học phỏng đoán, người Mạ từng ở đồng bằng Nam Bộ và có lúc đã trở thành vương quốc. Sau khi bị đế quốc Phù Nam đô hộ, người Mạ rút bỏ các đồng bằng Nam Bộ, đến sinh sống địa bàn gồm toàn đồi núi, rừng rậm và đầm lầy, nằm suốt từ bờ biển Bình Thuận tới trung và thượng lưu sông La Ngà. Trong một thời gian khá dài, địa bàn người X’tiêng, người Mạ sinh sống trở thành vùng đệm giữa hai nước chiếm Thành và Chân Lạp. Tuy phải triều cống Cao Miên/Chân Lạp nhưng Mạ vẫn là một tiểu quốc tự do¹¹.

Nhiều công trình địa phương chí về vùng Biên Hòa, Long Khánh đầu thế kỷ XX còn liệt kê và chụp ảnh những vùng đất mà người dân tộc thiểu số cư trú, trong đó có đề cập nhóm người Mạ ở vùng núi Chứa Chan thuộc địa phận huyện Xuân Lộc, vùng Gia Canh thuộc huyện Định Quán (Monographic de la Bien Hoa 1901, 1924 và Cochinchine 1931). Từ năm 1971, nhà nghiên cứu Bình Nguyên Lộc trong công trình đăng tải trên tập san Sử Địa Sài Gòn cho rằng: Khu vực Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ là địa bàn cư trú của người Châu Mạ. Nhiều học giả đồng thuận với quan điểm này và còn cho biết thêm, ngay cả vùng Sài Gòn xưa cũng thuộc phạm vi không gian văn hóa xã hội của nhóm cư dân Mạ, Châu Ro, Stiêng (Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh - tập I). Về nguồn gốc lịch sử và sự phân bố cư dân bản địa ở Đồng Nai, theo công bố của PGS, PTS Phan Xuân Biên công trình “300 năm hình thành và phát triển Đồng Nai” thì *“Xứ Đồng Nai được thành lập cách đây 300 năm bao gồm cả vùng đất Đông Nam Bộ và một phần Nam Tây Nguyên. Nơi đây từ lâu đã là địa bàn cư trú của một bộ phận cư dân Môn - Khome, mà theo sự xác minh thành phần dân tộc học, đó là các tộc người Mạ, Châu Ro, Stiêng, Mơ Nông, Kơ Ho. Các cộng đồng dân tộc thiểu số này là hạt nhân cơ bản của vương quốc Mạ kéo dài từ vùng trung lưu đến hạ lưu sông Đồng Nai. Sau này, do áp lực của nhiều luồng di dân và do hoàn cảnh lịch sử xã hội vào khoảng thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, người Mạ và các tộc người khác đã lùi dần về phía thượng lưu*

¹¹ Nhiều tác giả (Trần Văn Giàu chủ biên). Địa chí Thành phố Hồ Chí Minh, tập I - Lịch sử. NXB TP.HCM, 1987.

sông Đồng Nai và vùng miền núi Đông Nam Bộ. Địa bàn tập trung dân tộc Mạ nhiều nhất là vùng Đồng Nai Thượng/ nay thuộc địa bàn của tỉnh Lâm Đồng. Một bộ phận của cư dân Mạ, Châu Ro trong quá trình luân chuyển di cư đã chọn những vùng đất ở Đồng Nai sinh sống. Cụ thể là vùng đồi núi, ven sông Đồng Nai thuộc địa phận của huyện Định Quán và Tân Phú ngày nay”¹².

Một số nguồn tư liệu cho biết, trên vùng đất Biên Hòa xưa - Đồng Nai ngày nay nói riêng hay cả vùng Đông Nam Bộ nói chung, trước đây đã từng tồn tại một “vương quốc” hay “công quốc” của người Mạ. Người Mạ đã có khu vực cư trú ổn định với một lãnh thổ khép kín. Đó là “họ đã lập được Nggar Chau Mạ (nước người Mạ), mà Bernard Buorotte gọi là công quốc Mạ (principauté Mạ), đại khái ranh giới phía Na là sông La Ngà (Đạ R’Nga), phía Bắc là vùng Đức Trọng (Lâm Đồng), phía Đông giáp đồng bằng Bình Thuận, phía Tây giáp Sông Bé (tỉnh Bình Phước hiện nay). Nước người Mạ nằm trên phần lớn cao nguyên Di Linh – Bào Lộc, nửa phía Bắc huyện Định Quán và toàn huyện Tân Phú (Đồng Nai) hiện nay”¹³

Trong quá trình Nam tiến, vùng đất Nam Bộ được các chúa Nguyễn đẩy Mạnh khai khẩn, chiếm lấy. Vùng cư trú người Mạ bị xáo trộn “Khi chúa Nguyễn chiếm hết đất Chiêm Thành và bắt đầu chiếm đất Biên Hòa thì nước Sơ Mạ không thể tồn tại độc lập được nữa vì ở ngay trên đường giao thông của người Việt từ Khánh Hòa – Bình Thuận vào Biên Hòa – Gia Định. Thế là nước suy tàn và các bộ lạc tản cư lên miền Tây Bình Thuận và miền Đông nước Cao Miên....Sau đầu đời Nguyễn thì những Sơ Mạ ở miền Nam tỉnh Bình Thuận và miền Đông tỉnh Biên Hòa trở thành những sách ‘thuộc man’ của hai tỉnh ấy...”¹⁴.

Nhìn trên địa bàn cư trú truyền thống, chưa có sự hiện diện của người Kinh, thì vùng người Mạ sinh sống tiếp giáp với vùng cư trú của người M’ông về phía Bắc (người M’ông hiện đang sống nhiều tại tỉnh Bình Phước, tỉnh Đak Nông), người X’tiêng về phía Tây (tỉnh Bình Phước), người Chơ ro về phía Nam (tỉnh Đồng Nai), Kơ ho về phía Đông (tỉnh Lâm Đồng).

¹² Phan Xuân Biên. *Cư dân bản địa Đồng Nai. Kỳ yếu Hội thảo 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Tỉnh ủy Đồng Nai, 1998. (Châu Ro/hàm chỉ về người Chơ ro)*

¹³ Nhiều tác giả. *Địa chí Đồng Nai, tập V. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001. Tr 679.*

¹⁴ Đào Duy Anh. *Đất nước Việt Nam qua các đời. NXB Thuận Hóa – Huế, 1994.*

Trong thế kỷ 19, với việc người Pháp đặt chân đến vùng đất miền Đông Nam Bộ, thực hiện chính sách khai thác thuộc địa cho đến thế kỷ 20, vùng cư trú người Mạ tiếp tục bị những yếu tố xã hội tác động. Người Mạ bị dồn vào những vùng rừng núi sâu hơn khi tư bản Pháp chiếm đoạt đất đai, mở đồn điền trồng cây công nghiệp. Thế kỷ 20, dưới thời quản lý của chính quyền Sài Gòn, đặc biệt từ thập niên 60, một số vùng cư trú của người Mạ bị bãi bỏ để dồn dân vào các khu ấp chiến lược. Sau năm 1975, chính quyền cách mạng thực hiện chính sách định canh định cư, một số vùng cư trú của người Mạ trước đây cũng được dịch chuyển, thành lập các khu cư trú mới để phát triển.

Hiện nay, điều kiện môi trường sống của người Mạ có nhiều thay đổi tích cực so với môi trường truyền thống do thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước đối với vùng miền núi. Hệ thống điện, đường, trường, trạm được đầu tư xây dựng đã có những tác động tích cực đến đời sống người Mạ. Dẫu vậy, nhìn về góc độ sinh tụ, địa bàn người Mạ sinh sống vẫn thuộc khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa với những khó khăn nhất định. Sự thay đổi tích cực về các điều kiện, yếu tố liên quan đến đời sống cũng đã có những ảnh hưởng, tác động tích cực lẫn tiêu cực nói chung trên nhiều lĩnh vực đối với cộng đồng người Mạ.

Văn hóa vật chất

2.1. Cư trú cộng đồng

Cách thức tổ chức cư trú truyền thống của người Mạ theo từng “bon”, thường được gọi là “buôn” (tương đương theo đơn vị “làng” của người Việt). Các nhà nghiên cứu cho rằng, “bon” là *“một công xã huyết tộc, quy tụ một hay nhiều dòng họ cùng chung một huyết thống hoặc cũng có thể là một công xã láng giềng quy tụ nhiều dòng họ khác nhau”*¹⁵.

Như vậy, mỗi buôn của người Mạ là một khoảnh đất rộng, quy tụ nhiều nhà sàn và một số nhà dài. Nhà dài là một thiết chế của đại gia đình. Trong đó, các thế hệ ông bà, cha mẹ, con, cháu hoặc chắt cùng sinh sống. Mỗi buôn như vậy là một khu sinh tụ khép kín, phân biệt với các buôn khác.

Một số hình ảnh của các nhà nghiên cứu người Pháp đầu thế kỷ XX cho thấy buôn của người Mạ có rất nhiều nhà dài. Những nhà dài được thiết kế theo một trục chung với nhau trên một khoảnh đất rộng, khá bằng phẳng được chọn phía dưới các chân núi. Một bôn của người Mạ thường có từ 2 đến 5 nhà dài và một số nhà sàn ở chung quanh. Những buôn cổ truyền của người Mạ thường được chọn không xa nguồn nước. Ranh giới giữa các buôn thường được phân định bởi các dòng sông hay suối, ao hồ hoặc một quả núi hay đồi, cánh rừng hay dốc núi, cây cổ thụ, phiến đá lớn....

Việc chọn buôn làm nơi cư trú của dòng họ thường do già làng và những người lớn tuổi có kinh nghiệm quyết định. Những khoảnh đất được chọn khá bằng phẳng ven suối, thung lũng hay các sườn đồi... Có ý kiến cho rằng, buôn của người Mạ là *“Một công xã nông nghiệp, một đơn vị kinh tế - xã hội mang nặng tính chất tự cấp, tự túc. Trên thực tế, rất khó có thể xác định hình dạng các buôn một cách rạch ròi. Ở đây, nổi lên là sự “thuận theo tự nhiên”, cố gắng tối đa khai thác những yếu*

¹⁵ Trần Cẩm. *Các hình thái cư trú và nhà ở của các dân tộc Lâm Đồng. Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*.sdd, tr.169.

tổ địa hình, địa vật phục vụ cho cuộc sống của mình. Nếu có sự trùng hợp với một kiểu dáng hình học hay quy ước nào đó thì cũng thiên về ngẫu nhiên, chứ không phải do chủ ý... Một trong những tiêu chí dễ nhận ra "tâm vóc" của các buôn làng ở đây là số lượng nóc nhà (thường là nóc nhà dài). Có bon chỉ bao gồm mấy nóc, thậm chí là một nóc nhà duy nhất"¹⁶. Mỗi buôn thường có tên gọi riêng. Tên gọi của buôn đó có thể gắn với địa danh của vùng đất hay quả núi, dòng sông.... Từ một buôn ban đầu, nếu dòng họ phát triển hoặc một lý do nào khác, có thể tách ra thành lập một buôn khác.

Tổ chức cư trú cổ truyền của người Mạ trải qua nhiều giai đoạn đã bị biến đổi. Trong phạm vi tỉnh Đồng Nai, trước năm 1945, người Mạ sinh sống ở các làng Thuận Tùng, Cao Cang, Gia Canh và Tà Lài. Địa bàn Tà Lài sau này thuộc huyện Tân Phú. Năm 1947, một số người Mạ bị chính quyền thực dân Pháp cưỡng bức đi lính, tập trung về khu vực Trảng Bom (cách Định Quán khoảng 60 km), nhưng sau đó, những người Mạ này tìm cách trốn về các làng cũ.

Trong thời kỳ chính quyền thực dân mở đồn điền trồng cà phê, trà ở khu vực Bảo Lộc, một số làng người Mạ tập trung trong khu vực đồn điền. Thời kỳ từ 1960 trở đi, chính quyền Sài Gòn thực hiện việc dồn dân vào các khu tập trung, vùng đồng bào Mạ ở Lâm Đồng, Đồng Nai bị dồn vào áp chiến lược. Tại Bảo Lộc và Di Linh có hơn 4.000 người Mạ, người Kơ ho bị dồn vào trại tập trung Bắc Ruộng. Ở Đồng Nai, người Mạ bị dồn về ấp Hiệp Nghĩa – ven quốc lộ 20, địa phận huyện Định Quán. Khi đánh giá về quá trình thay đổi lối cư trú trên địa bàn người Mạ sinh sống nói riêng, cũng như các địa bàn có người dân tộc thiểu số nói chung trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn trước 1975, tác giả Nguyễn Văn Diệu cho rằng: "Với việc thành lập các đồn điền tư bản chủ nghĩa, các "trại tập trung" và các "ấp chiến lược" nói trên đã làm cho cơ cấu bốn làng trong vùng các dân tộc ít người có một sự biến đổi sâu sắc. Nếu như trong xã hội cổ truyền, làng là một công xã thị tộc,

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

¹⁶ Nguyễn Hoài Bảo (chủ nhiệm). Nhiều tác giả. Địa chí Lâm Đồng. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2001.

hoặc là một công xã gia đình, thì dưới chế độ thực dân mới, làng của họ mang tính chất một đơn vị hành chính hiện đại”¹⁷

Vùng rừng núi, có chính quyền cách mạng hoạt động, người Mạ tiếp tục sinh sống tại các buôn của mình. Thậm chí, để tránh địch phong tỏa, càn quét, một số buôn người Mạ dịch chuyển vào trong rừng sâu sinh sống và phục vụ kháng chiến. Sau ngày đất nước thống nhất, chính sách định canh định cư của nhà nước Việt Nam đã có những tác động đến tập quán cư trú truyền thống của người Mạ. Nhiều buôn người Mạ được tập trung định cư. Như vậy, địa bàn cư trú của người Mạ cũng có nhiều dịch chuyển từ nơi đất gốc đến những địa bàn trong khu vực được chọn định cư theo tiêu chí của nhà nước nhằm mục đích ổn định đời sống chung. Ở Đồng Nai, ấp 4 xã Tà Lài là khu định canh định cư khá ổn định của người Mạ. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, các thôn thuộc địa bàn xã Lộc Bắc, Lộc Bảo huyện Bảo Lâm là những khu định canh định cư sau ngày đất nước giải phóng. 22 làng người Mạ lẻ tẻ trên núi cao gồm 300 hộ với 1.000 người Mạ đã tập trung về dọc sông Đa The lập nên xã Đa Têh. Năm 1977, có 171 hộ với 948 nhân khẩu người Mạ trong vùng kháng chiến tập trung tại vùng trảng Singơ lập nên xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm hiện nay... Sự dịch chuyển địa bàn sinh sống đến khu vực định canh, định cư nhưng người Mạ vẫn duy trì tên gọi các bon sinh sống trước đây¹⁸

Hiện nay, người Mạ cư trú tập trung theo đơn vị hành chính trong cơ cấu quản lý nhà nước từ cơ sở trở lên với các ấp hay thôn hoặc khu.

Phần lớn, người Mạ ở Đồng Nai sống tập trung trong các ấp thuộc địa bàn cấp xã. Người Mạ ở huyện Tân Phú sinh sống tập trung trong khu vực thuộc ấp 4 xã Tà Lài. Người Mạ ở huyện Định Quán sống tập trung tại ấp Hiệp Nghĩa, thị trấn Định Quán.

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ở huyện Bảo Lâm và thị xã Bảo Lộc, người Mạ sống tập trung tại các thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã phường. Dưới

¹⁷ Nguyễn Văn Diệu. *Vấn đề kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc Lâm Đồng dưới thời Mỹ - nguy.* tr.86. (Dẫn theo Mạc Đường. *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*).sdd.

¹⁸ Phan Ngọc Chiên. *Một số vấn đề dân tộc học nông nghiệp ở vùng người Mạ tỉnh Lâm Đồng.* tr 93. (Dẫn theo Mạc Đường. *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*).sdd.

các thôn, khu phố địa bàn người Mạ sinh sống được gọi theo cách gọi truyền thống là buôn như B'Lạch (A), B'Lạch (B), B'Tạch, B'Đăng, B'Nao (A), B'Nao (B), Đăng Nar, B'Trú, B'Trú Đa, B'KRá, Hăng Ka, B'Lung, B'Đung, Đinh Xiết, B'Sar A, B'Sar B, B'Sar Niar, Pru. Ở thị xã Bảo Lộc, có các buôn Sô Ven, Buôn B'lao Srê (phường B'lao), Thôn Nau Sri, xóm Nga Sơn (xã Lộc Nga), khu 9 (Lộc Sơn) và thôn Đa Nghịch (xã Lộc Châu)¹⁹...

Buôn của người Mạ sinh sống hiện nay rất khác với buôn làng cổ truyền. Nếu buôn cổ truyền thường quy tụ những nóc nhà trong một địa bàn vừa phải thì ngày nay mỗi buôn thường quy tụ một hay nhiều địa bàn trên cùng khu vực được xác định ranh giới rộng hơn so với trước đây. Trong phạm vi địa giới của buôn có nhà riêng rẽ hay nhiều ngôi nhà được xây dựng bởi những vật liệu kiên cố, theo lối kiến trúc Việt. Những khu vực nhà ở có nhiều căn nhà được xây dựng riêng với các mảnh vườn hoặc liền kề nhau, nằm ven các trục lộ giao thông trong thôn, xã.

Nhà dài hầu như vắng bóng trong các địa bàn cư trú của người Mạ ở Đồng Nai. Trên địa bàn Lâm Đồng, nhà dài vẫn tồn tại nhưng số lượng ít ỏi trong mỗi buôn, thậm chí, hiện nay có nhiều buôn không còn một ngôi nhà dài nào. Nhà sàn vẫn còn tồn tại trong các buôn nhưng xen kẽ và có quy mô như nhỏ lại so với với các kiến trúc nhà hiện đại được sự hỗ trợ của nhà nước xây dựng, cấp phát. Sự bố trí nhà xây, nhà gỗ hay nhà sàn trong một khoảnh đất của một hộ gia đình ở một số địa bàn người Mạ sinh sống này do tác động của chính sách định canh, định cư và các chương trình hỗ trợ phát triển của nhà nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc điểm cư trú này trong các buôn của người Mạ dễ dàng nhận thấy trên địa bàn xã Lộc Bắc, Lộc Bảo huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Nhà xây do nhà nước hỗ trợ thường thấy ở phía trước, sau đó có nhà bằng gỗ hoặc là một nhà sàn của người Mạ ở phía sau hay một địa điểm liền kề trong mảnh đất của hộ gia đình.

Trong cấu trúc cư trú cộng đồng cổ truyền của người Mạ, già làng/chủ làng (Kwang Bon) có vị trí quan trọng. Già làng là người lớn tuổi, có uy tín, hiểu biết, nhiều kinh nghiệm và được cộng đồng kính trọng. Điều quan trọng hơn hết của vị

¹⁹ Tên gọi các buôn ở xã Lộc Bắc, Lộc Bảo thuộc huyện Bảo Lâm và một số phường, xã của thị xã Lộc Bảo, tỉnh Lâm Đồng

già làng/chủ làng “phải hiểu biết phong tục tập quán của làng và của cả dân tộc mình. Ông còn là một người có tài ăn nói, có kinh nghiệm sản xuất, chiến đấu và được mọi người trong làng kính nể. Chủ làng hoặc chủ đất có một nhiệm vụ hết sức quan trọng đó là việc quản lý toàn bộ đất đai, rừng núi, sông suối thuộc phạm vi làng mình....Về tinh thần người chủ làng có một uy quyền tuyệt đối đối với mọi thành viên trong làng”²⁰. Những việc xảy ra trong cộng đồng trên nhiều mặt như phân giải, xử phạt, tổ chức lễ lạc...thì cộng đồng thường tham vấn ý kiến già làng.

Hiện nay, chức danh già làng vẫn tồn tại nhưng chỉ mang ý nghĩa tinh thần trong cộng đồng người Mạ. Cư trú của người Mạ tùy theo địa phương được tổ chức theo khu, thôn hay ấp thì có các chức danh quản lý được nhà nước quy định trong hệ thống: trưởng khu, trưởng ấp, trưởng thôn. Những già làng được cộng đồng tôn trọng nếu có vai trò trong bộ máy quản lý nhà nước từ cơ sở sẽ có nhiều thuận lợi trong việc quản lý, phát huy sức mạnh cộng đồng của người Mạ.

2.2. Cư trú gia đình

Trong tổ chức cư trú truyền thống của người Mạ, loại hình nhà sàn khá phổ biến. Đây là kiến trúc nhà ở mà mặt bằng của sàn nhà cao hơn mặt đất. Việc chọn kiến trúc nhà sàn là kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ của cộng đồng người Mạ khi sinh sống trong vùng rừng núi, nhiều thú dữ, khí hậu ẩm. Nhà sàn Mạ có hai dạng chính: nhà sàn dài - gọi là nhà dài và nhà sàn ngắn – gọi là nhà sàn.

2.2.1. Nhà sàn dài

Nhà sàn dài (thường gọi là nhà dài) là kiến trúc cư trú cổ truyền độc đáo của người Mạ nói riêng và các dân tộc Tây Nguyên nói chung. Thế nhưng, nhà sàn của mỗi dân tộc có những nét riêng. Nhà dài có nhiều thế hệ sinh sống là sự phản ánh tính cố kết gia đình bền chặt của người Mạ trong cuộc sống. Hồi cố của người Mạ và những tư liệu nghiên cứu²¹ về cộng đồng Mạ được công bố, đặc biệt qua hình

²⁰ Nguyễn Văn Diêu. Vấn đề kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc Lâm Đồng dưới thời Mỹ - nguy. tr.79. (Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...).sđd.

²¹ Jean Buolbet. Pays des Maa' Domaine des Gelnies. Nggar Maá, Nggar Yaang. Paris, 1967. (Bản dịch của Đỗ Văn Anh có tên gọi Xứ người Mạ - lãnh thổ của thân linh do Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 1999).

ảnh được chụp trước đây cho thấy, loại hình nhà dài khá phổ biến trong các buôn của người Mạ. Đây là nơi cư trú và sinh hoạt của đại gia đình. Một số tư liệu cho biết vào đầu thế kỷ 20, có những ngôi nhà sàn dài 100 mét. Trước khi địa bàn sinh sống người Mạ bị tác động bởi nhiều yếu tố, mỗi buôn của người Mạ có nhiều nhà dài. Nhưng hiện nay, kiến trúc nhà dài còn lại ít ỏi và có bị hư hỏng nhiều, có nguy cơ mai một, mất hẳn. Một số nhà dài hiện hữu trong cộng đồng người người Mạ hiện nay tại Lâm Đồng dài từ 25 đến 30 mét.

Nhà dài được làm từ những vật liệu có sẵn, dễ tìm trên địa bàn người Mạ sinh sống như cây gỗ, tre, mây... Trên bình diện tổng thể, kiến trúc nhà dài theo dạng hình chữ nhật. Nhà dài có hai mái. Sàn nhà cao cách mặt đất từ khoảng 0,5 mét đến 1,0 mét. Hiện nay, đa số nhà dài hiện hữu trong các buôn người Mạ có khoảng cách với mặt đất chưa quá 0,8 mét. Khi làm nhà dài, người Mạ thường chuẩn bị vật liệu trước đó một khoảng thời gian khá dài. Có một số điều kiêng kỵ khi chặt cây gỗ để làm nhà như chọn các loại cây thẳng, không có dây leo, không chọn cây đã chết khô. Khu vực đất làm nhà dài được chọn lựa kỹ càng, không gần khu nghĩa địa, không có thú vật nào chết trên đó.

Khi bắt đầu làm nhà, già làng đào một hố nhỏ để chôn cây cột chính. Trong hố đào đổ cỏ bở một số than hồng phía dưới, sau đó trồng cột lên trên. Người Mạ cho rằng, đó là cách làm cho nhà có hơi ấm từ than hồng và cũng là một dạng “chú yểm” không cho các thế lực như ma quỷ đến phá hoại. Cây cột được già làng trồng được xem là cột trung tâm của ngôi nhà sẽ được dựng. Những người làm nhà sẽ từ đó mà bắt đầu mở rộng theo hướng nhà định sẵn. Hướng nhà được người Mạ chọn theo thường theo hướng đông – tây hoặc chéo theo hướng này. Như vậy, với hướng nhà này, mặt trời không đi ngang qua đòn dông, nhà sẽ không hứng chịu ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào trong cả ngày. Người Mạ cho rằng, nếu nhà bị ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào thì ảnh hưởng những người sống trong đó dễ bị bệnh tật, ảnh hưởng đến sức khỏe. Ngày dựng nhà cũng được chọn kỹ càng như trong buôn không có người chết, không có phụ nữ sinh đẻ để tránh những điều xúi quẩy, kém may mắn cho gia chủ.

Nhà dài của ông K'Rền tại buôn B'Dan²² là một trong những ngôi nhà được xem là bảo lưu những nét truyền thống của người Mạ. Khảo sát ngôi nhà này, chúng tôi nhận thấy một số đặc điểm sau:

Các cây gỗ, tre dùng làm nhà chỉ được gọt đẽo đơn giản, sơ sài. Kỹ thuật liên kết các thành tố kiến trúc cột chủ yếu là làm ngoãm đầu cột đơn giản để gác nối cây và buộc dây là chủ yếu. Sàn nhà của người Mạ được em là khung chịu lực chung cho cả nhà. Có ba hàng cột chính nâng đỡ bộ khung sàn. Hàng cột giữa có ít cột hơn hai hàng cột ngoài cùng. Từ hàng cột chính này ra hai hàng cột ngoài có khoảng cách bằng nhau. Sàn nhà dài được cấu kết 5 lớp theo thứ tự từ dưới lên, gồm:

- Lớp ba hàng cây gỗ gác trên ba hàng cột chống
- Lớp các hàng cây gỗ được gác ngang được trên hàng cây dọc
- Lớp các cây tre được gác dọc theo trên hàng gỗ ngang
- Lớp các cây tre được gác ngang trên hàng tre dọc
- Lớp các cây tre được gác dọc trên hàng tre ngang
- Lớp tấm tre nửa (đập đập) kết thành tấm trải trên cùng.

Các cột chính chống đỡ phía dưới cùng được gá thêm bởi các cây gỗ phụ để tăng thêm tính chịu lực. Phần lớn những cột gỗ này được gia cố thêm trong thời gian sau này. Các lớp cây phía trên được đặt dày; nhạt hơn phía dưới. Nơi tiếp xúc giữa các hàng cây được buộc chặt bằng dây mây có chức năng cố định các lớp chặt, bền, không dễ có sự xô dịch của sàn.

Phần vách được cấu tạo từ các tấm phen tre. Các tấm phen được làm từ tre lồ ô. Thân cây tre được đập bẻ ra, phơi khô và liên kết theo tấm bởi các nẹp hai bên. Các tấm phen này đặt ở giữa hàng cột từ sàn lên mái và các nẹp bằng cây bên ngoài. Hàng cột từ sàn lên mái nằm phía trong vách nhà. Vách nhà dài Mạ được tạo hơi vát nghiêng vừa phải từ sàn lên mái. Một số nhà dài khác thì có vách đứng. Hai đầu hồi thì có vách đứng. Người Mạ cũng dùng những tấm mây hoặc tranh để giữ tấm vách của hai đầu hồi nhà.

Phần khung mái nhà được cấu kết bởi các cột dọc từ đòn dông đến hàng cây ngang trên cột vách. Trên bộ khung cây có một lớp cây nhỏ nối ngang. Các điểm

²² Thuộc thôn 2 xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

tiếp xúc giữa các hàng cây được buộc cố định bởi dây mây. Lốp cây này không nhiều nhưng có khoảng cách vừa phải để giữ chặt những tấm mây lợp phía trên cùng. Mỗi tấm mây thường có chiều dài hai mét, được kết chặt, nối bởi các hàng nếp, bên dây. Vì vậy, mỗi bên mái chỉ cần hai lớp tấm mây là che đủ từ trên đón đông xuống phần trên của vách nhà. Cây đòn dông của nhà dài không lớn. Phía trên cây đòn dông được chèn nóc bởi những tấm mây vừa phải.

Về cấu trúc chung của nhà dài, có thể nhìn nhận ở các phần không gian như sau: từ mặt đất đến sàn nhà và từ sàn nhà đến đòn dông. Phần không gian trong từ trên sàn trở lên là trung tâm chính cho các sinh hoạt của gia đình. Sự phân chia trong không gian sinh hoạt nhà dài được phân định theo ngôi thứ trong gia đình. Đầu hồi phía đông được xem là gốc nhà. Nếu gia đình có nhiều thế hệ sinh sống thì nơi này giành cho người lớn tuổi nhất là ông bà, kế đến là cha mẹ. Cứ thế, mỗi phần không gian được chia cho các gia đình theo vị trí anh chị trở xuống cho các thành viên khác nối tiếp. Mỗi phần không gian như vậy được tính là một gia đình mà đặc trưng để nhận biết là một cái bếp. Trong các không gian từng cái bếp này không có sự phân cách hữu hình nhưng mặc định trong sự nhận thức của thành viên các gia đình thành viên. Các bếp này dùng để nấu nướng và đốt than sưởi ấm. Đặc biệt, một phần không gian trung tâm nhà dài có một bếp với tính chất đặc biệt là dùng cho khách. Bếp này không dùng trong nấu nướng, chỉ dùng để sưởi ấm mỗi khi nhà có khách đến thăm. Phần không gian này cũng là nơi diễn ra những nghi thức cúng lễ quan trọng, thành viên gia đình tập trung với nhau.

Khi trong gia đình có thành viên lập gia đình thì nhà dài được nối tiếp ra bởi một bếp nữa. Phần làm nối ra này thường bắt đầu từ đầu hồi nhà hướng tây. Vì vậy, có thể xem thiết chế nhà dài là một thiết chế mở, bắt đầu từ nhà sàn bình thường ban đầu được dựng. Nhà dài cứ thế được mở rộng trong cơ cấu cư trú cổ truyền của người Mạ với hạt nhân là gia đình lớn được duy trì.

Nhà dài Mạ có các cách trở cửa ra vào độc đáo. Đặc biệt, những hình ảnh chụp từ đầu thế kỷ 20 cho thấy có nhà dài hàng trăm mét với ba cửa chính. Có lẽ, khi nhà dài được nối ra có nhiều bếp thì người Mạ trở thêm phần cửa để tiện việc đi lên hay xuống sau hai cửa chính ban đầu. Cửa chính là nơi dẫn lên phần không gian

gần nhất với bếp khách. Cửa chính dành ưu tiên cho khách đến nhà. Còn cửa phụ dành cho các thành viên. Người Mạ có kiêng kỵ là khách không được bước lên xuống cửa phụ, vì đó là tính chất riêng tư của gia đình. Cửa lên nhà của người Mạ theo lối truyền thống khá độc đáo. Đường dẫn lên cửa được làm sàn dài khoảng một mét, rộng bằng chiều ngang của độ rộng cửa, chiều cao thấp hơn sàn nhà một ít. Sàn dẫn lên nhà đơn giản với những cây được chôn ở sân và nối buộc nhau bằng dây, trên đó lót ngang những tấm gỗ. Nếu sàn nhà có độ cao tương đối trở lên thì có làm một chiếc thang đơn giản để đi lên.

Cửa chính vào nhà dài được làm khác cửa phụ. Cửa chính có có hai cây cột từ dưới đất nổi lên trên vách. Trong khi đó, cửa phụ thì không có các cây cột này. Người Mạ cho rằng, cây cột bên trái hướng từ nhà nhìn ra sân là cây tượng trưng cho tổ tiên. Vì vậy, khi có khách đến nhà, gia chủ trình báo với cây này bằng cách lên một thanh cây gỗ nhiều lần vào với lời trình báo tổ tiên trước khi mời uống rượu cần. Điểm giống nhau ở hai cửa ra vào này là phần mái lợp phía trên. Người Mạ dùng một số thanh tre hoặc cây trúc nâng vòm mái cửa tạo dáng giống hình nửa mu rùa nhô lên so. Có ý kiến cho rằng, dạng thức cửa ra vào “*Kết cấu dạng vòm, trông tựa như những lối vào hang động của người nguyên thủy*”²³. Nhà dài của người Mạ cũng có dạng trở cửa ở đầu hồi phía tây. Cửa thường được trở lệch về phía mái trước với dạng hình chữ nhật. Diện tích của cửa thực ra không có quy ước chung, nhưng thường có chiều ngang 1,0 mét, chiều cao từ 1,5 mét trở lên. Để lên xuống cửa này có thang gỗ nối vào chân cửa tiếp giáp với sàn nhà. Cửa lên xuống phía đầu hồi này tương ứng với phần diện tích tạo thành lối đi chung lối đi trong nhà sàn (N’dâng).

Sự phân chia trên mặt sàn nhà dài Mạ như sau: Một lối đi chung kéo dài qua hai đầu hồi sát phía trong vách trước. Phần diện tích này là lớp tre dọc thứ 5 trên cùng, không lót sàn tre nửa (gọi là N’dâng). Phần còn lại trên mặt sàn được lót các tấm tre nửa kéo dài cho tới sát vách sau của nhà. Trên phần lớp tre nửa này, mỗi gia đình nhỏ để chiếc bếp riêng của mình phía trước, thường là giữa khoảng không gian

²³ Nguyễn Hoài Bảo (chủ nhiệm). *Nhiều tác giả. Địa chỉ Lâm Đồng. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2001.*

của gia đình nhỏ. Phần còn lại để sinh hoạt, đặc biệt là dành cho nghỉ ngơi. Phía vách sau của phần không gian cửa chính đi vào và bếp khách là khoảng không gian linh thiêng. Đây là nơi đặt bàn thờ của gia đình hay dòng họ (Nao). Tại đây, trước bàn thờ thường là cây nêu. Dọc theo vách sau của nhà là nơi để những ché của gia đình. Ché được xem là tài sản lớn của gia đình. Nếu một dòng họ lớn thì cặp theo vách này là hàng chục, hàng trăm ché được sắp xếp nối tiếp nhau, sát vách. Trong số ché này, có những chiếc quan trọng, được xem là “có linh hồn” vốn được dùng trong những lễ cúng quan trọng qua nhiều thời kỳ. Vách trước của nhà thường được người Mạ tạo thêm những ngăn cặp sát vách hay dây treo để đựng các dụng cụ sinh hoạt. Trên trần nhà, chỉ cần buộc thêm những cây ngang thì người Mạ có thể treo, cất các vật dụng: chày gạc, khiu, gùi, dao, rựa, rìu, lên trên. Trên những cái bếp của các gia đình, người Mạ cũng buộc treo lên những cái giàn để vật dụng, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày như nia, rổ, sọt, ống đựng nước...

Nhà dài là nơi cư trú của gia đình lớn người Mạ. Tất cả mọi sinh hoạt hằng ngày đều diễn ra trên không gian ấy với số lượng thành viên đông đảo nhưng vẫn giữ được tinh thần hòa thuận, đoàn kết với nhau. Đồng thời, đây cũng là một không gian quan trọng để người Mạ thể hiện lòng thành với tổ tiên, cất giữ những tài sản của thế hệ cha ông qua các đời

2.2.2. Nhà sàn ngắn

Nhà dài bắt đầu từ nhà sàn ngắn được nối kết, mở rộng về sau. Nhà dài thể hiện cư trú có tính chất của đại gia đình thì nhà sàn (ngắn) thể hiện sự cư trú của hộ đơn, thường là hai thế hệ từ cha mẹ đến con cái. Hiện nay, những nhà sàn của người Mạ được dựng trong khuôn viên của vườn, bên cạnh các ngôi nhà gỗ hay xây được thiết kế theo kiến trúc Việt. Đa số, những người lớn tuổi trong gia đình ở những nhà sàn này.

Khảo sát ở địa bàn người Mạ sinh sống tại Đồng Nai, nhà sàn ngắn hiện nay không còn nhiều. Trên địa bàn huyện Bảo Lâm của tỉnh Lâm Đồng, nhà sàn của người Mạ còn khá nhiều. Các nhà sàn này được bố trí chủ yếu ở một bên hoặc phía sau những ngôi nhà gỗ, nhà xây bằng gạch được sự hỗ trợ của nhà nước.

Vật liệu làm nhà sàn chủ yếu là cây gỗ, tre, lá, dây mây...được khai thác trong vùng rừng núi người Mạ sinh sống. Sàn nhà hiện nay thấp nhiều hơn so với trước đây, thậm chí có nhà mà sàn chỉ cách mặt đất chưa tới 0,2 mét. Mỗi nhà sàn dài khoảng 4 mét đến 8 mét. Chiều ngang của nhà sàn khoảng 3 đến 4 mét. Độ cao của nhà sàn khoảng 3 mét. Cách thức làm nhà sàn như cách làm nhà dài. Có một số điểm đáng lưu ý: Sàn nhà không làm nhiều lớp như nhà dài (khoảng 3 lớp). Bốn vách của nhà sàn thường được làm theo phương thẳng đứng. Vách chủ yếu làm bằng các tấm phen tre lồ ô đập dập, hai bên nẹp các cây tre nhỏ những chắc chắn. Kỹ thuật làm nhà sử dụng dây buộc chặt, đặc biệt, một số nhà tận dụng các mắt tre có ngoàm để tạo sự gắn kết vừa có tính bền vững và thể hiện thẩm mỹ. Hình thức trở cửa cũng giống nhà dài. Cửa được trở bên vách trước có vòm khum. Phần cửa vách theo hình chữ nhật. Phần lớn, nhà sàn ngắn chỉ trở một cửa vách trước và một vách đầu hồi. Tùy theo gia chủ mà cửa trở nhiều hay ít vì có nhà sàn trở đến hai cửa, thậm chí, có nhà sàn chỉ trở một cửa vách đầu hồi. Trước cửa, nếu có sàn cao, một số nhà làm thêm sàn bước lên cửa vào nhà hay sàn ở cửa vách đầu hồi.

Trong những nhà sàn ngắn, ngoài sự phân bố hai bên vách, trên vách để chứa những ché, lu, vật dụng..., một số để phân diện tích đi lại, diện tích nằm ngủ như ở nhà sàn dài thì cũng một số nhà sàn ngắn có cách bố trí khác biệt. Bếp ở nhà sàn ngắn thường được đặt chính phần giữa nhà chứ không lệch về phần vách phía trước, nằm về phía đầu hồi không có cửa. Diện tích trong không gian nhà còn lại dùng để sinh hoạt hay tiếp khách.

Một số nhà sàn ngắn vì có độ cao vừa nên mái sau lợp bằng hai tấm mây thường phủ sát đến sàn nhà. Đây là chủ đích của gia chủ để bảo vệ cho phần vách nhà. Trong một số hình ảnh của các nhà nghiên cứu người Pháp trước đây, cho thấy những nhà sàn của người Mạ gọi là túp lều thấp. Phần vách hai bên đầu hồi được làm bằng những đoạn ống tre được cưa rất độc đáo. Các ống tre được nẹp chặt từ hai bên từ dưới lên trên. Hiện nay, kiểu làm vách tre ống không còn thấy ở vùng người Mạ. Đánh giá về nhà sàn ngắn, có ý kiến cho rằng “*Đứng về mặt phát triển*

xã hội, nhà sàn ngắn là giai đoạn chuyển tiếp từ nhà sàn dài đến nhà nền đất, cho nên từ cấu trúc đến kỹ thuật và vật liệu xây dựng đều giống như nhà dài”²⁴.

Tuy vậy, qua từng thời kỳ và môi trường sống có sự thay đổi, việc sử dụng vật liệu cũng như tính thẩm mỹ hoặc quan tâm của gia chủ đến công năng sử dụng mà nhà sàn ngắn của người Mạ hiện nay có một số biến đổi khác về bố trí, sử dụng so với các giai đoạn trước. Một số nhà sàn ngắn của người Mạ sử dụng gỗ làm vách, lợp mái bằng tôn chung với tấm kết lá mây hay lá tranh. Bố trí trong nhà theo cách đơn giản, tiện lợi với các vật dụng thiết yếu vì còn diện tích các nhà khác để các chứa vật dụng sinh hoạt, công cụ lao động sản xuất hoặc những thứ của cải khác.

2.2.3. Các loại hình nhà trệt

Ngoài hai kiến trúc nhà sàn trên, hiện nay, có nhiều người Mạ sinh sống trong các ngôi nhà trệt. Nhà trệt ở vùng người Mạ có đặc điểm chung là không có sàn nhà như nhà sàn truyền thống. Kiến trúc chủ yếu theo lối kiến trúc truyền thống nhà ở của người Việt. Vật liệu làm nhà đa dạng, tùy thuộc vào kinh tế của gia chủ. Các nhà trệt nền đất, vách phen tre, lá đơn giản, lợp mây, tranh chủ yếu thuộc những hộ có kinh tế khó khăn. Một số nhà có trệt được làm vách toàn gỗ hay phía dưới xây gạch, phía trên đóng gỗ. Cũng có nhiều ngôi nhà có vách tường xây bằng gạch hoàn toàn. Nền của các nhà dạng vách gỗ hay xây gạch thường làm nền bằng gạch hay tráng xi măng. Các nhà trệt chủ yếu là nhà hai mái hoặc mái bằng. Phần lớn, những nhà làm bằng gỗ hay xây bằng gạch chủ yếu từ sự hỗ trợ, cấp phát về tài chính, cách thức xây dựng, lối kiến trúc do nhà nước thực hiện. Một số hộ gia đình có kinh tế khá giả của người Mạ có những ngôi nhà với lối xây dựng hiện đại. Bố trí trong nhà này cũng khá bố trí trong nhà sàn. Những ngôi nhà xây (không phân biệt nguồn kinh tế đầu tư của nhà nước hay gia đình) đều có tường vách ngăn tạo các không gian như phòng khách, buồng. Lối bài trí theo ý muốn của chủ gia đình.

*

Trong cư trú gia đình người Mạ, tổ chức theo chế độ phụ quyền, tức người đàn ông có vai trò quan trọng, quyết định những vấn đề liên quan đến các mặt hoạt

²⁴ Trần Cẩm. *Các hình thái cư trú và nhà ở của các dân tộc Lâm Đồng. Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*.sdd, tr.182.

động. Nếu gia đình từ nhiều thế hệ trở lên thì vai trò của người ông chiếm vị trí số một, sau đó là các đàn ông lớn tuổi của các thành viên gia đình khác. Nếu gia đình có hai thế hệ thì vai trò trụ cột do thuộc về người cha. Nhưng, bên cạnh đó, vai trò của người phụ nữ cũng được khẳng định, đặc biệt so với thời gian khi các hộ gia đình nhỏ xác lập. Chế độ thừa kế tài sản trong gia đình người Mạ được truyền theo dòng dõi của người đàn ông. Một số thành ngữ của cho thấy vai trò của người đàn ông Mạ: *“Con gái thuộc về nao người. Con trai ở lại với nao của mình”* hay *“Trâu chết thì hãy còn sừng. Phần cha mẹ chết hãy còn con trai”*. Nao là cách gọi về bàn thờ chính của dòng họ trong một đại gia đình – tương đồng với bàn thờ họ của người Việt.

Tập quán cư trú cộng đồng và gia đình của người Mạ đã có những thay đổi đáng kể, đặc biệt từ khi có sự giao thoa với cư dân Việt trên nhiều mặt, nhiều góc độ và tính chất. Thời gian càng về sau, mức độ và quy mô, tính chất của lối cư trú cư dân Mạ có sự biến chuyển khá rõ rệt. Tập quán cư trú dần thay đổi theo những quy định quản lý hành chính của các thể chế nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể. Về tập quán cư trú gia đình, kể từ sau năm 1975 có những biến đổi khá sâu sắc, đặc biệt về lối kiến trúc nhà ở.

Hiện nay, nhà sàn dài của người Mạ không còn nhiều. Tuyệt nhiên không còn những ngôi nhà sàn dài trong cùng một buôn với lối cư trú của đại gia đình. Đồng thời, những nhà sàn dài hiện nay không chỉ tồn tại trong tính cách cư trú độc lập mà ở trong một tổng thể chung nhà ở của hộ gia đình gồm từ ba thế hệ trở xuống. Nhà sàn ngắn được duy trì, chiếm tỉ lệ nhiều hơn nhà sàn dài nhưng cũng không có tính độc lập mà gắn liền với kiến trúc nhà ở khác. Thậm chí, nhiều hộ người Mạ cư trú trong kiến trúc nhà xây, nhà gạch hay nhà trệt đơn giản. Từ khi xuất hiện lối cư trú dạng thức kiến trúc nhà trệt, người Mạ phải mua sắm giường, bàn, ghế ... cho sinh hoạt thường nhật. Đây là những biến đổi lớn trong tập quán của người Mạ so với cư trú trong nhà ở sàn truyền thống. Sự bố trí vật dụng, các không gian trong nhà trệt tất nhiên cũng có nhiều sự thay đổi, phụ thuộc vào kiến trúc chung, hoàn toàn khác với nhà sàn. Tuy nhiên, trong lối cư trú này, vẫn còn những dấu vết bố trí trong nhà sàn ở một số hộ gia đình như: Giường ngủ các thành viên gia đình xếp thành một

hàng ngang nối tiếp trong nhà. Hiện nay, hầu một số nhà trệt có phân định không gian tiếp khách trong nhà với bàn ghế nhưng phần lớn người Mạ đều tiếp khách trên nền nhà ở phần cửa chính ra vào, trên một tấm chiếu. Tập quán này bắt nguồn từ nét sinh hoạt truyền thống của phần không gian tiếp khách được định sẵn trong nhà sàn trước đây.

Với chế độ quản lý nhà nước về đất đai hiện nay, những hộ gia đình người Mạ xác định nhà ở hoặc nhà ở gắn với đất đai riêng biệt. Phần đất đai gắn với nhà ở thường được sử dụng làm vườn cây. Trong phạm vi cư trú hộ gia đình người Mạ, cho thấy rõ những dạng thức đơn lẻ về kiến trúc hay có sự kết hợp các lối kiến trúc nhà ở trong phạm vi cư trú như sau:

- Nhà trệt đơn lẻ (kiến trúc Việt). Chiếm số lượng khá đông trong cộng đồng.
- Nhà trệt (kiến trúc Việt) + Nhà sàn dài (kiến trúc Mạ): chiếm số lượng không nhiều. Trong phạm vi đất đai của hộ gia đình, nhà trệt thường ở phía trước, nhà sàn dài ở phía sau.
- Nhà trệt (kiến trúc Việt) + nhà sàn ngắn (kiến trúc Mạ): chiếm số lượng vừa phải. Trong phạm vi đất đai của hộ gia đình, nhà trệt bố trí trước, nhà sàn ngắn được bố trí phía sau hoặc chéch về hai bên nhà trệt.

Trong các dạng thức này, việc sử dụng của từng kiến trúc nhà ở của từng hộ cũng có những điểm khác nhau. Hầu hết, các hộ gia đình còn nhà dài vẫn còn bảo lưu cách sử dụng, bố trí trong không gian ở truyền thống. Riêng các dạng thức kết hợp các lối kiến trúc thì nhà sàn dài, nhà sàn ngắn chủ yếu để sinh hoạt cho các người lớn tuổi. Riêng các nhà sàn ngắn của nhiều hộ gia đình chủ yếu sử dụng như một nhà bếp.

2.3. Ẩm thực

Gạo là nguồn lương thực chính trong cơ cấu bữa ăn hằng ngày của người Mạ. Gạo của người Mạ thường là gạo rẫy. Sau này, khi làm lúa nước, người Mạ sử dụng gạo từ các giống lúa mới. Trong cơ cấu một bữa ăn chính, thực phẩm chủ yếu là rau và thịt. Tùy theo gia chủ mà chế biến thức ăn cho gia đình sử dụng.

2.3.1. Thành phần bữa ăn chính

- Gạo: Loại lương thực cung cấp nguồn chất bột chủ yếu. Gạo rẫy được nấu chín thành cơm, sử dụng trong các bữa ăn chính (sáng, trưa và tối).

Cơm sử dụng tại nhà được nấu và để nguyên trong nồi cho đến khi sử dụng cùng với các loại thực phẩm khác. Khi đi rẫy trong ngày, người Mạ nấu cơm chín và cho vào giỏ nhỏ (gọi là sóp). Cách đựng cơm trong sóp thuận lợi cho việc đem lên rẫy và giữ được độ nóng hoặc tránh bị thiu mốc để sử dụng trong ngày. Khi đi rẫy hay đi săn thú nhiều ngày, người Mạ đem theo gạo và nấu trong bằng ống tre để sử dụng. Cách nấu cơm này thuận lợi trong môi trường sống nhiều ngày trong rừng. Cơm ống (hay còn gọi là cơm lam) thường được nấu số lượng nhiều từ các ống tre lồ ô. Loại cơm này chủ yếu nấu để phục vụ trong lễ hội của cộng đồng.

Gạo cũng được người Mạ nấu thành cháo với một số gia vị, sử dụng trong một số bữa ăn hay cho những người ốm đau, dưỡng bệnh.

Gạo nếp được nấu thành xôi hay làm bánh, chủ yếu phục vụ trong các ngày lễ tiết của gia đình hay cộng đồng.

Ngoài gạo là lương thực chính, người Mạ khai thác các loại cây màu cho nguồn lương thực như khoai mì, bắp và các loại cây cho chất bột trong môi trường tự nhiên. Khoai mì và bắp được trồng trên rẫy, còn các loại củ thì khai thác trong môi trường tự nhiên. Đặc biệt, khi mùa màng thất bát, lương thực không đủ sống thì bắp, khoai, củ năn, củ chụp là nguồn cung cấp lương thực thay thế quan trọng.

- Cá: loại thủy sản được người Mạ khai thác ở các hồ suối, sông trong khu vực sinh sống hay khu vực canh tác trong vùng. Các loại thủy sản như cá chủ yếu là kho, nướng. Đặc biệt, trước đây, người Mạ cũng chế biến loại cá để làm mắm, chủ yếu là các lóc (cá tràu) phục vụ cho bữa ăn hằng ngày. Loại mắm cá lóc này chế biến đơn giản, được ủ trong ống tre hay bình nhỏ, khèn chặt và phơi nắng nhẹ hay để hong khô trên bếp. Sau một thời gian thì sử dụng. Loại mắm cá lóc cũng được sử dụng để làm gia vị cho các món canh. Ngoài cá, người Mạ còn khai thác các loại thủy sản khác như ốc, tôm tép... để sử dụng chế biến thành các loại thức ăn. Loại ốc thường được người Mạ luộc chín, sử dụng phần thịt và cả nước luộc.

- Rau: Có nhiều loại rau được người Mạ khai thác trong môi trường tự nhiên (rau trên rừng, rau ven suối, rau ven hồ...) để phục vụ cho các bữa ăn. Các loại rau thường được sử dụng như: rau má, rau nhíp (diếp), rau khoai lang, rau bí, rau mướp, rau dền, măng... Tùy theo tính chất của loại rau, chủ yếu qua kinh nghiệm trong cộng đồng mà người Mạ sử dụng để ăn sống hay luộc, xào, nấu canh. Một số loại rau được người Mạ sử dụng chế biến thành canh như lá nhíp, măng.

- Thịt: Nguồn thức ăn được khai thác trong môi trường tự nhiên: cá, thú rừng. Cá được chế biến thành các thức ăn nướng, nấu canh, làm mắm. Trước đây, việc săn thú chưa bị cấm, thú rừng là nguồn cung cấp thịt khá phổ biến cho cộng đồng người Mạ. Thịt thú rừng chủ yếu được chế biến thành các món nướng, xào.

2.3.2. Cách chế biến một số thức ăn – thức uống tiêu biểu

- Cơm ống

Người Mạ sử dụng ống tre lồ ô để nấu cơm. Đây là một trong những cách nấu thông dụng, được sử dụng trong khi đi rừng rất tiện lợi. Khi cho gạo (có thể thêm một ít hạt mè) và nước vào thì lấy lá chuối hoặc loại lá cây rừng nhét lại. Đốt ống tre có gạo trên một bếp lửa trong một thời gian nhất định cho đến khi cơm chín. Cơm ống chín vừa dẻo, thơm (của gạo, đậu và cả phần trong ống tre), khi ăn thường được chấm với muối mè, muối đậu.

Để phục vụ cho nhu cầu nấu nhiều cơm ống trong các dịp lễ cộng đồng, người Mạ vào rừng tìm chặt các cây tre thẳng, lóng dài. Thân tre được cưa thành những đoạn tương đối bằng nhau, thường dài từ khoảng 4- 5 gang tay người lớn (tương đương 8 tấc đến 1 mét). Những đoạn ống tre được chọn lấy phần có mắt làm gốc và một đầu thông. Ống tre dài thường là một lóng.

Một bếp lửa than dài được nhen với các loại củi rừng, trên có buộc cây chắn ngang để các ống tre không bị ngã. Các ống tre chứa đầy gạo nếp được đặt dựng vào bếp lửa than đỏ. Trong quá trình nấu phải canh lửa hay xoay ống cho đều các bên. Khi cơm chín, người Mạ chế ống tre ra hoặc cắt khúc thành từng đoạn nhỏ. Thường vỏ ống tre được vuốt bớt đi để thân mềm phía trong. Khi ăn, có thể dùng tay bóc nhẹ lớp vỏ ống mỏng, lấy cơm lam từng khúc nhỏ.

- Canh lá nhíp (diếp)

Lá nhíp còn gọi là rau diếp. Đây là loại rau mọc trong rừng sâu. Lá nhíp có màu xanh và tím. Người Mạ dùng lá nhíp để chế biến thức ăn trong bữa ăn hằng ngày: nấu canh hay nướng. Lá nhíp dùng nấu canh thì người Mạ cho vào nồi đun sôi sau đó nêm gia vị (thường là muối).

Riêng cách nướng lá bếp khá độc đáo. Người Mạ nhúng lá bếp vào nước sau đó rảy nhẹ cho nước bớt lại. Họ xếp chồng lá bếp vào một ít lớp lá chuối và bó lại vuông vức, buộc dây. Sau đó mỗi vuông bó lá bếp được kẹp vào nẹp tre nướng trên than lửa hồng. Mất một khoảng thời gian không lâu thì lá bếp được nướng chín. Khi chín, lá mềm nhưng vẫn giữ màu tươi xanh hoặc tím, nước từ lá ngưng đọng trong lá chuối có vị ngọt. Lá chín mềm, có vị thanh mát. Cách nướng này thuận tiện, chỉ cần có lửa và sử dụng những thứ sẵn có trong rừng, gọn, tiện lợi để dùng trong bữa ăn. Vì vậy, cách nướng lá nhíp này thường được người Mạ sử dụng khi đi rẫy dài ngày. Hiện nay, trong các lễ hội hay nhà có tiệc, người Mạ dùng cách nướng lá nhíp để đãi khách như một thứ “đặc sản” của vùng núi rừng.

- Các món canh khác

Ngoài món canh lá nhíp, người Mạ còn chế biến một số loại thức ăn khác, đặc biệt là canh: canh đọt mây (dạng đọt mây đắng, mây nước và mây bột nấu với rau rừng có nêm gia vị), canh thụt (các loại rau rừng, cà, trái cây non ăn được và cá, thịt, tôm... được nấu trong ống tre, khi chín, lấy cây thụt cho nát), canh bồi (các loại rau rừng và thịt nấu chín, sau đó cho bột gạo rang, nước chắt từ giã lá Nhao, nêm thêm gia vị).

- Đọt mây nướng

Các loại đọt mây đều có thể sử dụng trong chế biến thức ăn. Ngoài dùng để nấu canh, đọt mây còn được người Mạ dùng để nướng ăn. Người Mạ chọn những phần ngọn non của cây dây mây, bóc hết lá. Các đọt mây nướng trên than lửa cho chín đều. Sau đó bóc lớp vỏ ngoài, ăn phần đọt non chín bên trong. Đọt mây nướng ăn có vị vừa ngọt vừa bùi, có thể ăn với muối. Các chế biến này khá đơn giản và thuận lợi khi đi làm trong rừng nhiều ngày. Trong lễ hội hay lễ tiết của gia đình,

món đọt mây nướng là thức ăn quý dùng để đãi khách. Đọt mây nướng là món ăn đặc biệt, thường sử dụng chủ yếu trong lễ hội.

- Rượu cần

Cùng với các dân tộc bản địa trên vùng miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, người Mạ chế biến rượu cần làm thức uống để thưởng thức và sử dụng trong các sinh hoạt khi gia đình có lễ tiết quan trọng hay trong lễ hội cộng đồng. Rượu cần thường sử dụng tiếp khách để bày tỏ lòng mến khách của người Mạ và là lễ vật không thể thiếu trong các lễ cúng thần linh. Để chế biến rượu cần, người Mạ phải làm men, ủ rượu.

Làm men: Người Mạ làm men từ lá, vỏ, rễ một số loại cây rừng như: lá cây Găng, lá cây Zung, lá cây Vlân (một loại cà), lá mít...nhưng phổ biến nhất là lá Găng. Người ta cũng có thể dùng vỏ hoặc lá cây “*Ktòram*” nhưng loại vỏ cây này rất đắng nên khi dùng phải ủ lâu hơn. Các loại lá, rễ, vỏ cây đem về phơi khô, giã nhuyễn trộn đều với bột gạo vo thành viên hoặc đổ theo khuôn chén, đem ủ cho lên men. Các viên men phơi nắng nhẹ cho khô, xâu từng viên thành một chuỗi, treo lên giá bếp sấy, cất giữ. Cũng có nơi, người Mạ dùng lá tươi giã chung với cơm để tạo men. Khi nào cần làm rượu thì lấy ra sử dụng. Men giữ trong khoảng 5 tháng, nếu để lâu hơn thì men bị chua, không sử dụng được.

Ủ rượu: Lấy gạo nấu cơm và phơi trong mát cho nguội. Lấy men giã nát và rải trộn đều vào cơm. Việc sử dụng men cho vào phần cơm theo kinh nghiệm, thường một viên men cho một kilôgam gạo. Nếu sử dụng men ít hoặc nhiều, không phù hợp dễ làm hư rượu hay rượu không ngon. Cơm rượu bỏ vào trong gùi, phủ kín, ủ từ 1 đến 2 ngày ở nơi thoáng mát. Sau đó, cho cơm rượu vào ché. Ché phải khử trùng bằng cách nấu nước sôi (có thể nấu với lá sả, lá bưởi (lá cam, quýt), rửa sạch trong và ngoài ché, dốc hết nước, đem phơi nắng cho thật khô. Phần độn chèn trên lớp cơm rượu chủ yếu là trấu nhằm giữ độ ẩm và ngăn bả rượu trào vào ống cần khi uống. Phần hỗn hợp cơm rượu, trấu không được nén chặt nhưng cũng không quá lỏng, chiếm 2/3 dung tích của ché. Ché được bịt miệng thật kỹ, không cho không khí lọt vào. Thường người Mạ dùng tro bếp, bùn non hay sáp ong bịt miệng ché.

Hiện nay, có nơi người Mạ dùng lá rừng hay ni lông bao kín, quấn buộc chặt miệng ché. Sau đó, để ché rượu vào chỗ âm mát hay có thể đào chôn dưới đất.

Tùy theo thể tích của ché (lớn hay nhỏ) với lượng cơm rượu được ủ mà thời gian ủ lâu hay ngắn. Khi trên miệng ché xuất hiện những con bọ nhỏ có cánh bay, sờ vào ché thấy ẩm, lớp đáy miệng có hơi nước, mở ra dậy mùi thơm là dấu hiệu chứng tỏ rượu đã có thể dùng được. Thường một ché rượu cần ủ trên ba tuần là sử dụng ngon. Rượu cần được ủ càng lâu thì chất lượng rượu càng ngon.

Trước đây, trong quá trình làm rượu cần, người Mạ có một số kiêng kỵ như: Những ngày làm men, không được quan hệ nam nữ ; không làm men khi mùa xoài trở bông, lúa làm đòng ; phụ nữ mang thai không được làm men hoặc đến gần nơi ủ rượu ; khi giã men, những người tham gia chỉ không đi xa, không lên rẫy, đến các buôn khác; quá trình làm men phải giữ cẩn thận tránh người phụ nữ có kinh nguyệt đến gần hoặc phụ nữ chưa mãn tang ; nhà có người chết bình thường kiêng một tuần không làm rượu cần; nhà có người chết xấu kiêng 3 năm không làm rượu cần...Hiện nay, những điều kiêng kỵ này không còn phổ biến.

Rượu cần khi cúng thần linh phải khấn xin phép. Rượu cần khi tiếp đãi khách, gia chủ thường khấn thầm với thần linh, tổ tiên. Khi mở miệng ché ra, người Mạ cho vào một lớp lá khô hoặc tươi (thường là lá chuối hay lá cây lành tính nào đó). Sau đó, đổ nước trong vào ché rượu để trong một thời gian ngắn. Tiếp theo, người Mạ cắm cần cho sát đáy và xoay nhẹ. Cần được làm từ một đoạn tre hoặc trúc thân nhỏ, dài tùy theo độ người làm chọn để uống rượu ché cao hay thấp. Thân cần được soi thông ruột, một đầu cần được vát, khoét thành khe và đục 3 hay 4 lỗ nhỏ đủ để rượu theo lực hút chạy vào nhưng không lớn tránh vỏ trấu hay bã rượu chạy theo. Cần được uốn cong vừa phải. Nước rượu cốt vẫn nằm ở phía dưới đáy ché. Khi người uống hút cần thì nước từ phía trên theo lực ngấm dần xuống phía dưới. Uống nhiều lần thì nước cốt rượu dần lạt đi cho đến khi nhạt. Trong cùng một ché nhưng có chỗ ngon hoặc chua, nhạt.... Vì vậy nếu không ưng ý thì có thể rút cần lên và cắm xuống chỗ khác để có phần rượu ngon.

Rượu cần có độ cồn khá nhẹ so với những loại rượu thông thường khác, có mùi thơm, vị ngon, dễ uống. Một ché rượu có thể uống được lâu và nhiều nên khi

đổ nước vào rồi thì phải uống cho đến khi rượu nhạt mới thôi. Những lần uống trước sẽ có vị ngon, đậm, thơm hơn những lần uống về sau. Mỗi chén rượu chỉ có một cần để người được mời lần lượt uống. Thường người được mời nắm cần rượu bằng tay phải hoặc hai tay cùng một lúc. Nếu cầm tay trái, gia chủ có quan niệm, khách mời không tôn trọng mình. Khi uống xong, người uống bịt đầu ống hút và chuyển cho người tiếp theo.

Phong tục của người Mạ, khi gia chủ có rượu cần đãi khách thì gia chủ trực tiếp rót nước vào chén và mời từng người. Chủ nhà thường uống trước và sau đó mới mời khách. Những người được mời uống thường theo định lượng là một cò rượu (tính phần nước rót vào chén với dung lượng khoảng $\frac{1}{4}$ lít). Cách định lượng bằng một thẻ tre bắt ngang miệng chén, ở giữa có phần tiếp giáp với nước. Người uống hút cần cho đến khi nước từ mực cò xuống hẳn phía dưới. Trong các dịp lễ, tùy theo tính chất mà phong tục uống cũng có những khác biệt. Những người có uy tín như già làng, lớn tuổi, phụ nữ được ưu tiên mời uống trước.

*

Trong điều kiện sống hiện nay, ẩm thực của người Mạ cũng có những thay đổi đáng kể. Tùy theo kinh tế của mỗi gia đình, cơ cấu bữa ăn khác nhau nhưng nhìn chung vẫn đảm bảo được nguồn chất bột, rau, thịt. Tuy vậy, nguồn thực phẩm chế biến được khai thác tự nhiên không còn như trước đây. Nguồn thịt từ thú săn từ rừng bị cấm, nguồn khai thác thủy sản không nhiều. Những món canh truyền thống, loại mắm từ cá không còn phổ biến. Người Mạ mua nguồn thực phẩm khá phong phú chủ yếu tại các chợ nơi mình sinh sống. Trong các dịp lễ hội chung của cộng đồng, có nguồn kinh phí nhà nước đầu tư, những món ăn truyền thống của người Mạ mới được duy trì. Riêng về rượu cần, hiện nay còn duy trì khá phổ biến nhưng chỉ một số hộ gia đình còn làm. Một số gia đình mua men rượu thành phẩm có sẵn nên không giữ được chất rượu truyền thống khi men có lá, rễ, vỏ cây của rừng. Cách thưởng thức rượu cần cũng có những thay đổi với cần rượu làm theo kiểu thương phẩm, bày bán sẵn với mẫu mã có đoạn ống nhựa chỗ đoạn cong. Mỗi chén rượu thường để 3 đến 4 cần cho nhiều người cùng uống.

2.4. Trang phục truyền thống

Trang phục truyền thống của người Mạ khá đơn giản. Đàn ông Mạ mặc khố, ở trần. Phụ nữ Mạ mặc váy, ở trần. Một số tư liệu cho rằng, áo của người Mạ trước đây được làm từ vỏ của các loại cây rừng. Sau này, khi biết dệt thổ cẩm, người Mạ dệt và may áo cho cả nam giới và nữ giới. Trong những nguồn tư liệu của các nhà nghiên cứu Pháp, đặc biệt những hình ảnh tư liệu chụp những thập niên đầu thế kỷ XX, cho thấy, người Mạ còn ở trần trong lúc đi nương rẫy hay ở nhà. Khi trời lạnh, họ mới mặc áo hay khoác thêm lên người một tấm chăn.

2.4.1. Trang phục nam giới

Đối với nam giới Mạ, trang phục không chỉ bọc lấy cơ thể mà còn làm nổi bật thân hình cân đối và vạm vỡ của họ. Đây cũng là một yếu tố thể hiện sức mạnh, tính duy mỹ của đàn ông Mạ.

- Áo vỏ cây: Người Mạ cho rằng, loại áo xưa nhất của người Mạ trước đây được làm bằng vỏ cây rừng. Họ chọn những loại vỏ cây rừng lành tính, không độc, có diện tích vừa phải, vạt đem đập dập và phơi khô. Sau đó, kết lại bằng các sợi dây nối các miếng vỏ cây lại. Áo vỏ cây thường gồm hai mảnh. Phía trên khoét một lỗ trống để chui đầu. Phần thân áo có thể để rời hai vạt trước sau hoặc cũng có thể lấy dây nối kết hai bên hông, chỉ chừa phần trống sát vai để đưa hay tay ra ngoài.

- Khố: Loại trang phục độc đáo, đặc biệt của nam giới Mạ. Tùy theo độ tuổi và thân hình mà nam giới Mạ có những chiếc khố được dệt phù hợp. Khố là một mảnh vải tam giác hẹp, dài được quấn quanh hạ bộ, qua đũng và bỏ thông trên đùi thành hai vạt. Có hai dạng khố: Khố đơn giản thường có màu chàm đen, không có hoa văn sắc sỡ. Loại khố sang trọng có đính hạt cườm, tua riềm dài trang trí ở hai đầu vạt.

- Áo thổ cẩm: Áo được dệt từ sợi, may từ hai miếng vải dệt. Trên áo có nhiều hoa văn. Phần trên khoét cổ tròn. Nhìn tổng thể, áo có hình chữ nhật, àu trắng chủ đạo. Áo được xẻ tà và thường vạt sau dài hơn vạt trước. Biên áo vạt sau thường có các tua riềm trang trí. Trên thân áo theo từng khu thân ngang được tạo nhiều hình ảnh hoa văn. Áo có các loại : dài tay, ngắn tay nhưng phổ biến nhất là áo không có tay.

2.4.2. Trang phục nữ giới

Phụ nữ Mạ trước đây mặc váy che phần thắt lưng trở xuống. Từ thắt lưng trở lên để trần.

- Áo thổ cẩm: Dệt từ sợi và được may lại từ hai tấm vải dệt. Một áo nữ thường được may từ hai tấm thổ cẩm. Phần trên khoét cổ tròn hoặc hình bầu dục. Thường áo nữ mặc vừa sát thân, dài tới thắt lưng, được xẻ tà, vạt trước và sau áo bằng nhau. Biên áo có các tua riềm trang trí. Màu chủ đạo của áo là màu trắng. Nhìn tổng thể, áo có dạng hình chữ nhật. Trên thân áo tùy theo những khu thân ngang mà tạo những mô tip hoa văn. Hai màu đỏ, xanh chiếm chủ đạo trong việc tạo mô tip hoa văn và các dải băng trong bố cục trang trí áo. Áo nữ có các loại : dài tay, ngắn tay nhưng phổ biến nhất là áo không dài tay.

- Váy: Là tấm vải dệt khá rộng dùng để choàng quấn che phần thân từ thắt lưng trở xuống. Chiều dài của thân váy (tức chiều ngang của tấm vải khi chưa quấn) phủ từ thắt lưng xuống đến mắt cá chân. Chiều ngang của váy (tức chiều dọc của tấm vải khi chưa quấn) khoảng 1 mét. Khi quấn ngang thân, phần vải dư được vắt sang bên sườn hay chồng lên phần đầu tấm vải một cách khéo léo. Trên tấm váy thể hiện nhiều hình thức trang trí hoa văn. Màu chủ đạo của váy là màu chàm, bên cạnh đó có các phần mảng sọc hoa văn dài màu xanh, đỏ, vàng, trắng. Những tấm váy truyền thống đặc sắc của những phụ nữ Mạ lớn tuổi trước năm 1945 thường có trang trí các viền tua len đỏ và các đồng tiền bằng chất liệu bạc, vòng khoen bạc màu sáng hay một số lục lạc. Khi mặc tấm váy được trang trí như trên, phần đầu nối hai đầu tấm váy tạo nên một dải kéo thả theo phần thân người từ thắt lưng đầy màu sắc, tạo thêm vẻ đẹp cho người mặc.

*

Hiện nay, những trang phục truyền thống thường được người Mạ sử dụng trong các lễ tiết gia đình hay ngày hội chung của cộng đồng. Khố của nam giới thường được mặc trong những hoạt động mang tính chất trình diễn, chủ yếu trong các dịp lễ hội. Áo của đàn ông hay phụ nữ với các loại hoa văn truyền thống thường được người lớn tuổi sử dụng nhưng không thường xuyên. Một số phụ nữ lớn tuổi còn sử dụng váy thổ cẩm bản thân tự dệt lấy. Nhiều phụ nữ Mạ sử dụng váy bằng

chất liệu vải hiện bày bán khá phổ biến trên thị trường. Trải qua quá trình giao lưu, tiếp xúc với người Kinh và các tộc người khác, việc sử dụng trang phục truyền thống của người Mạ có những biến đổi lớn. Người Mạ sử dụng khá phổ biến những loại trang phục của người Việt do sự giản tiện, thuận lợi trong sinh hoạt và có tính thẩm mỹ phổ quát trong cuộc sống hiện tại. Hiện nay, một số trang phục nữ giới của người Chăm được người Mạ sử dụng như chiếc khăn trùm đầu hay áo và váy. Các loại khăn, áo, váy của người Chăm có lẽ thích hợp với thị hiếu thẩm mỹ của người Mạ với tính chất màu khá sặc sỡ. Loại trang phục này do những một số người Kinh mang đến trao đổi, buôn bán trực tiếp ở các buôn người Mạ sinh sống.

2.5. Trang sức truyền thống

2.5.1. Trang sức nam giới

Trang sức nhằm làm cho con người nổi bật lên, đẹp hơn. Dân ông Mạ sử dụng một số đồ trang sức truyền thống như: vòng đeo cổ, vòng đeo tay, dây quần đầu, hoa tai (ngà voi hay ống tre). Vòng đeo cổ, vòng đeo tay thường được làm bằng chất liệu đồng, nhôm hay bạc, hình ống đặc, thường tròn, trơn và không khắc hoa văn. Dây quần đầu được dệt từ sợi với bề ngang có kích thước nhỏ và chiều dài từ 4 tấc trở lên. Trên dây quần thường thể hiện mô típ hoa văn hình học nối tiếp nhau:

Trước đây, những người dân ông Mạ có sử dụng những hoa tai là đoạn ngà voi được chế tác để đeo vào dái tai. Phần lớn những đoạn ngà đeo tai hình ống tròn, đặt. Hai đầu to và thon ở phần giữa. Ngà voi là đồ trang sức quý, phần lớn chỉ những gia đình khá giả mới mua sắm được. Nếu không sắm được ngà voi thì người Mạ sử dụng những đoạn ống tre già được vót, bào nhẵn cách tinh tế để đeo. Tục đeo hoa tai gắn liền với tục căng tai của người Mạ. Người nào tai được căng càng lớn thể hiện bản lĩnh càng cao và được dân làng mến phục.

Phần trên đầu được dân ông Mạ chăm chút cho việc trang sức. Một cách trang sức của thanh niên Mạ trước đây trong các dịp lễ tiết gia đình hay cộng đồng được mô tả: *“Mái tóc mềm giữ dài được cắt thành riềm ở trán và ót (gáy) rồi được búi tó đằng sau đầu. Chiếc búi tó được giữ chặt bằng một chiếc kẹp đôi đồng thau, tô điểm chiếc lược, các hạt trai có màu rù thông, con dao nhỏ cán cong, các lông*

*chim óng ánh, những búp tơ len đỏ kết hình trái tim hoặc giữ ở mái tóc tết kiểu xoắn thừng*²⁵. Một số hình ảnh của người Mạ đầu thế kỷ XX, cho thấy, các chàng trai Mạ thường dặt vào đầu tóc mình những lông gà trống, lông chim chèo bẻo, lông công.

2.5.2. Trang sức nữ giới

Để làm cho bản thân có sức hấp dẫn, đẹp hơn lên, phụ nữ Mạ hay dùng những đồ trang sức như: vòng đeo tay, vòng đeo chân, vòng đeo cổ, dây quần đầu, khăn quần đầu, dây thắt lưng, ngà voi. Những loại trang sức trên cũng được nam giới Mạ sử dụng nhưng khác nhau ở chỗ cách trang sức thế nào. Nữ giới Mạ thường dùng vòng đeo tay bằng nhôm hay bạc, thiếc trong khi nam giới thường chọn chất liệu bằng đồng. Những chiếc vòng này màu bạc, sáng trắng sẽ nổi bật lên trên làn da mướt với màu nâu bóng. Phụ nữ Mạ lớn tuổi thường sử dụng vòng đeo cổ nhưng thiếu nữ thì thấy ít sử dụng. Trên cổ của phụ nữ Mạ, vòng đeo cổ bằng kim loại chỉ chiếm số lượng ít từ một đến hai chiếc (trong khi phụ nữ người S'tiêng thường đeo nhiều hơn). Đặc biệt, nữ giới Mạ hay sử dụng những chuỗi hạt cườm nhiều màu sắc đeo trên cổ và để trễ dài qua phần ngực của mình. Như vậy, trong tâm thân để trần phía trên, những đồ trang sức sẽ thu hút và làm nổi bật vẻ đẹp, tràn đầy sức sống của những cô gái Mạ. Một số vòng hạt chuỗi thậm chí được gắn thêm những đồng bạc trắng hay các khoen vòng bằng kim loại. Có người cho rằng, trước đây, đeo thêm vào dân cườm cổ là những miếng ngà voi hình tròn được dát mỏng. Những vòng đeo chân được phụ nữ Mạ sử dụng, thường từ khi trở thành thiếu nữ. Vòng đeo chân được chế tác bằng các chất liệu chính như đồng, nhôm hay bạc. Cấu tạo của các chiếc vòng có độ to nhỏ khác nhau để sao cho phù hợp với hình dáng của chân người đeo.

Dây quần đầu, dây thắt lưng được dệt từ thổ cẩm và được trang trí các mô típ hoa văn sắc sỡ chủ yếu từ màu đỏ, vàng và được thiếu nữ Mạ hay sử dụng. Khăn quần đầu được dệt từ thổ cẩm, nhiều hoa văn, các biên khăn có những riềm tua trang trí và thường được những người phụ nữ Mạ lớn tuổi sử dụng. Ngà voi là đồ

²⁵ Jean Buolbet. *Quelques Aspects du Cuotumier N'Dri Des Chau Maa*. 1957. Bản dịch riêng của Nguyễn Yên Tri.

trang sức quý. Thiếu nữ Mạ khi lớn lên được căng tai, thường lúc đầu sử dụng những ống tre hay những hoa tai bằng thiếc có tính chất giữ lỗ căng cho rộng. Mỗi năm, phải thay những đồ đeo căng tai cho lớn hơn trước. Khi nào có điều kiện thì mua ngà voi để đeo để trang sức. Thơ ca Mạ nói về trang sức của thiếu nữ Mạ: *"Những vòng đồng xoắn ở cổ chân em không muốn cởi ra. Bông tai thiếc đeo rái tai em không muốn cởi ra"*.

Trong những ngày quan trọng liên quan đến bản thân (như hỏi, cưới) hay lễ hội của cộng đồng, phụ nữ Mạ chú ý đến việc trang sức của bản thân. Đây là dịp để phụ nữ Mạ chung vui trong ngày hội buôn làng, phô bày vẻ đẹp, sự khéo léo của bản thân và là dịp giao lưu, kết bạn với các chàng trai để hướng đến một tình yêu cho tuổi xuân thì. Phụ nữ Mạ *"với cần cổ nhiều vòng đeo...đôi khi mái diềm tóc được nhấn mạnh bằng chiếc vòng thiếc (Nhong r'non) và những hạt cườm sắc sỡ. Ở búi tóc, ngoài chiếc lược và chiếc N'Jirax, nàng cài con dao mũi cong cán sừng (pix n'kor n'ke). Thắt lưng nàng tô điểm búp tơ len đỏ, giữ đủ loại đồ dẹt (Ui n'dang, ui pu hoặc ui lung) gồm một dải ở giữa với họa tiết rất đẹp"*²⁶.

*

Hiện nay, trang sức truyền thống không còn sử dụng phổ biến trong cộng đồng người Mạ. Một thời gian dài, tục căng tai đã không còn duy trì với quan niệm thẩm mỹ đã khác trong thế hệ Mạ sau này. Chỉ những người lớn tuổi đã căng tai trước đây và còn một số ít sử dụng ngà voi làm hoa tai. Thậm chí, do điều kiện kinh tế, nhiều người Mạ đã bán những đôi hoa tai bằng ngà voi để có tiền sinh sống. Do quan niệm về thẩm mỹ khác với thế hệ cha ông, thiếu nữ Mạ ngày nay không còn sử dụng vòng đeo chân. Rất ít thanh niên, nam nữ Mạ sử dụng vòng đeo tay. Trong các dịp hội lễ của cộng đồng, giới trẻ Mạ sử dụng dây quần đầu trong biểu diễn văn nghệ, đội múa, tấu công chiêng có tính chất trình diễn. Cách trang sức bằng dây thắt lưng của người Mạ không còn được sử dụng do không còn phù hợp với cách sử dụng trang phục quần áo phổ biến hiện nay. Một số phụ nữ Mạ sử dụng những mẫu khăn quần đầu bằng chất liệu vải mịn được bày bán rộng rãi, đặc biệt của người

²⁶ Jean Buolhet. *Quelques Aspects du Cuotumier N'Dri Des Chau Maa*. 1957. Bản dịch riêng của Nguyễn Yên Tri.

Việt, người Chăm. Nhiều đồ trang sức người Mạ dùng hiện nay phần lớn như hoa tai, vòng, dây chuyền, nhẫn, chuỗi hạt...bằng nhiều chất liệu được bán ở các cửa hàng vàng bạc hay chợ. Chúng vừa có giá trị thẩm mỹ theo nếp sống hiện tại và cũng phù hợp với khả năng kinh tế mà mỗi người muốn chọn. Đồ trang sức cổ truyền Mạ dùng trước những nguy cơ mai một.

*

.....

Hoạt động kinh tế

3.1. Trồng trọt

3.1.1. Khai thác nương rẫy

+ Trồng lúa

Người Mạ là cư dân nông nghiệp vùng rừng núi. Đất canh tác được khai khẩn trên những địa hình tương đối bằng phẳng, sườn đồi dốc thoải. Thường người Mạ chọn rừng thứ sinh, đất tốt, ẩm, dễ khai phá hơn các khu rừng nguyên sinh hoặc rừng thưa. Rẫy người Mạ gọi là mir, được khai thác tự do trong rừng. Khu rừng trong vùng người Mạ sinh sống của buôn nào thì buôn đó được quyền khai thác.

Già làng và những người lớn tuổi chọn khu rừng để chia cho các gia đình trong buôn có đất trồng tía, làm mùa. Khi chọn được một khu rừng nào thì người già làng thông báo cho cả làng tập trung đến, tổ chức lễ cúng thần linh và chia đất. Những phần rẫy cùng trên phạm vi một rừng thường được chia cho các gia đình theo khoảnh có đầy đủ phần đất từ trên cao xuống thấp chứ không có chia ngang. Như vậy, đất rẫy của các gia đình đều tương tự nhau chứ không ai có quyền ưu tiên chọn đất cao hay thấp hoặc xấu hay tốt. Các gia đình cùng trong dòng họ, buôn làm rẫy sát với nhau. Khi phân biệt, định ranh giới cho các phần đất rẫy từng gia đình, người Mạ chọn các cây cối hay cục đá hoặc một vật gì đó hiện hữu trong phạm vi để phân định. Dẫu sự phân định tự nhiên như vậy nhưng không có xảy ra tranh chấp trong các diện tích rẫy với nhau. Hiện nay, sự phân định đất rẫy của người Mạ có hàng rào đơn giản hoặc có hàng cây trồng chia tách, phân biệt.

Phương thức canh tác nương rẫy cổ truyền của người Mạ có tính chất du canh, không cố định trên một khoảnh trong nhiều năm liền. Khi canh tác trên đất rẫy một thời gian, người Mạ đi tìm một khoảnh rẫy mới. Sau một thời gian, thì quay về rẫy cũ tiếp tục canh tác. Việc khai thác rẫy của người Mạ có người gọi là hưu canh – có tác dụng làm cho phần rẫy được khai thác đầu tiên hay kế tiếp đó có thời gian hồi phục rừng và độ màu đất đai. Như vậy, khi quay về phần đất rẫy canh tác

trước đó theo một chu kỳ từ 15 năm trở lên, không có nguồn đất rẫy nào bị khai thác cạn kiệt, đồng thời rừng được bảo vệ tốt. Vì vậy, người Mạ phân biệt rẫy mới và rẫy cũ.

Trong một khảo sát về nông nghiệp cả người Mạ ở tỉnh Lâm Đồng, tác giả Phan Ngọc Chiên cho biết: *“Sau giải phóng miền Nam, rẫy vẫn còn một vị trí quan trọng đối với người Mạ. Nhìn vào từng xã của huyện Bảo Lộc, ta thấy phần lớn các xã có người Mạ cư trú, diện tích lúa rẫy vẫn còn nhiều hơn diện tích lúa nước. Xã Lộc Lâm, năm 1977, có 95 ha lúa rẫy so với 71 ha lúa nước. Xã Lộc Thắng có 234 ha lúa rẫy so với 103 ha lúa nước. Xã Lộc Phước có 278 ha lúa rẫy so với 15 ha lúa nước. Xã Lộc Phú có 314 ha lúa rẫy so với 21 ha lúa nước. Bên cạnh đó có một xã chỉ trồng lúa rẫy mà chưa trồng lúa nước. Đó là xã Lộc Bắc, nơi cư trú của gần 2.000 người Mạ và năm 1977, người Mạ ở xã này khai thác hơn 300 ha rừng để trồng lúa nước”²⁷*. Đây là những con số tham khảo vào thời điểm năm 1977 cho thấy vai trò của kinh tế khai thác nương rẫy của cư dân Mạ. Những địa bàn này ngày nay đã có những thay đổi, phân chia về địa giới hành chính và chủ yếu hiện nay thuộc huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích lúa rẫy của người Mạ trên vùng Bảo Lâm ngày nay cũng dần thu hẹp do nhiều nguyên nhân: bảo vệ rừng, khai thác trồng lúa nước, hình thành vùng chuyên canh trồng trà, cà phê trong định hướng phát triển chung của địa phương.

Nguồn lương thực chính của người Mạ chủ yếu từ khai thác nương rẫy. Vì vậy, những hoạt động liên quan tới rẫy được người Mạ xem trọng và tổ chức nhiều lễ cúng thần linh khi tiến hành những công việc liên quan từ khi chọn đất đến trồng tía hay thu hoạch mùa màng. Khi đi chọn một rẫy mới để trồng tía cho mùa vụ mới, người Mạ có một số kiêng kỵ. Trên đường đi nếu gặp chim tự nhiên sà xuống trước mặt, rắn hay trăn bò ngang qua đường, gặp cành cây cối ngã đổ hoặc nghe tiếng vượn hót, mễnh kêu thì lập tức quay về. Sau đó, có thể chọn thời gian khác và hướng khác để đi. Người Mạ quan niệm những điều thấy, gặp, nghe trên báo trước những điều không may mắn trong công việc chọn rẫy.

²⁷ Phan Ngọc Chiên. *Một số vấn đề dân tộc học nông nghiệp ở vùng người Mạ tỉnh Lâm Đồng. Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*.sdd, tr.92.

Nếu rẫy đã trồng tía năm trước, năm sau tiếp tục làm thì cũng lưu ý một số điều kiêng kỵ. Nếu trong rẫy cũ có những con thú nào chết trong đó thì phải tổ chức lễ cúng trước khi tiếp tục làm. Chỗ con vật chết để nguyên, không được dời đi hay đem chôn. Khoảnh đất có con thú chết không trồng tía gì. Trong lễ cúng, phải cầu khẩn thần linh cho mùa màng tốt tươi, thu hái được nhiều và hứa cúng lễ vật tạ ơn. Đặc biệt, là khi thu hoạch xong phải cúng dê hoặc cúng heo để thần linh xua đuổi những điều không hay, bảo vệ mùa màng. Ngày xưa, người Mạ không quan niệm là con vật cúng tế lớn hay nhỏ mà phải có, chủ yếu là cúng heo để bày tỏ lòng thành của chủ rẫy với thần linh.

Rẫy của người Mạ chủ yếu là trồng lúa và các loại cây hoa màu, thực phẩm. Trong năm, người Mạ chỉ làm một vụ lúa rẫy, bắt đầu từ tháng 4 hoặc tháng 5 cho đến thu hoạch vào tháng 12. Mùa trồng tía của người Mạ lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên. Trong năm, vào tháng 4 và 5 bắt đầu vào mùa mưa. Khi dọn rẫy xong trong những tháng mùa khô (từ tháng 2 đến tháng 3), người Mạ bắt đầu tía lúa. Nếu là rẫy mới thì mùa đầu tiên chỉ trồng lúa cạn, mùa tiếp theo trồng xen các loại hoa màu như bắp, dưa, bí, khoai lang, thuốc lá, mướp, bông vải...

Các loại lúa rẫy người Mạ thường sử dụng là: Lúa Mạ, Xương gà (Kòì Brao), Bạc đầu bông (Kòì Lel), Gạo đỏ (Kòì Tràng), Ba Túc, Tiu, Nàng Rá... Trong đó, loại Lúa Mạ là chính và thường được trồng với diện tích lớn nhất. Ngoài các loại lúa trên, người Mạ còn tía lúa nếp (Kòì Mbar). Các loại lúa giống được trồng trong rẫy chủ yếu thu hoạch từ mùa trước và chọn để lại cho mùa sau.

Một số công cụ người Mạ dùng làm rẫy như: Rìu (Kol Sùng) dùng chặt đốn cây, Chà gạt (Wioh) dùng dọn cỏ và phạt các loại dây leo, cây nhỏ. Cây chọc lỗ (Rmul) thường dài từ 2 đến 3 mét, song, thẳng có đường kính khoảng 3 đến 4 phân, một đầu vót nhọn, có thể bọc sắt hoặc để nguyên. Loại công cụ này do nam giới sử dụng. Kao là một công cụ do nữ giới sử dụng để làm cỏ rẫy. Ngoài ra, còn có các loại dao, liềm, hái và các vật dụng như khiu, gùi khi thu hoạch.

Cách thức tía lúa của người Mạ là chọc lỗ tra hạt. Người đàn ông cầm hai cây chọc lỗ đi trước, chọc lỗ theo hướng đi tới, thẳng hàng. Người phụ nữ đi sau tra lúa giống và khóa đất lấp lại. Trong các hộ gia đình, có thể phụ giúp nhau làm rẫy, tía

lúa gọi là “Tâm ôp Luh”, tương tự như tục “tâm hành” của người Xtiêng hay hình thức “văn công” của người Việt hay. Khi tía lúa xong, người Mạ cũng đến rẫy trông nom, đặc biệt là khi lúa trở bông, cho hạt. Người Mạ chỉ làm cỏ để khỏi choáng, lẩn cây lúa, đuổi chim chóc, các loại thú phá hoại mùa chứ không có bón phân hay tưới nước. Cách chăm sóc lúa đơn giản và phụ thuộc hoàn toàn vào “nước trời” này không đảm bảo cho mùa vụ ổn định, thậm chí có thể mất mùa nếu năm đó khí hậu, thời tiết bất thường như hạn hán.

Trong chu kỳ của cây lúa rẫy từ khi tía cho đến thu hoạch đều được người Mạ tổ chức những lễ cúng thần linh. Đến khi lúa chín, người Mạ thu hoạch bằng cách tuốt lúa. Đi tuốt lúa chủ yếu là phụ nữ. Họ mang gùi nhỏ đeo trước bụng, hướng đi tới, đưa hai tay tuốt từng bông lúa. Cách nắm tuốt từ dưới của phần ngọn cây lúa tuốt lên để lấy hạt cho vào gùi. Sau đó, chuyển về nhà.

+ Trồng cây công nghiệp

Vùng B'laô là địa bàn rộng tập trung người Mạ sinh sống trước đây (bao gồm cả thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm thuộc tỉnh Lâm Đồng) có khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng thích hợp với một số cây công nghiệp, đặc biệt là chè, cà phê. Cây chè được trồng từ những thập niên 40, 50 trên vùng đất này bởi những nhà trồng tía người Pháp. Họ mở đồn điền trồng chè và thuê nhân công, trong đó có một bộ phận người Mạ làm thuê cho các đồn điền này.

Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt những thập niên cuối thế kỷ XX, nhà nước đẩy mạnh vùng chuyên canh chè, cà phê thì người Mạ cũng chuyển đổi cây trồng theo chủ trương này. Vì vậy, nương rẫy của người Mạ trước đây trồng lúa đã chuyển qua trồng chè, cà phê. Mỗi hộ gia đình người Mạ đều có và sử dụng đất rẫy trồng chè và cà phê. Cây giống và kỹ thuật trồng, chăm sóc đối với cây chè, cà phê được nhà nước hướng dẫn. Thu hoạch từ chè, cà phê được hộ gia đình bán lại cho các doanh nghiệp nhà nước hay liên doanh. Việc phát triển vùng chuyên canh chè, cà phê của tỉnh Lâm Đồng đã giúp cho người Mạ khai thác hiệu quả về nương rẫy, đem lại sự cải thiện thu nhập. Thế nhưng, do điều kiện kinh tế và ảnh hưởng tập quán cũ, nắm bắt kỹ thuật còn yếu nên những rẫy trồng chè, cà phê của người Mạ

chưa phát huy được năng suất. Nhiều hộ gia đình vì không có điều kiện nên tưới tiêu khi hạn hán nên năng suất của các vụ thu hoạch chưa cao.

Một số nương rẫy của người Mạ được khai thác trồng điều. Tuy nhiên, những nương rẫy trồng điều không tập trung mà phụ thuộc vào từng loại đất rẫy. Người Mạ ở các huyện Cát Tiên, Đa Huoai, Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng chủ yếu khai thác rẫy trồng cà phê, điều. Nương rẫy của người Mạ ở vùng Tà Lài, Hiệp Nghĩa tỉnh Đồng Nai chủ yếu trồng điều, không trồng cà phê. Rẫy của người Mạ còn được trồng thuốc lá. Thường người Mạ chặt hạ cây, đốt nhưng giữ nguyên phần vị trí cây ngã. Hai bên thân cây đốt thành tro này, người Mạ rải hạt thuốc lá để chúng tự lên, ít chăm sóc. Đến khi cây thuốc lớn, hái lá sắt và phơi để sử dụng. Việc trồng thuốc lá chủ yếu để hút và một số ít để trao đổi.

Việc thay đổi trồng các cây công nghiệp trên đất rẫy là yếu tố làm thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống của người Mạ. Việc tiếp thu kỹ thuật chủ yếu được sự hỗ trợ của nhà nước. Tài liệu hướng dẫn đối với việc canh tác, trồng cây công nghiệp chè, cà phê được các cơ quan như khuyến nông cho in sẵn, chuyển ngữ tiếng dân tộc, phát cấp cho từng hộ người Mạ. Bên cạnh đó, nhiều hộ người Mạ được tham dự các lớp tập huấn về kỹ thuật. Tuy nhiên, do trình độ dân trí, việc tiếp cận và nắm bắt kỹ thuật sản xuất trong nghiệp của người Mạ còn hạn chế. Đối với phần lớn hộ gia đình người Mạ cũng như các dân tộc thiểu số khác, phương thức hướng dẫn, tập huấn trực tiếp “cầm tay chỉ việc” về kỹ thuật mới đạt hiệu quả.

*

Hiện nay, phụ thuộc vào địa bàn người Mạ sinh sống mà nương rẫy của người Mạ có sự thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu và tăng năng suất cây trồng. Như vậy, khi tiếp xúc với tập quán sản xuất của người Kinh, được hướng dẫn, hỗ trợ, đầu tư của nhà nước trong sản xuất nông nghiệp, nương rẫy của người Mạ có những biến đổi so với canh tác truyền thống và cây giống. Một số địa bàn vẫn còn trồng lúa rẫy nhưng không nhiều. Người Mạ vùng Bảo Lộc, Bảo Lâm đã lập những vườn cà phê, trà. Người Mạ vùng Cát Tiên, Đạ Tẻh ngoài trồng cây lương thực, thực phẩm đã khai thác trồng cây điều. Ở các vùng

đất ven sông hay vườn nhà, người Mạ đã hình thành những vườn cây ăn trái như chôm chôm, mít, đu đủ...

3.1.2. Khai thác ruộng nước

Về khai thác ruộng nước, những người Mạ sinh sống ở các địa bàn thấp như Định Quán, Tân Phú (Đồng Nai) hay Cát Tiên, Đạ Tẻh... (Lâm Đồng) có điều kiện tiếp cận trước. Theo tài liệu Địa chí Đồng Nai cho biết: Từ năm 1957, người Mạ ở làng Hiệp Nghĩa (thị trấn Định Quán, tỉnh Đồng Nai) đã bắt đầu trồng lúa nước. Cánh đồng dưới chân núi Đeang Kear được họ hai phá khoảng 50 héc ta và học cách trồng lúa nước của người Việt trong vùng. Kỹ thuật canh tác lúa nước của người Mạ được mô tả *“Thoạt đầu, chưa biết cày bừa, để làm đất, họ đóng cọc ở đầu bờ, buộc trâu bằng sợi thừng dài rồi lùa xuống ruộng cho chúng quần nổi sình (bùn). Họ vơ cỏ cho sạch rồi cấy. Sau đó họ học cách dùng cày, bừa, bừa bằng trâu song chưa bón phân (trâu, bắc) vì sợ bẩn. Ở nơi không có trâu, bà con dùng cuốc lật đất rồi nhặt sạch cỏ. Kề đến họ dùng miếng ván lớn, nặng, buộc dây ở hai đầu ván cho hai người kéo; một cây gậy tra vào giữa miếng ván như tay lái để người đi sau điều khiển. Cách trang mặt ruộng này khá nặng nhọc, tốn lao động. Khi lớp bùn bằng phẳng ở mặt ruộng hơi se se, họ dùng cây chọc lỗ tra lúa giống, tương tự như trồng lúa rẫy”*²⁸

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, khi nhà nước thực hiện chính sách định canh, định cư, người Mạ được tập trung sinh sống ở Tà Lài (huyện Tân Phú). Vùng Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán) được ổn định. Việc khai thác đồng trồng lúa nước được khuyến khích. Người Mạ đã sử dụng sức trâu để cày bừa. Sau này, người Mạ đã sử dụng cả cơ khí trong làm ruộng như máy cày, máy xới, máy suốt lúa trong các công đoạn trồng, chăm sóc với kinh nghiệm và kỹ thuật được tiếp cận nên năng suất thu hoạch hiệu quả. Trong trồng lúa nước, người Mạ không cấy mà sử dụng hình thức sạ lúa chứ không duy trì chọc lỗ tía hạt như lúa rẫy trước đây.

Người Mạ ở Lâm Đồng làm ruộng nước chủ yếu từ sau năm 1975. Về canh tác lúa nước của người Mạ tỉnh Lâm Đồng, tác giả Phan Ngọc Chiến khảo sát cho thấy những đặc điểm khá rõ nét. Người Mạ ở các làng Jirai, Minh Rông 2, Minh

²⁸ Nhiều tác giả. *Địa chí Đồng Nai, tập V. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001. Tr 681.*

Rồng Srêkăng (nay thuộc huyện Bảo Lâm) canh tác lúa nước với kỹ thuật còn thô sơ trước năm 1975. Tuy vậy, vai trò của ruộng nước cũng rất nhỏ bé so với vai trò của rẫy. Người Mạ cải tạo những vùng đất thấp, ngập nước để làm ruộng nước. Đây là những “tràng” ít cây cối, nhiều cỏ và có thể dẫn nước vào. Để làm lúa nước, người Mạ dẫn nước vào ruộng làm cho mềm đất, sau đó cuốc và ban cho bằng. Để ban đất, người Mạ dùng một tấm ván nặng, dài khoảng hai thước, buộc dây hai đầu và dùng sức người kéo. Giữa tấm ván có gắn một cái cây để người đi sau điều khiển lên cao hay xuống thẳm trên mặt ruộng. Khi đất bằng, người Mạ tháo nước để mặt ruộng khô. Thời gian tháo nước khoảng nửa tháng. Ruộng vừa khô thì người Mạ tía lúa với phương thức như tía lúa rẫy, người đàn ông đi trước cầm cây chọc lỗ, phụ nữ đi sau tra hạt vào lỗ và lấp lại. Đối với lúa tẻ, người Mạ dẫn nước vào khi ruộng khô, còn lúa nếp thì để nguyên. Ruộng không dùng đến phân bón.²⁹ Sau này, để đảm bảo việc canh tác lúa nước được đảm bảo, đặc biệt đối với nguồn nước tưới, người Mạ đã làm hệ thống mương thủy lợi và các bể chứa nước trong các công trình thủy nông từ sự hỗ trợ của nhà nước. Ở những địa bàn được đầu tư hệ thống thủy lợi, diện tích trồng lúa nước của người Mạ được tăng từ 1 vụ lên 2, 3 vụ trong một năm. Hiện nay, người Mạ đã áp dụng cách trồng và chăm sóc lúa trong quá trình gieo trồng cho đến thu hoạch một cách khoa học như sử dụng phân bón, phun thuốc phòng các dịch bệnh.

Có thể nói, việc khai thác ruộng, trồng lúa nước là một sự du nhập phương thức mới trong sản xuất nông nghiệp của người Mạ gắn liền với việc thay đổi tập quán từ “du canh, du cư” sang “định canh định cư”. Ban đầu, lối canh tác còn thô sơ, lạc hậu và còn chịu sự ảnh hưởng của phương thức canh tác lúa rẫy truyền thống. Từng bước, người Mạ tiếp cận khoa học kỹ thuật và sử dụng phương tiện cơ khí trong sản xuất nông nghiệp. Từ vai trò thứ yếu trở thành chủ yếu phương thức canh tác lúa nước từng bước được xác lập và phát triển, khẳng định được vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế đối với người Mạ hiện nay.

²⁹ Phan Ngọc Chiến. *Một số vấn đề dân tộc học nông nghiệp ở vùng người Mạ tỉnh Lâm Đồng. Dẫn theo Mạc Đường. Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng...*.sdd.

3.2. Chăn nuôi

Chăn nuôi là hoạt động kinh tế có tính chất cá thể của người Mạ, hỗ trợ cho điều kiện sống của người Mạ trong nền kinh tế có tính chất tự cung tự cấp. Loại gia cầm người Mạ thường nuôi các loại gia cầm như gà, vịt... và gia súc như trâu, bò, heo, dê, chó... Những vật nuôi như heo, gà, vịt chủ yếu để lấy thịt, trứng làm thức ăn trong gia đình hoặc có thể dùng trao đổi các vật được định ngang giá để trao đổi các nhu yếu phẩm khác. Trong xã hội cổ truyền của người Mạ, con trâu được định giá trị cao nhất để trao đổi với các vật dụng quý hiếm. Như bộ bộ công hay chiêng, các ché được định giá bằng giá trị từ một hay nhiều trâu trở lên. Trâu, bò được nuôi để lấy sức kéo trong chuyên chở nông sản, lâm sản và sau này trong làm đất canh tác ruộng nước. Con chó được nuôi chủ yếu để giữ nhà và đi săn.

Trong số các vật nuôi, các con vật như trâu, heo, dê, gà, chó...ngoài các mục đích sử dụng sức kéo, lấy thịt còn người Mạ sử dụng chung làm các lễ vật hiến tế trong các lễ tiết của gia đình, dòng họ hay cộng đồng. Trong lễ hội lớn của cộng đồng như lễ hội mừng lúa mới, con trâu là lễ vật hiến sinh quan trọng nhất, sao đó đến heo và dê. Con gà chủ yếu trong lễ cúng là làm thịt để lấy huyết trong các nghi thức tế tín ngưỡng. Con chó chỉ sử dụng làm vật hiến tế trong lễ cúng bến nước của cộng đồng. Con chó là vật nuôi thường thấy trong các gia đình người Mạ và sống tự do trong nhà, gần gũi với con người.

Gà thường được thả tự do trong vườn. Đặc biệt, người Mạ làm chuồng để nuôi gà. Chuồng nuôi gà của người Mạ khá độc đáo. Nhìn một cách tổng thể, nhà nuôi gà có kết cấu như một chiếc nhà sàn thu nhỏ đặt phía sau hoặc một bên của nhà ở chính. Chuồng gà có một cửa ra vào, có cầu thang bằng gỗ để đi lên, đi xuống. Trong chuồng gà để những giỏ tre để con gà chọn chỗ ngủ ổn định. Khi có gà đẻ, những chiếc giỏ tre được lót một ít rơm làm ổ.

Heo, vịt cũng được nuôi theo lối thả rông trong vườn. Chỗ ở của vịt thường quay thành một địa điểm cố định dưới chuồng gà hay dưới sàn nhà ở còn heo thì được tự do. Trâu, bò, dê trước đây được nuôi theo lối thả rông. Một số người Mạ lớn tuổi cho biết, lúc đầu, có người dẫn các con vật này đến thả một địa điểm nhất định nào đó trên đồi, bãi cỏ...canh giữ khi chúng cho đến khi lùa về nhà. Một thời

gian, các con vật quen dần sau, người Mạ chỉ cần lừa chúng đến nơi cần thả cho ăn cỏ, không cần canh giữ, khi trời tối thì đến lừa về.

Hiện nay, việc nuôi trâu, bò, dê không còn theo lối thả rông như trước do nhiều yếu tố. Bãi cỏ, cánh đồng không còn nhiều, đất đai hiện nay được khai thác, canh tác nhiều loại hoa màu, người Mạ phải vừa canh giữ vật nuôi và không cho chúng phá hoại hoa màu, vườn cây ăn trái khác. Có những trường hợp không canh giữ, chủ vật nuôi đem buộc trâu, bò, dê trên những bãi cỏ hay khoảnh vườn của mình. Các con vật ăn cỏ phụ thuộc vào độ dài của sợi dây quanh địa điểm bị buộc. Để con vật ăn được nhiều cỏ, họ đến thay đổi địa điểm buộc một vài lần trong ngày. Trước đây, trâu, bò nuôi nhưng không làm chuồng. Người Mạ buộc trâu, bò quanh nhà tại cây cột cố định hay gốc cây nào đó ở gần nhà. Hiện nay, một số vùng người Mạ làm chuồng cho trâu ở gần nhà. Riêng dê thì người Mạ làm chuồng với sàn cao bằng gỗ. Dê là con vật dễ bị bệnh nếu chân tiếp xúc nhiều với điều kiện ẩm ướt nên người Mạ cho chúng ăn cỏ nơi những vùng cao, tránh nước và chuồng được dọn vệ sinh mỗi ngày. Một số người Mạ ở huyện Bảo Lâm cho biết, khi người Pháp còn cai trị, một số gia đình giàu có người Mạ mua ngựa nuôi và dùng làm phương tiện vận chuyển trong buôn làng.

3.3. Khai thác nguồn lợi tự nhiên

3.3.1. Hái lượm

Sinh sống trong vùng rừng núi, hái lượm là một trong những hoạt động thường xuyên của người Mạ trong việc tìm nguồn thức ăn cải thiện cho bữa cơm gia đình. Công việc hái lượm thường do người phụ nữ Mạ thực hiện, đặc biệt có tầm quan trọng trong gia từng gia đình hay cộng đồng khi kinh tế tự cung cung tự cấp, dựa vào môi trường tự nhiên là chính.

Những loại rau rừng, củ, quả được người Mạ tìm hái, đào lấy đem về chế biến. Có nhiều loại rau được người Mạ hái từ rừng: rau bép, rau má, khô qua rừng...chủ yếu để nấu canh. Lá bép còn gọi là rau nhíp, diếp. Đây là loại rau mọc trong rừng sâu. Lá có màu xanh và tím, vị ngọt, tính mát dùng để nấu canh hay nướng một cách đơn giản. Khi lên rẫy, người Mạ hay dùng loại rau này chế biến tại chỗ, thuận tiện cho thời gian làm nương rẫy. Ngoài ra, người Mạ còn hái những loại

nấm không độc, đọt mây, bắp chuối rừng để chế biến thức ăn. Một số dạng quả được người Mạ hay khai thác như bầu, bí, mướp, xoài (R'va), mít (V'nát), ổi (Ui), ớt (Mờ rề), chôm chôm (Yu), dâu (Mờ ri), thom (Prit prang), gùi (Cê), cóc (Rờ muôn)...

Ngoài rau, quả, người Mạ còn hái măng rừng để làm mắm hay kho. Sau này, do nguồn măng trở thành một dạng nhu yếu phẩm được mua bán ngoài phổ biến nên người Mạ cũng dành nhiều thời gian vào mùa măng rừng mọc để khai thác chế biến thức ăn hay đem mua bán, trao đổi ngoài chợ.

Củ nân, củ mài được đào để nấu ăn trực tiếp hay chế biến lấy tinh bột thay thế cho lương thực khi lâm vào cảnh thiếu ăn. Củ nân từ một loại dây leo như loại dây khoai mỡ, lá hình thoi, thường 1 cuống có ba lá chõi ra, rễ hình thành dạng củ. Dây nân càng lâu năm thì củ càng to nhưng qua thời gian dài thì củ tự tiêu để đâm ra những chùm rễ mới. Từ những rễ mới lại hình thành nên các dạng củ khác. Dạng củ nân phát triển lúp búp trên mặt đất quanh dây, nửa âm dưới mặt đất, nửa trồi lên phần cuống củ. Củ nân có màu trắng và vàng chứa nhiều tinh bột, được dự trữ thay thế cho lương thực.

Củ chụp là dạng củ có tinh bột của một loại thân dây leo, phía dưới có dạng củ nằm sâu trong lòng đất (từ 0,5 m trở đi) chứa rất nhiều bột mà đồng bào thiểu số đã biết dùng thay cho gạo. Củ chụp vốn được hình thành từ dây rễ chính, ăn sâu trong lòng đất. Thường mỗi dây cho củ lớn, dài từ 0,5 kg – 5kg. Dây củ chụp thường mọc chen lẫn với các dây leo khác hoặc bám vào các thân cây rừng. Người Mạ cũng như các đồng bào thiểu số ở vùng rừng miền Đông Nam Bộ sử dụng trong những lúc mùa màng thất bát. Để đào được củ chụp là một việc làm đòi hỏi tính kiên nhẫn, đặc biệt là sức do người đàn ông thực hiện. Người Mạ dùng cây tre dài, chẻ đầu tua nhọn hình vòng dạng cái chụp để đào củ nên còn gọi là củ chụp.

Ngoài các loại rau, cây cho chất bột...trên, người Mạ còn khai thác một số nguồn lợi tự nhiên như gỗ, mây, nhựa chai, mật ong... tạo thêm thu nhập, kinh tế cho gia đình. Gỗ là nguồn lợi có giá trị kinh tế lớn. Trước đây, người Mạ khai thác gỗ, mây chủ yếu để làm nhà, đan lát. Một thời gian khi ngành nghề xây dựng, thủ công mỹ nghệ phát triển, nhiều người Mạ khai thác gỗ, mây bán cho những đầu mối

thu mua. Nhựa chai từ các thân cây dầu tiết chảy ra thành từng cục lớn hay nhỏ, thường được chế biến thành loại dầu sử dụng trong việc quét, trét lên các sản phẩm bằng gỗ. Người Mạ vào rừng tìm đến cây dầu để khoét lấy hay thu lượm những cục nhựa đem bán. Mật ong là một trong nguồn lợi được người Mạ khai thác nhưng không còn phổ biến. Những quy định chặt chẽ trong công tác bảo vệ rừng hiện nay không cho phép khai thác lâm sản trái phép nên phần lớn người Mạ không khai thác nguồn lợi này.

3.3.2. Săn bắn, đánh bắt

Săn bắn chủ yếu do đàn ông Mạ thực hiện. Trước đây, rừng được khai thác tự nhiên nên công việc đi săn trở thành nên khá thường xuyên trong cộng đồng. Việc săn bắt thú rừng vừa cung cấp thực phẩm cho gia đình và còn là hàng hóa để trao đổi các loại hàng hóa khác mà họ cần.

Người Mạ thường săn bắt các loại thú nhỏ và vừa. Săn bắt các loại thú trên cây thì dùng ná, tên. Săn các loại thú dưới đất thì dùng lao, nỏ tên hay một số bẫy. Người Mạ sử dụng một số loại vũ khí để đi săn như ná (nỏ), tên, lao và một số loại bẫy. Tên săn thú thường được tẩm thuốc gây tê từ cách chế biến một số loại cây có mủ trong rừng. Mủ cây được tẩm vào mũi tên, chỉ làm tê con thú nhưng không ảnh hưởng đến thịt của chúng khi bắt được.

Thường trong gia đình tổ chức những nhóm đi săn, kéo dài từ 2 đến 3 ngày. Những người đi săn thường tích lũy kinh nghiệm về tập quán sinh hoạt, ăn uống... của các loài thú. Họ chọn những khu rừng mà những loài thú hay tìm đến theo ngày, đêm hoặc theo mùa. Người Mạ hay dùng bẫy cò ke để bắt những loại thú nhỏ. Họ cùng tổ chức vây dồn những con thú vào khu vực đặt bẫy để bắt. Để săn bắt những loại thú lớn như heo rừng, người Mạ thường đào hố, cắm chông. Người Mạ cũng nuôi một số con chó, khi đi săn dẫn chó theo để phát hiện hay đuổi vây thú cùng chủ. Những loại thú lớn săn được như trâu rừng, bò rừng, nai, mễn... người Mạ thường xẻ thịt tại rừng và gửi đem về nhà. Những nhóm đi săn chung thì chia phần với nhau và họ cũng san sẻ với những gia đình trong buôn.

Đánh bắt thủy sản là nguồn cung cấp thức ăn trong bữa cơm hằng ngày của người Mạ. Người Mạ dùng những các Pằm (tương tự cái lợp, dẹt) tre, cái cần Yú

(cái đó), cái Nh'răm (cái chĩa có mấu sắt) để bắt cá dưới suối, bàu. Vào mùa nắng, cách bắt cá phổ biến nhất là khi ao hồ cạn nước, người Mạ chọn những điểm có nhiều cá để tát nước để bắt. Một cách bắt cá khác là dùng võ cây "Cilrau", cây vàng nghệ... đập nát cho mũ cây chảy trên một đoạn suối. Khi mũ cây theo dòng nước chảy làm cá cay đến mù mắt và say, ngộp nên phản ứng chậm để bắt được dễ dàng.

Trước đây, mỗi khi đi săn, người Mạ thường cầu khẩn thần linh. Tùy theo cuộc đi săn tập thể hay cá nhân mà họ tổ chức lễ cúng để cầu khẩn thần rừng. Nội dung chủ yếu khẩn thần rừng bảo vệ họ đi săn được nhiều thú, ban cho họ bình an, tránh những điều xui rủi và họ sẽ không quên cúng thần rừng khi đi săn về. Nội dung lời khẩn của một người Mạ đi săn: *Anh nay đi săn (nếu) tôi giết con voi tôi kiếm con heo cho thần rừng ăn, tôi kiếm con nứa để thần rừng dùng làm (tôi) xui, nếu thần rừng cho sớm, tôi kiếm (heo) sớm cho thần ăn, không làm tôi bị xui...*³⁰. Trong săn bắn, đánh bắt, người Mạ có một số kiêng kỵ: Không đánh bắt thú tại những khu rừng thiêng hay khu rừng chôn người chết. Khi nhà có phụ nữ mang thai thì không được đi săn. Những con thú có chữa thì người Mạ không bắt... Khi làm thịt thú, người Mạ cũng có tục giữ lại những xương hàm của chúng, phơi khô và treo trong nhà. Sau này, khi tổ chức lễ cúng, họ khẩn trình thần linh để tạ ơn và xin phép được tiếp tục săn bắt để đáp ứng nhu cầu cuộc sống hằng ngày. Ngày nay, việc săn bắt, hái lượm, đánh bắt thủy sản khai thác nguồn lợi trong môi trường sống của người Mạ bị thu hẹp do chính sách bảo vệ rừng.

3.4. Nghề thủ công

3.4.1. Nghề Đan lát

Đan lát là công việc thường ngày của mỗi gia đình người Mạ. Công việc đan lát thường do đàn ông đảm trách, thường làm tại nhà, trong các thời gian rảnh rỗi. Sản phẩm đan lát là những vật dụng của người Mạ dùng đáp ứng nhu cầu mạng, đựng, vận chuyển lương thực, đồ dùng... trong sinh hoạt, lao động sản xuất, không

³⁰ Nhiều tác giả. Địa chí Đồng Nai (tập 5 Văn hóa – xã hội). Nxb Đồng Nai, 2001, tr. 693.

có mục đích trao đổi hay buôn bán. Các sản phẩm đan lát chủ yếu là gùi, khiu, giỏ, sóp, nong, nia, rổ... Vật liệu dùng đan lát là tre, nứa, mây. Trong các sản phẩm người Mạ đan thì gùi là một loại công cụ khá phổ biến.

Kiểu gùi truyền thống của người Mạ nơi đây có 3 loại: Khiu, Sohơl và Sah. Kỹ thuật đan Khiu, Sohơl, Sáh tương đồng với thứ tự định hình khung từ dưới lên, làm đế và bên gắn dây đeo. Kỹ thuật đan tùy theo loại vật dụng mà đan theo long mót hay long hai; tức bắt bỏ từng nan hay hai nan tre chéo lên nhau. Trước hết, người ta đan khung gùi, từ đáy gùi trở lên thân để định kích thước. Hầu hết, đáy gùi nhỏ, nan được đan nhật và thân gùi được mở vát, rộng đều ra các bên cho đến miệng gùi (miệng loe hay tròn). Sau đó, đan thân gùi và bẻ miệng với các dây mây được bên chặt, cuốn đều hình vòng nối khít nhau. Dưới đáy gùi, chọn những nan tre cật chắc uốn theo hình đáy gùi làm đế, liên kết nhau và buộc chặt với phần nan đan bên trên. Một bên của thân gùi được chọn để bên dây hai dây đeo, buộc vào phần trên miệng và dưới đáy gùi một cách chắc chắn để đeo. Phần dây đeo chủ yếu bên từ những dây mây dẻo, có độ chắc, bền cao.

- Khiu: Là loại gùi nhỏ, thường được người Mạ đeo trước bụng, ngang thắt lưng trở xuống. Chiều cao khoảng 30cm, đường kính miệng là 25cm. Vật dụng mà trẻ em có thể mang để đựng các đồ vật, thức ăn. Người lớn thì dùng để đi hái lá hay tuốt lúa trên rẫy.

- Sohơl: Vật dụng vừa dùng để đựng và mang đồ vật được người Mạ sử dụng trong công việc hằng ngày, đặc biệt cho việc lên nương rẫy, đi rừng. Đây là dạng gùi có tiết diện vừa phải. Chiều cao từ 35 đến 40 cm, đường kính miệng từ 30cm đến 40cm. Thân gùi hình trụ. Các nan tre tre giữ độ vững chắc của thân gùi. Gùi được đan bằng nan tre và bên bằng dây mây phần miệng. Phần lớn thân gùi áp vào lưng khi đeo được đan thêm tám nan tre hoặc dây mây vừa thẩm mỹ vừa có tác dụng cho lưng dễ chịu khi mang. Loại Sohơl có hai dạng, dạng thân đan nan khít chặt dùng để đựng lương thực khoai, củ, rau... Loại thân đan thưa, có khoảng trống nhiều ở giữa thân thường để đựng củi, mang nước (nước để trong trái bầu hay bình).

- Sáh: Là loại gùi lớn, thường dùng để đựng lúa. Người Mạ dùng Sáh để tính đơn vị về lượng lúa thu hoạch được. Chiều cao của Sáh thường từ 75 đến 80 cm,

miệng tròn, đường kính khoảng 50 cm. Cách đan Sáh cũng như cách Sohol, nhưng thân Sáh được bện chặt, khít nhau. Trên thân trụ của Sáh có những nan tre cố định giữ thân hoặc các dây mây ôm vòng thân trụ bên ngoài. Hai dây đeo của Sáh được cố định từ dưới phần đế đến giữa phần thân trụ, không đến phần miệng như loại Khiu ha Sohol. Vì vậy, khi mang Sáh thì nửa thân phần thân cao vượt lên khỏi đầu người mang.

- Lồng: Thường được đan bằng nan tre. Nan tre được vót, chẻ đơn giản, đan theo cách từ dưới đáy trở lên để xác định khung. Phía dưới đáy rộng và mở rộng lên phía trên dạng hình bầu dục hay chữ nhật phụ thuộc vào đáy lồng được định sẵn. Nếu là hình chữ nhật thì bốn góc được đan uốn cho tròn chứ không để góc nhọn. Từ thân đến miệng được đan hơi thon hay hơi cong lại tạo thành miệng với cách bẻ gấp đơn giản. Người Mạ tiếp tục đan một nắm lồng để chụp lên phần thân dưới. Nắp được đan chủ yếu bằng những nan tre cật (vò), dáng hình cái chụp. Các nan tre được đan chéo với nhau với nhau từ trên xuống dưới, tạo nhiều hình thoi đan xen với nhau. Miệng của nắp được đan khít các nan tre để giữ sự cố định. Thường nắp có một khoảng trống để làm cửa lồng. Trên khoảng trống này có đan một tấm nắp đặt, cài dây để giữ như một cách cửa. Lồng chủ yếu dùng để nhốt các con thú gia cầm như gà, vịt hay chim chóc

Ngoài các vật dụng được đan lát trên, người Mạ còn đan các đồ vật sử dụng trong cuộc sống hằng ngày như nong, nia, rổ,...Giỏ (các loại lớn, nhỏ): được đan từ những nan tre chẻ lớn, không cần vót nhẵn. Phần đáy các giỏ được đan nhật nhưng phần thân giỏ thì với cách đan chéo để trống. Sóp: Loại vật dụng có kích cỡ nhỏ, đan bằng dây lát mịn. Sóp thường dùng để đựng cơm, thuốc lá. Bên cạnh đó, người Mạ còn sử dụng sợi lòng để đan chiếu. Công việc đan chiếu thường do phụ nữ đảm trách. Chiếu là vật dụng mà nhà người Mạ nào cũng sử dụng; đặc biệt, những tấm chiếu lớn thường được chủ nhà dùng tiếp đãi khách.

Nhìn chung, vật liệu dùng trong đan lát chủ yếu từ tre, lát và mây. Cách định khung cho sản phẩm, nhất là phần miệng của gùi, người Mạ có sử dụng thêm những dây thép hay đồng để cố định chắc chắn nhưng giấu trong lớp dây mây bao quanh. Một số sản phẩm như những loại gùi thì đòi hỏi người đan có tay nghề. Tùy theo

mỗi sản phẩm mà người Mạ có cách trang trí một cách tinh tế, độc đáo. Đặc biệt, các loại gùi, người Mạ dùng dây mây, những cuộn len tơ bố trí những phân dây buộc, bao viền quanh thân một cách hài hòa theo cảm nhận thẩm mỹ cá nhân.

3.4.2. Nghề Rèn

Một số chuyện kể của người Mạ cho rèn, người anh hùng Rdeen là bậc thầy kỹ thuật luyện sắt, là người đã dạy cho tổ tiên người Mạ biết rèn công cụ. Trong mỗi buôn người Mạ hiện nay, thường có một số hộ còn duy trì nghề rèn. Nghề rèn với công việc khá nặng nhọc nên thường người đàn ông thực hiện, có tính chất gia truyền con nối. Những sản phẩm của nghề rèn phần lớn gồm những công cụ sản xuất, sẵn bán như: lưỡi dao, liềm, rìu, rựa, chà gạc, mũi tên, dáo, mác... phục vụ cho cộng đồng trong buôn làng.

Lò rèn của người Mạ được chế tạo thủ công, khá đơn giản. Một bếp lò và hai ống hơi. Để đốt than lò, nung kim loại gồm hai ống tre (hoặc có nơi sử dụng được ống thép) cao từ 0,8 mét trở lên. Các ống tạo hơi này bằng tre được đục thông phần mắt bên trong. Trong hai ống hơi này, có hai cây thụt gió. Đầu mỗi cây thụt được làm bằng gỗ, đẽo tròn với đường kính trong của ống hơi. Có nơi cột thêm vào phần đầu gỗ này một chùm lông vũ hoặc ngọn đốt. Từ phần đầu gỗ này gắn với hai cán tre cao vượt ra khỏi ống hơi. Phía dưới hai ống hơi được khoét hai lỗ tròn để gắn với hai ống tre nối vào kéo dài tới bếp lò.

Khi thực hiện các công đoạn rèn, thường có hai người. Một người cầm hai cây ...kéo lên và đẩy xuống luân phiên nhau để tạo hơi. Hơi từ ống thổi theo một lỗ thông phía dưới theo đường ống thổi vào bể lò làm cho than nóng lên để nung những kim loại nóng đỏ. Khi thấy những kim loại nóng đỏ được thì người thợ lấy ra đặt trên đe và dùng búa rèn theo ý của mình tạo sản phẩm. Các công đoạn rèn theo phương pháp thủ công nên đòi hỏi từng bước, người Mạ phải tốn nhiều công sức để nung và rèn theo ý muốn. Một số tài liệu cho rằng, người Mạ đã biết khai thác, luyện sắt. Theo khảo sát của chúng tôi, người Mạ dùng những loại sắt phế phẩm, thu nhặt được để chế tạo các công cụ.

Nghề rèn làm ra sản phẩm chủ yếu để phục vụ trong gia đình. Nếu ai trong buôn làng có nhu cầu thì đặt hàng và người thợ làm ra sản phẩm, trao đổi với nhau

bằng các vật ngang giá hay tiền bạc theo thỏa thuận. Nghề rèn chủ yếu làm trong lúc nông nhàn, chế tạo hay tu sửa công cụ. Vì vậy, kinh tế từ nghề rèn không phải là nguồn thu nhập chính.

3.4.3. Nghề Dệt thổ cẩm

Trong xã hội truyền thống, mỗi nhà người Mạ đều có những đồ dùng, công cụ cho nghề dệt thổ cẩm như khung quay sợi, khung dệt. Người Mạ trồng bông trên rẫy để lấy nguyên liệu dệt. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống nhằm mục đích cung cấp trang phục, đồ dùng sinh hoạt cho con người như khố, váy, khăn, dây quần đầu, mền... Công việc dệt hầu hết do người phụ nữ đảm trách. Nghề này có tính chất truyền dạy gia truyền. Đặc biệt, mỗi người con gái khi lớn lên, hầu hết đều biết dệt thổ cẩm từ người bà hay mẹ, chị của mình. Mỗi thiếu nữ thường dệt cho mình những chiếc váy thật đẹp, có thể xem đó là sản phẩm đẹp, thường được dùng làm của khi đi có chồng.

- Nguyên liệu chính để dệt thổ cẩm là chỉ sợi. Trước đây, để có nguồn nguyên liệu này, người Mạ trồng cây bông vải để thu hoạch bông. Bông vải được phơi khô và cán cho tơi, dùng khung quay thành chỉ sợi. Nguyên liệu chỉ sợi này được nhuộm màu và dùng để dệt theo khung.

- Kỹ thuật nhuộm: Người Mạ dùng các loại lá, rễ, vỏ, quả cây để chế màu. Có thể nói, để chế ra các màu nhuộm cho chỉ sợi dệt thổ cẩm là một quá trình tích lũy kinh nghiệm từ nhiều thế hệ của người Mạ. Họ phải nắm bắt được một số tính lý, hóa theo kinh nghiệm dân gian và tìm tòi, thử nghiệm của loại cây, rễ, lá, quả. Một số màu nhuộm được pha chế theo kinh nghiệm của người Mạ:

+ Màu chàm (xanh đen): được chế biến từ lá cây chàm. Lá hái đem vò và ngâm nước. Dùng lá bơ mướt, bơ lát hay xôm lom như chất xúc tác để sợi ăn màu cho đẹp. Hoặc cho thêm một ít vôi vào trong nước ngâm sợi.

+ Màu vàng đậm: Loại màu có nhiều nguyên liệu để chế biến. Màu vàng đậm thì dùng vỏ cây Phạng. Vạt vỏ cây khi chúng có màu vàng. Đem băm nhỏ và đun sôi. Nhuộm sợi khoảng 3 lần.

+ Màu vàng nhạt: dùng lá kếp non, giã nhỏ, đun sôi. Hoặc lấy củ nghệ già, giã lấy nước, đun sôi và cho sợi vào.

+ Màu cam: Lấy hạt mắc sét đun sôi rồi cho sợi vào. Nhuộm hai lần. Sau đó, đem giặt qua nước ruột bí xanh sẽ làm cho sợi có màu cam bóng lên.

+ Màu đỏ: Dùng lá cánh kiến giã nhuyễn, lọc lấy nước ngâm sợi. Dùng lá bơ mướt, bơ lát hay xôm lom như chất xúc tác để sợi ăn màu cho đẹp.

+ Màu nâu: Dùng lá cà phê đun sôi, lấy nước ngâm sợi.

+ Màu xanh: Nhuộm nước lá chàm khoảng 4 lần. Sau đó, nhuộm bằng nước cây phăng.

+ Màu xanh lá cây: Nhuộm nước lá chàm từ một đến hai lần. Sau đó, đem nhuộm bằng nước củ nghệ.

Một số chất xúc tác bằng nước được người Mạ sử dụng trong nhuộm để cho màu sắc đẹp, sáng, bền như: nước lá chua đun sôi (bơ mướt, bơ lát, xôm lôm...), nước tro lọc và nước cao chàm. Loại nước xúc tác này phải có màu vàng, bọt đen thì mới đảm bảo để nhuộm. Nếu nhuộm sợi thấy bị mùi hôi thối thì người Mạ theo kinh nghiệm dùng rượu hay nước tiểu trẻ con, nước lá chua để khử mùi và làm cho nước nhuộm ăn sợi hơn. Nước xúc tác này phải chuẩn bị trước khi tiến hành nhuộm khoảng 1 tuần.

Trước lúc nhuộm sợi, người Mạ thường hồ sợi bằng cách xếp sợi vào trong nồi, cho một bát gạo tẻ, đổ nước vào đun sôi thành cháo. Quá trình đun giữ lửa chế độ nhỏ để đảm bảo tinh gạo thấm sâu vào sợi và khuấy đều. Sau đó, sợi đem ra phơi trong bóng râm cho ráo nước rồi giặt đem giặt khoảng ba lần. Sợi lúc này không những có độ trắng bóng mà còn độ dai, chắc.

- Khung dệt: Được cấu thành từ những thanh tre, thanh gỗ đơn giản, được vót sườn và hoặc tiện hai đầu theo mỗi chức năng của chúng. Các thanh cây hầu hết đều bằng nhau. Mỗi thanh cây tre, cây gỗ rời nhau nhưng được liên kết khi buộc dây, đan sợi vào để tiến hành dệt. Nhìn tổng thể, khung dệt khi được căng chỉ có dạng hình chữ nhật. Kích cỡ các khung dệt gồm: cỡ nhỏ, cỡ vừa và cỡ lớn. Tùy theo tấm vải dệt với kích cỡ mà người Mạ dùng khung dệt cho phù hợp. Trong một khung dệt, có năm ống tre ống có chức năng căng hai đầu khung, phân lớp chỉ trên và dưới. Một số thanh tre tròn nhỏ dùng để buộc phân đoạn các đoạn chỉ màu mặt trên khung dệt. Ngoài ra, còn có cây thoi để luồn chỉ tách bạch khỏi bộ khung liên kết

bởi các sợi chỉ đã quấn chung và cây suốt để dồn chặt sợi chỉ. Người dệt cũng là một bộ phận quan trọng trong việc hoạt động chung của khung khi hoạt động. Đó là phần dây buộc vòng lưng để giữ phần gốc khung và hai chân choãi thẳng để căng khung khi dệt.

- Kỹ thuật dệt: Trước khi dệt thổ cẩm, người Mạ phải thực hiện các công đoạn: Quấn chỉ thành cuộn, nối chỉ, quấn chỉ vào thoi, luồn chỉ vào khung dệt, vô dây đai lưng, kẹp khung dệt, đập chỉ cho thẳng khung và chặt chỉ. Người dệt trong tư thế ngồi.

Khung dệt được căng ra. Cây quấn vải đặt nằm ngang, áp sát vào bụng người dệt. Một sợi dây được nối từ hai đầu ngoãm cây quấn vải qua vòng lưng để giữ chặt phần gốc khung. Hai chân duỗi choãi ra phía trước, lấy lực của phần đầu bàn chân đập giữ cây khung dệt ngoài cùng. Như vậy, chiếc khung dệt được căng ra tạo nên một mặt phẳng nhưng có khoảng cách giữa các thanh cây nối chỉ dọc.

Tất cả đầu mối của sợi chỉ dệt được buộc cố định ở một điểm trong phạm vi gần với nơi người Mạ ngồi dệt: cột nhà, vách nhà hay gốc cây. Đầu này của dãn sợi sau khi luồn từng sợi qua hàng răng của go rồi mắc vào một cái giá nằm ngang khác, đầu mối buộc vào lưng của người ngồi dệt. Khi dệt dùng chân và lưng làm căng sợi, một tay đập go, tay kia luồn thoi sợi và lần lượt dệt nên tấm vải

Các sợi chỉ được người Mạ dùng cây thoi luồn ngang qua phần trống giữa các sợi chỉ dọc. Người dệt có thể cầm những thanh cây ngang trong khung để nhấc nhẹ lên cho khoảng cách rộng thêm. Cây buộc chỉ sợi luồn qua, người dệt lấy cây dao gõ đập chặt vào cho các chỉ sợi khít lại hơn. Nếu dệt sản phẩm có loại hoa văn đơn giản thì khâu luồn sợi chỉ ngang dễ dàng với cách nhấc nhẹ những nhóm chỉ dọc. Còn tạo nên hoa văn nhiều màu sắc, phối màu và đường dích dắc nhiều thì công đoạn luồn hơi mất thời gian vì phải cẩn thận chọn nhiều những nhóm chỉ dọc luồn theo ý đồ. Người Mạ chú ý từng công đoạn dệt với kỹ thuật dệt trơn (sản phẩm không có hoa văn), kỹ thuật dệt hoa văn hay hoa văn hay hoa văn kết hợp (chọn hoa văn, chọn màu, sắp chỉ). Các kỹ thuật này đều được dệt từ đầu miếng hay thân miếng với cấp độ từ đơn giản đến phức tạp.

- Sản phẩm thổ cẩm: Những sản phẩm truyền thống của người Mạ chủ yếu là khố, váy, mền, khăn, địu, dây quần đầu. Với nguyên liệu là chỉ sợi do người Mạ trồng bông kéo sợi, tự nhuộm màu thì các sản phẩm này hơi thô nhưng bền, chắc. Độ màu được pha chế, nhuộm từ thực vật.

- Hoa văn trên sản phẩm thổ cẩm: Hoa văn trên thổ cẩm Mạ rất phong phú. Hoa văn trang trí không chỉ là sự kết hợp khéo léo của màu sắc mà còn là biểu tượng cho cảm nghĩ, cách nhìn nhận về thế giới vốn phong phú của cộng đồng người Mạ. Để tạo hoa văn trên từng sản phẩm, người dệt phải có chủ đích trước đồ án cần thể hiện. Vì vậy, người dệt phải chọn chỉ sợi với màu tương ứng khi vào khung dệt, tức định hình trang trí hoa văn trên sản phẩm.

Trên các tấm mền, có các loại hoa văn như Ùi kor và Ùi chà pụ rần, Ùi xe pe. Trên khố có loại hoa văn Trôi lòng. Đây là những dạng hoa văn hình dạng hình học; đặc biệt các hình thoi hay các vạch nối tiếp nhiều màu tạo hình khối trong khoảng ngắn cố định theo trục dài theo tấm vải dệt. Trên váy có loại hoa văn Ùi pênh pụ (sọc bông hoa văn), Ùi pênh rần, Ùi pênh kòn chau (sọc hình con thú hay bông hoa, cây cỏ), Ùi pênh chò brờ (sọc trơn). Phần hai đầu của tấm dệt làm khố hay váy thường để những lộn tua của sợi dùng làm trang trí cho sản phẩm. Áo là sản phẩm nhiều hoa văn trang trí nhất. Trên áo có loại hoa văn Kơ kòn chau (áo hình con thú, bông hoa hây cây cỏ và các vật dụng, biểu tượng...). Những hoa văn được chia làm từng mảng ngang và cố định trong các khung nối tiếp nhau. Trong các khoảng ngắn này, những hình thú, vật, hay người... được tạo khoảng cách đều nhau.

Màu sắc làm nền cho các sản phẩm dệt của người Mạ chủ yếu màu trắng, nâu chàm. Các mảng hoa văn tổng hợp chủ yếu dùng các chỉ sợi màu đỏ, hồng, xanh dương, xanh lá cây, đen, trắng, vàng. Những hoa văn hình tượng được cách điệu thường thấy trên thổ cẩm Mạ là: con người (nam và nữ), con mắt, con trâu, con dê, con bướm, chim chóc, cái cối, con khỉ, hình ảnh mặt trời, cây đèn sáp, bàn thờ thần linh..... Tất cả những họa tiết hoa văn với cách thể hiện cách điệu đều có ý nghĩa riêng của chúng. Theo cách giải thích của nhiều người lớn tuổi, hình ảnh con người (nam và nữ) thường được trang trí đầu tiên trên các áo là biểu tượng cho sức mạnh của con người, sự toàn quyền trên của cải. Người nam dáng hùng dũng biểu thị cho

sức mạnh trong môi trường sống săn bắn vùng rừng núi; người nữ dịu dàng, nhảy múa biểu thị sự chăm lo về việc gia đình và những các điệu nhảy cổ truyền trong lễ hội. Con mắt thể hiện sự sáng suốt, thấu hiểu và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các loài, thiên nhiên. Con trâu, con dê, con bướm là những vật không thể thiếu trong lễ hội. Riêng con trâu là vật hiến sinh trong lễ hội cúng thần linh lớn nhất trong cộng đồng hàng năm. Con bướm là niềm mong lời cầu khẩn của họ nhanh chóng được đến với thần linh. Cây đèn là thể hiện sự cung kính với thần linh, niềm vui trong lễ hội. Cái cối thể hiện sự siêng năng của người phụ nữ...Các con thú, chim chóc là phản ánh thế giới tự nhiên vốn phong phú nơi mà họ sinh sống...Những họa tiết hoa văn biểu hiện về thần linh và các vật thờ liên quan: bàn thờ, cây nhang nhiều màu sắc nhưng được kết hợp tinh tế.

*

Những biến đổi trong nghề dệt thổ cẩm: Hiện nay, người Mạ không còn dùng chỉ sợi được kéo từ bông do chính mình trồng bông, khai thác. Vì điều kiện trồng bông, chăm sóc, các công đoạn kéo sợi, nhuộm màu sẽ kéo dài, tốn nhiều công sức. Người Mạ dùng những loại chỉ sợi công nghiệp bằng chất liệu sợi len, cotton, chỉ sợi tổng hợp với sự đa dạng màu sắc được bán sẵn trên thị trường rất dồi dào và phong phú. Phần lớn, người Mạ dùng chỉ sợi màu sẵn bán trên thị trường, không sử dụng công đoạn nhuộm thủ công từ thực vật. Ngoài những sản phẩm truyền thống, từ những tấm thổ cẩm với nhiều loại hoa văn có chủ định trước, người Mạ cắt, may thành những loại đồ dùng thông dụng để bán: túi xách, ví, nón, giỏ lớn, giỏ nhỏ móc khóa, ba lô, các loại áo...đáp ứng thị hiếu của người mua. Hoa văn trên thổ cẩm ngày càng phong phú hơn với sự bổ sung nhiều kiểu thức hình dạng mới so với truyền thống.

3.5. Về trao đổi hàng hóa

Trước đây, trong buôn hay các buôn không có chợ. Người Mạ dùng các con vật, vật dụng trao đổi với nhau – gọi là “vật đổi vật”. Tính chất trao đổi được định giá bằng vật nuôi hay vật dụng mà các bên tham gia thỏa thuận và chấp nhận. Những vật có giá trị cao của người Mạ là trâu, chiêng, ché. Các loại chiêng, ché càng cổ thì giá trị càng lớn. Ví dụ như một con trâu bằng bao nhiêu cái ché chứa

rượu cần. Trâu và ché là vật nuôi, vật dụng quan trọng trong cộng đồng người Mạ, được định giá cao. Trâu cho thịt, làm sức kéo, dùng làm vật hiến sinh trong lễ hội. Ché thì người Mạ không sản xuất nhưng mua từ dưới người Kinh đem lên, để đựng lương thực, thực phẩm và dùng chứa rượu cần các lễ cúng. Một gia đình người Mạ được đánh giá là giàu hay nghèo thường dựa vào tính chất sở hữu nhiều trâu hay ché, cùng với các bộ nhạc cụ công, chiêng.

Tùy theo nhu cầu của mình mà người Mạ định giá và thỏa thuận để lấy vật dụng, vật nuôi trao đổi với nhau lấy những thứ hàng hóa, vật nuôi mình cần với người trong buôn hay các tộc người khác. Trước đây, người Kinh thường lên các vùng người Mạ sinh sống để trao đổi hàng hóa. Một số tư liệu cho thấy có sự trao đổi hàng hóa giữa người Mạ với các tộc người khác như Chơ ro, Mơ nông, Chăm, Việt, Răglai... Người Mạ đổi ché, trâu lấy các thứ hàng hóa cần thiết như vải, muối...Sau này, khi chợ xuất hiện, việc sử dụng tiền tệ bằng giấy bạc, tiền đồng, người Mạ đã sử dụng trong trao đổi hàng hóa. Hiện nay, tính chất trao đổi vật không còn phổ biến. Các trao đổi hàng hóa dù có “vật đổi vật” chủ yếu quy theo giá trị tiền tệ. Một số người Mạ đã tổ chức những tiệm bán tạp hóa trong buôn của mình nhưng không nhiều. Một số hộ gia đình Mạ đã kinh doanh bằng hình thức bỏ mỗi hàng dẹt thỏ cắm cho các nơi khác có nhu cầu.

*

Phong tục tập quán

Người Mạ không có chữ viết. Những phong tục tập quán được các thế hệ duy trì của đời sống được cho là từ tri thức của cộng đồng, thông qua luật tục N'dri. Người đi trước truyền miệng lại cho thế hệ đi sau nối tiếp nhau thực hiện. Luật tục của người Mạ đề cập đến nhiều mặt của cuộc sống và được xem là những chuẩn mực được cộng đồng thừa nhận. Chính những thế hệ đi trước thực hành và thế hệ sau tiếp tục nhìn thấy, noi học, làm theo và duy trì. Vì vậy, những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, lễ thức liên quan đến mọi mặt của cuộc sống con người Mạ cũng đều được phản ánh trong luật tục Mạ.

4.1. Tín ngưỡng

Tín ngưỡng nguyên thủy của dân tộc Mạ là thờ đa thần với quan niệm mọi vật đều có linh hồn. Người Mạ tin vào một thế giới siêu hình tồn tại song song với thế giới thực tại mà họ đang sống. Thế giới siêu hình đó là nơi tồn tại, ngự trị của các thần linh (đại diện cho cái thiện) và có cả ma quỷ (đại diện cho cái ác), có khả năng chi phối đến đời sống con người.

Hệ thống thần linh người Mạ thờ rất đa dạng. Nhưng có một vị thần mà họ xem là tối thượng trên tất cả các thần linh khác là Yang N'du (Thần N'du). Vị thần N'du được cho là có tài năng siêu phàm đóng vai trò chủ tể trong tất cả các thần linh. Vì vậy, bất kỳ lễ cúng nào, để tôn trọng và biết ơn, người Mạ đọc lời khấn Thần N'du trước và mời về dự chứng giám. Cư dân Mạ tin rằng chính Thần N'du đã cho phép những vị thần khác trong nhiều hình thức mang lối đa dạng đến tạo nên cả thế giới rộng lớn. Tổ tiên người Mạ do thần N'du dựng nên, giúp đỡ và duy trì nòi giống cho đến ngày nay. Nhờ Thần N'du mà tổ tiên người Mạ biết làm rẫy, săn thú, dệt vải, đặt ra các lễ thói mà họ truyền giữ từ bao thế hệ đi qua đến nay.

Dưới Thần N'du là hàng loạt các vị thần khác như: Thần Lúa (Yang Kôi), thần Rừng (Yang Bri), thần Nước (Yang Dah), thần Núi (Yang Bonom), thần Nhà (Yang Hiu), thần Đá (Yang Luh)... Một số sử liệu khác cho thấy người Mạ còn thờ

thần Lửa nhưng qua khảo sát tại Đồng Nai, cư dân Châu Mạ ở đây không thờ từ xưa đến giờ. Họ quan niệm, lửa để dùng, không là đối tượng được thờ. Bao trùm lên hệ thống thần linh được thờ trong tín ngưỡng người Mạ là các vị thần có liên quan đến nông nghiệp. Các vị thần này được tổ chức lễ cúng mỗi khi người Mạ tiến hành công việc khai nương, phát rẫy, trồng trọt hay sau vụ mùa thu hoạch trong chu kỳ sản xuất. Xuất phát từ quan niệm các thần linh có mặt khắp nơi, chi phối đến đời sống con người nên người Mạ tổ chức lễ cúng rất nhiều. Khi đau ốm, bệnh tật, đi rừng, ma chay, bị quở trách trừng phạt... người Mạ tổ chức cúng các vị thần liên quan. Chẳng hạn, khi đi săn thì cúng thần Rừng (Yang Bri) cầu cho việc bắt được nhiều thú rừng, không bị thú dữ làm hại; khi làm nhà cúng thần Nhà (Yang Hiu) mong nhà cửa yên ổn, phù hộ không bệnh tật, nợ nần... Đặc biệt, trong chu kỳ vòng đời người (sinh đẻ, hôn nhân, tang ma...) và vòng cây trồng (trồng tía, thu hoạch...) của Mạ gắn với nhiều lễ thức. Tùy theo tính chất và quy mô của lễ cúng mà người Mạ sắm sửa lễ vật phù hợp theo phong tục truyền lại của thế hệ đi trước. Đặc biệt, trong các lễ cúng, thì phải có con vật hiến tế được làm thịt lấy huyết tiến hành nghi thức làm dấu có huyết.

Trong năm, người Mạ có nhiều lễ cúng. Quan trọng nhất là lễ cúng thần Núi (Yang Bomom) và thần Lúa (Yang Kòi) với sự tham gia đông đảo của cộng đồng.

Khảo sát vùng người Mạ ở huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho thấy có nhiều khu rừng được gọi là Rừng Yang/ nơi trú ngụ của thần linh. So với các đồi núi khác trong cùng một khu vực, dễ dàng nhận thấy các khu rừng thiêng này còn nhiều cây cối, không có những mảng trống được phát rẫy.

Khu rừng thiêng được chọn có vị trí tốt trong vùng, cây cối lớn, đất màu mỡ, thường có vị trí đầu các sông hoặc suối. Khu rừng này được chọn rất cẩn thận. Già làng mời những những người lớn tuổi trong làng (hội đồng già làng) để thông báo. Nếu những người già làng này đồng ý thì già làng sẽ triệu tập báo cho cả buôn. Cả buôn đồng ý thì già làng và hội đồng già làng liên hệ với già làng trong vùng để thông báo và cho ý kiến nhằm tránh sự chọn trùng hoặc có tranh chấp với nhau. Các làng khác trong vùng đồng ý thì làng chọn rừng thiêng là lễ cúng.

Khoảng 5 năm trở lên, thậm chí đến 20 năm, tuy từng buôn, mà người Mạ tổ chức làm lễ cúng một lần. Thần của khu rừng thiêng được buôn làng làm lễ rước mỗi khi buôn diễn ra lễ hội hiến sinh, đâm trâu. Khu rừng thiêng này có những điều kiêng kỵ mà dân làng không được xúc phạm: không chặt cây, không đến săn bắn, không bước vào...Nhiều câu chuyện được truyền tụng trong buôn làng về thần linh quở phạt những người phạm đến khu rừng thiêng như chặt cây, săn thú bị bệnh tật, đau ốm, chết thảm khiến nhiều người càng kiêng kỵ nhiều. Một số trường hợp vi phạm sẽ bị phạt, đem lễ vật vào rừng cúng tạ tội với thần linh.

4.2. Tập quán vòng đời người

Trong chu kỳ đời người, có những phong tục gắn liền với bản thân hay cộng đồng cư dân Mạ với những thời điểm: sinh đẻ, cưới hỏi, tang ma.

4.2.1. Về việc sanh đẻ

Phụ nữ Mạ khi sinh đẻ có lắm điều kiêng cử. Trong thời gian mang thai, người phụ nữ không được ăn thịt trăn, thịt voi, thịt rùa, thịt kỳ đà, tránh đến các nhà có tang chế. Người Mạ chọn một góc trong nhà dọn dẹp, ngăn vách cho người phụ nữ sống trong thời gian sinh con. Người phụ nữ trong thời gian ở cữ thì sử dụng những vật dụng riêng trong căn chòi, không được lên căn nhà chính. Khi làm chòi riêng thì phải dùng lá mây mới để lợp, không sử dụng tấm lá mây cũ. Những tấm lá mây làm chòi để sau thời gian ở cữ thì bỏ đi, không dùng vào bất cứ việc gì. Thời gian ở cữ thường kéo dài từ 7 ngày. Trong thời gian này, cha mẹ của đứa bé vừa mới sinh không đi đến nhà người khác hay đi rừng, đi rẫy. Mọi thành viên trong gia đình đều có nghĩa vụ săn sóc cho người phụ nữ và đứa bé được sinh ra đời.

Khi trong nhà có phụ nữ sinh đẻ, người Mạ để những dấu hiệu cho nhiều người biết như cành cây tươi cắm, treo trước cửa để không có ai quấy rầy cũng như đến trong thời gian ở cữ. Họ rất kiêng kỵ người lạ vào nhà trong thời gian này vì sợ ma quỷ theo khách vào nhà quấy nhiễu đứa trẻ vốn còn non nớt.

Trong trường hợp bà mẹ sinh khó, con cái bệnh tật, người nhà thường hái lá cây rừng/ một trong những vị thuốc cổ truyền được cộng đồng dùng từ bao đời, làm thuốc để hỗ trợ, dưỡng bệnh. Cũng có trường hợp cúng bái, thường là do các bà mẹ ở buôn làng đảm trách. Sau 7 ngày kể từ khi sanh, người phụ nữ có thể đi làm.

Đứa trẻ khi được sinh ra, vài ngày sau thường được bà mẹ đem ra suối gần nhà tắm rửa với ý niệm: bệnh tật sẽ trôi theo sông nước, đứa trẻ khỏe mạnh. Trong tuần lễ đầu sau khi sanh, bà mẹ dùng miếng tre nửa mỏng cắt rốn cho đứa trẻ. Khi đứa trẻ bị bệnh, người mẹ bồng con với khúc cây mang theo đến một cái giếng gần nhà nhất, đọc lời khấn cho bệnh tật, ôm yếu của đứa con nhập vào khúc cây thế mạng cho con mình. Rồi quăng khúc cây xuống giếng với lòng tin đứa trẻ lành bệnh.

Một số tài liệu cho biết về một số tục lệ khi phụ nữ Mạ sanh đẻ như sau: “*Mỗi làng người Mạ thường có 1 hay 5 bà bảo sanh (gọi là chau dong dek hay chau ăt dek) để giúp đỡ người sản phụ...Nhau của đứa trẻ sơ sinh được cắt bằng con dao cật nửa và đựng trong vỏ một trái bầu khô hay trong một cái bao đan bằng cây Blô (một loại cây họ lác). Nếu là con trai thì nhau chôn ở phía trước nhà; nếu là con gái thì chôn ở đằng sau nhà. Trong một tuần lễ đầu, những người trong gia đình sản phụ kiêng không vào rừng hoặc lên rẫy và mẹ con người sản phụ không được ra khỏi chòi sinh. Sang ngày thứ 8, người mẹ bồng con ra sân tắm nắng. Nếu là con trai thì mang theo một cây chà gạc, một cái nỏ và một con dao vót nan; nếu là con gái thì đem theo một cái gùi, trong đó đựng một chiếc rìu chẻ củi, một túi đựng com (đan bằng lá lác) và dụng cụ dệt vải. Ngay ngày hôm đó, gia đình người sản phụ làm một lễ cúng thần để ăn mừng và đặt tên cho đứa bé rồi mẹ con đưa nhau vào nhà ở*”³¹

Một số câu chuyện người Mạ kể cho rằng, xưa kia, người Mạ chưa biết cách đỡ đẻ. Thường khi sanh nở, người Mạ mổ bụng lấy trẻ em ra hoặc khi sinh con ra thì người mẹ hay chết. Có những chi tiết khác nhau trong mỗi chuyện kể nhưng, cuối cùng thì người cũng biết cách chăm sóc cho phụ nữ khi sanh để bảo toàn sự sống cho người mẹ và đứa con. Công đầu truyền bá kinh nghiệm thuộc về loài khỉ, chúng đã cho thuốc, bày cách và cho xem khi cái đẻ mà người học tập theo³².

³¹ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1984. tr 182.

³² Lê Hồng Phong. *Tìm hiểu truyện kể Tây Nguyên (trường hợp Mạ và K'ho)*. Nxb Văn học, 2006, tr. 241, 242.

4.2.2. Về việc đặt tên cho trẻ em

Hiện nay, họ tên đầy đủ của người Mạ thường bắt đầu bằng chữ K. Đây là đặc điểm chung của các cộng đồng người Mạ. Nếu là đàn ông là K' (chữ K có dấu phẩy đi liền theo), là phụ nữ là Ka (chữ K và chữ a). Riêng về tên thì khác nhau. Một số tên gọi truyền thống của người Mạ, đặc biệt là giới nữ còn có hai nguyên âm đi liền nhau, ví dụ như K' Brột, Ka Brèo, Ka Grao, Ka Grúp...hay có 2 nguyên âm o đi liền nhau: Ka Koong, Ka Noong.

Việc đặt tên cho một đứa trẻ là quan trọng trong cộng đồng của người Mạ dành cho thành viên mới trong gia đình. Vì vậy, sau khi sanh khoảng 5 ngày trở đi, đứa trẻ sẽ được đặt tên. Tùy theo gia đình mà tổ chức lễ cúng thần linh để xin tên cho đứa trẻ. Lễ vật trong lễ cúng đặt tên là và ché rượu cần. Hai bên gia đình (nội, ngoại) cùng có mặt trong buổi lễ. Có nhà thì mời bà mụ đỡ đẻ cho đứa trẻ đến xin tên. Tên của đứa trẻ tránh trùng với tên những người của hai bên nội ngoại đã dùng. Những tên của người trong dòng họ đã mất thì có quyền sử dụng để đặt tên. Ông bà bên nội, bên ngoại hay cha mẹ được ưu tiên đặt tên trước cho đứa trẻ. Người Mạ lấy một đoạn tre ống uống rượu cần chẻ làm hai miếng, khi khấn tên đặt cho đứa trẻ thì tung hai miếng tre lên và cái nĩa phía dưới. Nếu một thẻ tre úp và một thẻ tre ngửa thì được cho là cái tên được thần linh, tổ tiên chấp thuận. Có tên chỉ đặt một lần và xin keo thì được nhưng có nhiều tên nêu ra và xin keo nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, các thành viên gia đình nghĩ ra tên đặt cho đứa trẻ và xin keo cho đến khi nào keo thuận mới thôi. Khi đặt tên đứa trẻ, gia chủ tổ chức lễ cúng tạ bà mụ khấn thần linh, tổ tiên khấn cầu sự phù hộ, độ mạng cho đứa trẻ mau lớn.

Hiện nay, cách đặt tên và tên của nhiều trẻ em người Mạ không còn theo lối truyền thống bởi sự tác động của nhiều yếu tố xã hội. Do yếu tố cộng cư với các tộc người khác, quan hệ hôn nhân giữa người Mạ và các tộc người khác khá phổ biến nên tên, họ của người Mạ cũng có những thay đổi, mang âm vị tiếng Việt, có đệm thêm chữ lót giữa họ và tên. Qua khảo sát một số địa bàn, chúng tôi thấy quan hệ hôn nhân giữa cộng đồng người Mạ với các tộc K'ho, Stiêng, người Việt, người Nùng, Tày, người Mông. Người Nùng, người Tày, người Mông là các dân tộc thiểu

số ở các tỉnh miền núi phía Bắc đến sinh sống trên một số địa bàn có người Mạ sau năm 1975.

Như vậy, trong gia đình có quan hệ hôn nhân giữa người Mạ với người Mạ, K'ho hay Stiêng thì cách đặt tên, lấy họ của người Mạ vẫn bảo lưu. Có những trường hợp, người Mạ chủ động đặt tên cho con có cùng phụ âm đầu của tên cha. Ví dụ như cha là K'Sinh thì đặt tên con là K'Sung....mẹ là Ka Xuân thì đặt tên con là Ka Xinh...Gia đình có quan hệ hôn nhân với các tộc người còn lại thì theo sự thỏa thuận của hai bên gia đình, quan trọng là của người chồng và người vợ. Gia đình hôn nhân Mạ, Việt thì có trường hợp lấy họ mẹ trước và sau đó là họ cha theo sau hoặc ngược lại Một số người Mạ lý giải cụ thể về trường hợp người cha là Việt nhưng vẫn lấy họ mẹ nhằm được đảm bảo quyền lợi ưu tiên chính sách của thành phần dân tộc thiểu số. Gia đình hôn nhân Mạ với người Tày, Mông, Nùng thì thường lấy họ cha. Nhiều tên của giới trẻ Mạ là những mỹ từ khá phổ biến hiện nay.

Chúng tôi tạm lược theo bảng chú thích như sau:

Quan hệ hôn nhân	Cách lấy họ đặt tên	Ví dụ
- Mạ + Mạ - Mạ + K'ho - Mạ + Stiêng	- Truyền thống của người Mạ + K': cho con trai + Ka: cho con gái - Tên thường là các mỹ từ, hàm ý về điều tốt, cái đẹp...	- K' Đông, K' Phương (con trai) - Ka Thơ, Ka Ngân (con gái) - Ka Mỹ Duyên (con gái) - Ka Xuân Liễu (con gái)
- Mạ + Nùng - Mạ + Mông	- Thỏa thuận 2 bên. Thường lấy họ cha - Theo các mỹ từ được chọn hiện nay.	- Vi Văn Thanh (con trai) - Vi Thị Mỹ Như (con gái)
- Mạ + Kinh	- Thỏa thuận 2 bên. Chủ yếu là phối hợp hai họ: Họ mẹ trước, cha sau hoặc họ cha trước mẹ sau. - Tên thường là các mỹ từ, hàm ý về điều tốt, cái đẹp...	- Họ mẹ trước: - Ka Trương Mỹ Hoa (con gái) - Ka Trương Anh Tuấn (con trai). - Họ cha trước: - Đặng Ka Ngọc Trâm (con gái)

4.2.3. Về nghi lễ hôn nhân

Về hôn nhân, thanh niên Mạ lớn lên được tự do tìm hiểu, bày tỏ tình cảm qua những lần gặp gỡ, tiếp xúc. Trước đây, khi chọn dâu, rể, các bậc cha mẹ thường đánh giá vào năng lực làm việc, sức khỏe, và đức hạnh. Muốn chọn rể, họ xem công cụ của người con trai như chà gạo, gùi, dao ... có bền, chặt bén hay không. Chọn dâu họ xem nhà bếp có ngăn nắp hay cầu thả, bề bộn và chú ý xem cô gái có bị cộng đồng “lời ra tiếng vào”, dèm pha về đạo đức hay không?

+ Lễ dạm nói

Thông thường, một tình yêu đi đến hôn nhân thì trải qua các lễ dạm mối (lễ đi nói), lễ hỏi, lễ cưới. Khi đôi trai gái ưng thuận nhau, chàng trai thưa chuyện với cha mẹ. Nếu được chấp thuận thì nhà trai nhờ một người trong họ hàng, đứng tuổi, có uy tín “làm mai” đi dạm mối và tặng lễ vật làm tin cho nhà gái.

Một số tư liệu cho biết tiến trình nhà trai đến nhà gái dạm mối vợ cho chàng trai theo tập quán như sau: *Khi nhà trai đến nhà gái, chàng trai mặc chiếc khố tua đỏ, tay đeo nhiều vòng đồng, tóc cài lược sừng trâu, búi tóc cắm hai lông chim trắng dài. Đến trước nhà gái, chàng trai cắm mũi lao xuống đất, vai vắn vác chà gạo, lưng đeo dao. Khi họ hàng nhà gái ra đón, chàng trai trình bày mục đích nếu được thuận tình chàng trai rút dao bước vào nhà, đến khấn trước các bàn thờ Yang và dặt dao lên mái nhà để đó 7 ngày. Hai gia đình vui mừng tiệc tùng, uống rượu cần vui vẻ. Sau đó, nhà trai đi về, chàng trai ở lại nhà gái tham gia làm lụng ở đây như một thành viên trong gia đình. Tuy chàng trai ở lại nhà gái và được đồng ý nhưng họ không được chung sống trong nhà mà phải làm một túp lều nhỏ xa buôn để sống với nhau³³.*

Trong tài liệu khảo sát của Jean Buolbet năm 1957, tác giả cho rằng người Mạ có tính dài dòng về hôn nhân qua những bài ca đối đáp giữa chàng trai và nhà gái khi bắt đầu cho một cuộc hôn nhân:

- Chàng trai trình bày mục đích cuộc viếng thăm: *Con tìm một nền đất thấp phì nhiêu để gieo lúa nếp. Con tìm một vạt rừng non để trồng tía. Con tìm kiếm*

³³ Dẫn theo. Địa chí Đồng Nai, tập V. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001. Tr 685.

cánh đồng, con muốn hàng trăm vòng tay, hàng trăm vòng cổ. Con muốn con gái cha, nàng gior cần cổ ra để con trông vào đó chiếc vòng cổ. Con muốn con gái cha, nàng chìa cổ tay ra để con đặt vào đó chiếc vòng tay.

- Cha cô gái: hãy kiếm nơi đây hai cây gỗ lớn bằng nhau. Hãy kiếm nơi đã lấy hai cây gỗ thẳng bằng nhau. Hãy kiếm rừng hai cây dầu (klong) xứng đôi. Ta phải biết rõ dòng dõi con, ta muốn hiểu nguồn gốc con, cần biết gia đình mà con sinh ra. Ta cần biết nếu dòng máu con có thể hòa trộn dòng máu con gái ta, nếu sự hòa hợp không tai hại, nếu sự hòa hợp không bị cấm.

- Chàng trai: Cha lợp mái nhà bằng lá cọ, con không muốn lá kè khác. Cha lợp mái nhà bằng cỏ tranh, con không lợp bằng lá có róxui. Cha có trong nhà đồ dẹt đẹp, con không trộn lẫn vào đó các loại vải thô. Con muốn tất cả trong trật tự, muốn mọi người mạnh khỏe. Con muốn cá sống dưới nước, trẻ con sống trong làng. Khi gió đông thổi con muốn một cánh diều, là thanh niên đã lớn con muốn lấy vợ.

- Cha cô gái: Chiếc vòng ta không thể cởi khỏi cánh tay. Chiếc xuyên ta không thể lột khỏi cổ tay. Hãy luôn luôn nói từ cao xuống thấp. Hãy tìm lý lẽ từ thấp lên cao. Hãy trình bày trường hợp của con ọi khía cạnh.

- Chàng trai: Nếu con mời mọi người, nếu con mangché rượu đến. Đó là việc đùng đắc và con yêu cầu thảo luận trong nhà Con ném dây câu hy vọng được cá. Con nói tiếng Mạ hy vọng bàn cãi dài dòng như ột thủ lĩnh. Con buộc những chiếc nhạc vào diềm khố. Con lột cựa gà trống, chim muông. Con cắm trên đầu tóc con những lông chim rung trước gió. Và con xin mời cha vui chơi với thanh niên thiếu nữ quanh chén rượu cần.

- Cha cô gái: Đám cưới kéo theo quan hệ xui gia. Nếu có vụ việc giữa hai gia đình chúng ta. Trước hết yêu cầu được giải quyết. Chết cây r'ting còn cây r'tang. Chết cây gòn, còn cái gốc. Chết con trâu, còn cặp sừng. Chết mẹ cha, còn con cái. Trước khi vào nhà, lấy lại ngọn giáo của con. Nếu không có gì giữa chúng ta, hãy đưa ngọn giáo vào nhà. Nếu không có vụ việc gì giữa chúng ta, hãy giao ngọn giáo cho thần linh trong nhà.

- Chàng trai: Không có lửa giữa cha và con. Không có nước giữa cha và con. Không có vụ việc gì chưa giải quyết giữa cha và con. Không có vết giáo hoặc nhát

chà gặt nào giữa cha và con. Con không muốn đâm cha bằng giáo ở thung lũng sông R'ke. Con không muốn cướp chà gặt của cha ở thung lũng sông R'nung. Con chẳng mong chút nào nước sông cuốn cha ra biển.

- Cô gái: Câu giáo chỉ sinh ra với cái cán. Để ngủ, cần trái mền. Vị hôn thê giờ cườm tay đeo xuyên. Là vị hôn thê em không tránh né đâu. Những chiếc vòng của anh, em đeo trên cổ. Con dao nhỏ anh gia công, em cài búi tóc. Những lời của anh còn trong tai em. Em ưng trái chiếu khi anh sắp vào rừng. Khúc ngà voi đeo trên tai em. Chiếc vòng hợp với cần cổ em. Nơi lội qua thuận tiện cho lối trâu đi. Cái gốc cây hợp với chim cu đậu ở đó. Em tán thành lời anh, em muốn miệng em nói lời hài lòng của chim cu.

- Chàng trai: Con đã tìm mọi người. Con vắt dưới tán rừng tìm bắp chân. Phải ném cây giáo đúng dằng mũi. Phải bàn cãi dài dòng như các bậc hiền nhân. Quanh chén rượu, chúng ta hãy bàn thảo. Trước thần linh, chúng mình trao đổi vòng tay. Em sẵn sàng chưa cho buổi lễ hiến sinh đúng nghi lễ. Với chàng trai, một chiếc vòng thiếc. Với người già chiếc vòng bất kỳ. Với người thiếu nữ làm anh thích thú anh ẵng vòng tay.

- Cô gái: Cườm tay em đây cho chiếc xuyên của anh. Các ngón tay em đây cho anh buộc vào khó. Cha mẹ em đây để anh gọi cha gọi mẹ. Nhấn ngón tay anh, xin đừng tháo ra. Đồ thiếc ở tai anh, xin đừng tháo ra. Nhạc của đứa trẻ này, xin đừng gỡ ra. Người con gái anh yêu, xin đừng bỏ rơi.³⁴

+ Lễ dạm hỏi

Lễ hỏi vợ được nhà gái tổ chức khi nhà trai đến. Khi tiến hành lễ dạm hỏi, tùy theo kinh tế của nhà trai mà có sự chuẩn bị tặng lễ vật cho nhà gái nhà gái. Lễ vật chàng trai đem đến nhà gái: một cái ché, một con gà đã làm thịt, các đồ trang sức như vòng, lược, chuỗi hạt cườm, ... Trong lễ hỏi này, theo phong tục thường tổ chức trước bảy đến mười ngày tổ chức lễ cưới. Trong lễ hỏi, nhà trai cần nhà gái cho biết những yêu cầu về lễ vật, của cải “thách cưới”. Như vậy, trong lễ hỏi, vấn đề quan trọng là nhà trai và nhà gái phải đồng thuận về của thách cưới và về thời gian cưới

³⁴ Jean Buolbet. *Quelques Aspects du Coutumier n'dri Des Chau Ma* (Vài mặt phong tục tập quán của người Mạ). 1957. Bản dịch riêng của Nguyễn Yên Trì.

cho chàng trai và cô gái. Trước đây, ở một số cộng đồng Mạ, lễ hỏi tổ chức trong ba ngày. Nhà gái thết đãi nhà trai và dòng họ, khách trong làng.

+ Lễ cưới

Một đám cưới của người Mạ theo truyền thống thường kéo dài nhiều ngày. Đám cưới tổ chức tại nhà trai³⁵. Theo thỏa thuận trong đám hỏi, khi ngày cưới đến, nhà gái sang nhà trai. Trong đoàn đại diện nhà gái đều có những người biết đánh cồng cùng đi theo để tấu lên những bản nhạc có âm điệu rộn rã, báo tin mừng vui, đón khách. Trong đoàn rước, cô dâu vận bộ trang phục truyền thống với nhiều màu sắc, chân tay và cổ được đeo nhiều đồ trang sức. Đặc biệt, cô dâu mang một chiếc gùi đựng một ít củi đem qua nhà chồng.

Khi đến nhà chú rể, những người đánh cồng của nhà gái sẽ tấu lên một bản và chờ đội cồng của nhà trai tấu lên bài đón khách. Tiếp đó, “*người mẹ chú rể ra đón cô dâu và hướng dẫn vào nhà đặt chiếc gùi xuống. Sau đó, người mai mối đưa chú rể một nắm cơm kèm theo một chén rượu để chú rể uống một nửa rồi đưa lại cho cô dâu uống một nửa với sự chứng kiến của của đogn đảo dân làng nhất là bà con hai bên nhà trai nhà gái. Nghi lễ này được lặp lại sáu lần. Sau đó người ta làm lễ trao vòng là cái lễ bắt buộc mọi đám cưới phải thực hiện*”³⁶.

Tùy điều kiện kinh tế gia đình nhà trai như thế nào mà quy mô tổ chức lễ cưới lớn hay nhỏ. Nếu một gia đình khá giả thì nhà trai mở trâu làm lễ hiến sinh, tổ chức mời khắp cả làng dự lễ cưới của con trai mình. Thầy cúng hoặc già làng trong làng được mời tới tổ chức cúng lễ cho tổ tiên, thần linh và cầu cho đôi vợ chồng trẻ. Huyết của con gà làm vật cúng được thầy cúng hay già làng bôi lên bàn thờ, lên trán cô dâu, chú rể để làm dấu cầu khấn, chúc phúc. Sau đó, nhà trai làm thịt trâu, làm heo và bày các món ăn, thức uống đãi khách của hai bên nhà trai, nhà gái, cùng nhau ca hát nhảy múa, vui chơi. Thường lễ cưới diễn ra vui vẻ, kéo dài tùy theo

³⁵ Trong tư liệu của Nguyễn Đình viết về Một vài nét về văn hóa tinh thần của người Mạ tỉnh Lâm Đồng (Dẫn theo Mạc Đường - sđd) cho biết: Trước ngày tổ chức lễ cưới tại nhà trai, nhà gái cũng tổ chức một lễ khi nhà trai sang. Nhà trai sẽ ở lại một đêm để sáng hôm sau rước dâu. Trong lễ này, ngoài việc cô dâu chú rể trao vòng thì những người vai chú, bác, cậu của nhà trai cũng được nhà gái đeo vòng thể hiện sự gắn kết giữa hai họ.

³⁶ Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983.tr.122,123.

kinh tế hai bên gia đình. Đôi vợ chồng trẻ trao vòng tay, cổ, chân cho nhau và cùng ăn gan heo thể hiện lời thề sống với nhau hạnh phúc. Trong nghi thức lễ cưới, người Mạ cho chú rể và cô dâu nằm gần nhau trên sàn nhà trước mặt những người thân và lấy một tấm mền thổ cẩm có nhiều hoa văn phủ lên trên họ. Đây là nghi thức báo cho mọi người biết về cho cuộc sống chung của đôi vợ chồng trẻ, một gia đình mới trong dòng họ. Đám cưới truyền thống của người Mạ thường kéo dài nhiều ngày và tùy thuộc vào kinh tế của gia đình nhà trai. Sau đám cưới, đôi vợ chồng mới cưới về ở bên nhà vợ. Tùy vào thời gian nào nhà trai trả được của thách cưới thì mới được phép đưa vợ về sống bên nhà chồng.

4.2.4. Một số tập tục liên quan trong hôn nhân

+ Tục thách cưới

Trong cộng đồng người Mạ, trước đây có tục thách cưới. Vấn đề thách cưới tùy theo hai bên gia đình của chàng trai và cô gái yêu nhau. Tức nhà trai phải nộp sính lễ theo yêu cầu của nhà gái. Nếu đồng ý thì nhà trai mới được cưới người vợ cho con trai mình. Thường người Mạ cùng làng hay gần làng thì việc thách cưới không cao, làng chàng trai càng xa làng cô gái thì thách cưới có thể cao hơn. Một số gia đình cũng không đưa ra thách cưới cao vì sợ gặp những người xấu, hay những gia đình bị thách cưới ca sẽ dùng ngãi hay trường hợp ma lai phá hoại. Nhiều chàng trai, cô gái Mạ vì tục thách cưới với “giá cao” nên đã không đến được với nhau. Thế nhưng, trong tục thách cưới của người Mạ, có chế độ “mở” cho nhà trai và chú rể. Nếu nhà trai không đủ lễ vật hoặc có tài sản thách cưới trong lúc cần cưới thì nhà gái đồng ý cho trả nợ nhiều lần sau khi đã tổ chức lễ cưới. Như vậy, sau lễ cưới, người con trai phải sinh sống (ở rể) bên nhà gái. Trong thời gian này, những gì của đôi vợ chồng làm ra đều thuộc tài sản của gia đình bên vợ.

Việc trả của thách cưới này gắn liền với việc cư trú của chú rể trong thời gian về sau hay cả cuộc đời của họ. Vì nếu nhà trai trả được của lễ thách cưới sớm thì sau khi đám cưới sớm, chàng trai có thể đề nghị làm lễ trả của để đưa người vợ về bên nhà mình. Nếu trả được của thách cưới, thì vợ chồng về nhà trai nhưng không được mang tài sản gì hết, chỉ có con cái và những vật dụng cần thiết trong sinh hoạt, không được chia của trong thời gian ở nhà vợ. Còn nếu không trả của được, thì

chàng trai phải ở bên nhà vợ, làm lụng mà tài sản làm ra của hai vợ chồng không được quyền sở hữu mà thuộc sở hữu của gia đình cha mẹ vợ.

+ Phạt có thai trước khi cưới

Trong quá trình tìm hiểu, yêu nhau, nếu chàng trai và cô gái cùng để xảy ra sự cố “có bầu trước” thì khi tổ chức cưới thì bị làng xử phạt. Người Mạ quan niệm, nếu xảy ra trường hợp này thì không chỉ người trong cuộc mà dân trong làng cũng sẽ bị thần linh quở trách, giáng những bệnh dịch cho cộng đồng. Vì vậy, phải tổ chức một lễ cúng để cầu khẩn thần linh về sự tha thứ. Mặt khác, lễ cúng phạt cũng là một lời răn đe cho các trai gái của buôn không để phạm phải. Nhà gái phải tổ chức một lễ cúng với các lễ vật: dê, gà, heo, vịt, rượu cần. Trong lễ cúng này bắt buộc nhà trai phải đến dự. Sau lễ cúng này thì sau bảy ngày nhà trai phải làm lễ cưới với cô gái. Nếu chàng trai vì lý do gì thoái thác trách nhiệm thì làng phạt nhà trai một con trâu và làm lễ cúng mời cả làng đến dự để tạ tội với thần linh và xin lỗi dân làng.

- Phạt và đền bù khi ngoại tình

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng được xác lập trong cư dân Mạ. Ngoại tình là một hình thức vi phạm bị xem là phạm luật tục bị phạt nặng do dòng họ, gia đình hay làng phân xử. Thường số lễ vật bị phạt rất nặng nhằm đề cao sự chung thủy cho các đôi vợ chồng. Về tội ngoại tình, theo miêu tả của của Jean Buolbet³⁷ có một số chi tiết đáng chú ý:

- Về mặt cộng đồng: *Đây là một lỗi nghiêm trọng. Trong bảy ngày, các hoạt động chính của làng như trồng lúa, rèn, dệt đều bị ngưng lại. Không cho người lạ vào làng.*

- Về xác định trách nhiệm đền bồi: *Nếu hai người đã lập gia đình mà ngoại tình với nhau thì người đàn ông phải đền bồi cho vợ mình và người chồng của tình nhân, người đàn bà ngoại tình phải đền bồi cho chồng và vợ của tình nhân. Nếu người đàn ông có gia đình mà quen một cô gái thì anh ta phải đền bồi cho vợ lẫn cho người tình. Nếu người phụ nữ có gia đình mà ngoại tình với chàng trai chưa vợ*

³⁷ Jean Buolbet. *Quelques Aspects du Coutumier n'dri Des Chau Ma (Vài mặt phong tục tập quán của người Mạ)*. 1957. Bản dịch riêng của Nguyễn Yên Tri.

thì người phụ nữ và chàng trai phải đền bồi cho người chồng có người phụ nữ ngoại tình.

- Về lễ vật đền bồi: Đối với cá nhân thì lễ vật đền bồi thường là một con trâu hoặc một chiêng cổ (hoặc có giá trị tương đương). Đối với tập thể (làng) thì tùy theo mức độ mà phạt trâu, dê, vịt, heo và tổ chức tại các địa điểm hiến tế thích hợp. Con trâu làm lễ cúng tại nhà dài, một con vịt làm lễ cúng ở lối đi của làng ra rẫy lúa, một con vịt làm lễ cúng trên đường mòn phụ nữ đi lấy nước, con dê hoặc con heo thì làm lễ cúng tại nhà xảy ra ngoại tình, một con dê làm lễ cúng ở cạnh con đường dẫn đến khu rừng thiêng của làng.

+ Phạt và đền bù khi ly dị

Hình thức ly dị cũng ít khi xảy ra trong cộng đồng người Mạ. Thế nhưng, cũng có nhiều trường hợp do nhiều lý do dẫn đến ly dị trong các cặp vợ chồng của người Mạ. Nếu có xảy ra thì người chủ động trong ly hôn phải nộp lễ vật cho vợ (hoặc chồng) theo sự đòi hỏi của phía bên kia. Người Mạ còn có tục bỏ mã, tức vợ hoặc chồng chết sau ba năm mới được tái giá. Nếu người nào vi phạm trong trường hợp trên sẽ bị phạt gấp đôi lễ thách cưới trước đây.

+ Phạt và đền bù khi lấy thêm vợ

Trong cộng đồng người Mạ, cũng có xảy ra những trường hợp đa thê – một người đàn ông có nhiều vợ. Phần lớn là những người thủ lĩnh, chủ làng, có quyền thế và giàu có. “Người đàn ông nào muốn lấy vợ hai phải nộp cho người cả một số của bồi thường rất lớn, thường là 30 ché thấp, 30 ché cao, 6 cái chiêng cổ, 3 con trâu”³⁸.

+ Tục hứa hôn

Trong cộng đồng người Mạ, trước đây cũng xảy ra trường hợp việc hứa gả con cái giữa các gia đình với nhau. “Người Mạ cũng có tục dựng vợ gả chồng cho con từ nhỏ. Nhà trai đóng vai trò chủ động đem một con gà, một ché rượu sang nhà gái để “bày tỏ”, nếu được nhà gái nhận coi như là đã hứa hôn, đợi người con trai đến 15 tuổi là làm lễ cưới. Nếu nhà gái không muốn cho cưới thì phải trả lễ, nếu

³⁸ Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983.tr.124.

nhà trai không muốn cưới thì phải chịu mất lễ và phải đền bù sức lao động cho nhà gái trong quy định thời gian ở rể là tám ngày”³⁹. Cho nên, có nhiều cuộc hôn nhân mà chàng trai, cô gái không quen biết nhau. Việc hứa gả ngày nay không còn phổ biến.

+ Tục “nối dây”

Trước đây, trong xã hội cổ truyền, còn bảo lưu tục “nối dây”, tức người chồng hoặc vợ vì nguyên nhân nào chết trước thì trong gia đình các thành viên khác trong anh em hai bên được kết nối sống chung thay thế. Tuy vậy, trong tục nối dây có những quy định: Người đàn ông có vợ chết chỉ lấy được em gái vợ chứ không được lấy chị của vợ. Người phụ nữ có chồng chết thì có thể lấy em chồng. Tất cả các trường hợp này đòi hỏi sự đồng ý của các đối tượng trong vị trí có thể thay thế chứ không được ép buộc. Tục nối dây ngày nay không còn phổ biến.

+ Điều cấm kết hôn

Hôn nhân cũng thường xảy ra trong trường hợp giữa con cô, con cậu trong xã hội người Mạ trước đây. Nhưng, trong trường hợp này cũng phải được hai bên cha mẹ đồng thuận. Tuy vậy, cũng có điều kiêng, cấm không được phép lấy nhau trong trường hợp bà con cô cậu như: Giữa người con trai vai em với người con gái vai chị. Hôn nhân giữa con cô con cậu là hôn nhân cận huyết. Ngày nay pháp luật cấm và những trường hợp hôn nhân này đã giảm dần. Giữa con chú, con bác hay giữa con bạn dì thì hoàn toàn không được phép cưới nhau.

*

Ngày nay, trai gái Mạ cũng được tự do tìm hiểu, nhưng những nghi thức trong lễ cưới cổ truyền không còn được duy trì. Một số hình thức cổ truyền vẫn duy trì như mang công và diễn tấu theo trong ngày cưới, trình bày về dòng họ, tổ tiên...giữa nhà trai và nhà gái. Trong các lễ thức trong tổ chức cưới của một số cộng đồng Mạ ở địa bàn còn bảo lưu yếu tố truyền thống, thì một số nghi thức đã giản lược hoặc có những thay đổi. Vấn đề thay đổi cũng phụ thuộc vào những địa bàn người Mạ sinh sống. Trong lễ cưới của người Mạ tại Lâm Đồng, *sau lễ trao vòng*,

³⁹ Nguyễn Hoài Bảo (chủ nhiệm). *Nhiều tác giả. Địa chí Lâm Đồng. Chương 7: Phong tục tập quán. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2001.*

nhà trai tặng bên nhà gái một tấm vải thổ cẩm đẹp, nhiều vòng hạt cườm. Cô dâu và chú rể cùng quỳ gối đối mặt nhau. Cha mẹ chú rể lấy một tấm chăn đẹp và phủ lên hai người, đại diện hai bên gia đình nhẹ nhàng đẩy hai mái đầu của cô dâu, chú rể chụm vào nhau bảy lần, tượng trưng cho tình yêu của họ trọn vẹn, hai người luôn tâm đầu, ý hợp⁴⁰. Việc thách cưới ngày nay không còn phổ biến. Những lễ vật cưới tặng cho nhau trong lễ cưới thường chủ yếu là nhẫn hay vòng vàng, dây chuyền, không bắt buộc phải có vòng, công.

Phần lớn, người Mạ hiện nay tổ chức lễ hỏi, lễ cưới đơn giản do nhiều yếu tố tác động: điều kiện kinh tế, ảnh hưởng trong cách tổ chức theo nếp cưới của người Việt. Đám cưới tổ chức trong thời gian nhất định của một ngày với những nghi thức nhà trai rước dâu và đãi khách. Đối với những gia đình người Mạ theo đạo Công giáo hoặc Tin Lành, lễ cưới tổ chức theo nghi thức theo giáo lễ tôn giáo với sự hướng dẫn của nhà thờ. Ngày nay, tùy theo mỗi gia đình bạn trẻ mà sau khi tổ chức lễ cưới, họ có thể tách ra ở riêng, không phụ thuộc vào nhà gái hay nhà trai.

4.2.5. Về chữa bệnh

Vùng người Mạ sinh sống có nhiều loại thảo dược. Khi bị bệnh thông thường, người Mạ dùng một số loại thảo dược để chữa bệnh. Còn những bệnh nặng thì người Mạ nhờ thầy cúng để đoán bệnh. Một số kinh nghiệm dân gian được truyền lại cách chữa các bệnh như cảm, sốt rét.

Khi bị cảm, người Mạ dùng 7 loại lá, rễ cây chính như sau: Lá cây xả, lá cây đốt, lá B'lời, lá Sur ninh, lá tre lồ ô (Dor), lá ổi (Ui) và dây Dâng priêng (có mùi thơm). Trong bảy loại này, lá Sur ninh là loại đặc biệt nhất. Những loại lá cây, dây này được nấu để xông cho người bệnh.

Để chữa bệnh sốt rét, người Mạ dùng một số cây họ dây, lấy lá đốt thành tro và bôi lên người. Tùy theo độ sốt nặng hay nhẹ mà dùng các loại lá dây khác nhau. Lá dây Ngai công dùng cho người bị bệnh sốt nặng, ổi nước màu vàng. Nếu bị sốt nhẹ hơn thì dùng dây Rơ yah, hay nhẹ hơn nữa thì dùng dây Cu tọt, dây Pàng măng. Đặc biệt, đối với dây Ngai công là loại đặc biệt nên khi đốt phải cách nhà

⁴⁰ Dẫn theo Quỳnh Anh. *Hôn lễ của người Mạ ở Lâm Đồng*. Trang tin điện tử: <http://cema.gov.vn> của Ủy ban dân tộc Việt Nam.

khá xa để tránh cho những người trong buôn hoặc trẻ em đạp phải. Người Mạ tin rằng, nếu ai dẫm vào nơi đốt loại dây Ngai công thì sẽ bị bệnh nặng.

Hiện nay, hầu hết các địa bàn các xã người Mạ sinh sống có điều kiện về y tế chữa bệnh. Mọi khi đau yếu, bệnh tật, người Mạ tìm đến trạm xá khám bệnh hay các cửa hàng bán thuốc tây điều trị. Ngoại trừ những người theo đạo Công giáo, Tin Lành và không có niềm tin vào cúng tế thì một bộ phận cư dân Mạ vẫn còn nhờ đến thầy cúng chữa bệnh. Điều này bắt nguồn từ xa xưa trong đời sống xã hội các buôn làng Mạ từ xa xưa. Một số buôn người Mạ tại Lâm Đồng còn những người hành nghề thầy cúng. Những người tin vào thầy cúng thì cho rằng bệnh tật đến với mình do thần linh quở trách, phạt bệnh hay bị ma quỷ quấy phá.

Những người thầy cúng Mạ hiện nay vẫn sinh hoạt như bao người khác nhưng họ được một số người tin có kinh nghiệm bốc thuốc, biết cúng tế để đoán được bệnh hành hạ con người. Có thể người bệnh tìm đến nhà của thầy cúng hoặc nhà có người bệnh mời thầy cùng đến nhà chữa trực tiếp. Sau những phần cúng tế, thầy cúng thực hiện những hành động như lên đồng, đi gặp gỡ các thần linh để nhận biết cách nhận ra con ma quấy hay bệnh tật của người bệnh. Sau đó, thầy cúng phán chỉ rõ bệnh, phải uống những thứ lá cây do thầy cúng chỉ bảo hay đợi thầy cúng đi hái về, làm thuốc, đưa cho người bệnh. Thông thường, tùy theo bệnh nặng hay nhẹ, nhà có người bệnh ước trả công cho thầy cúng, thường là tiền, thịt các con vật làm lễ cúng tế cúng hoặc một phần nông sản, vật dụng có giá trị nào đó. Nhiều người từng bị bệnh, không chữa khỏi thì những người thân cũng ít khi trách mọc thầy cúng mà cho rằng vì cơ nào đó, con ma hoặc bệnh tật do thần linh phạt nặng nên phải chết.

Trong quá trình khảo sát tại các làng người Mạ, chúng tôi có dịp tiếp xúc với một thầy cúng nhưng chưa trực tiếp quan sát một trường hợp chữa bệnh nào. Những thông tin trên do một số người Mạ cao tuổi cung cấp. Vì vậy, chúng tôi trích nguyên văn một về một buổi cúng chữa bệnh tại buôn B'Lạch A xã Lộc Bắc vào ngày 31/3/1978 được tác giả Nguyễn Đình⁴¹ miêu thuật: "*Thầy cúng có một người phụ*

⁴¹ *Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983.tr.203, 204.*

việc, đồ hành nghề gồm có một cây roi mây, một sợi dây đôi có buộc sáu cái lục lạc và một cái chuông nhỏ. Những người đến xin đoán bệnh mang theo một chén gạo, trên đặt một đồng bạc tiền lễ. Lúc thầy bắt đầu lễ, cửa nhà được đóng kín, không ai được ra vào, tuyệt đối phải giữ im lặng. Thầy trùm chăn mới (của chủ nhà), tay cầm dây lục lạc (một đầu của dây này buộc xéo lên mái nhà) và một tay cầm roi. Ông ta „cỡi ngựa“ kéo dây cương lục lạc, thỉnh thoảng lại có tiếng chuông lớn hơn, cứ như thế để đi gặp các Yang, các ông bà xưa. Tay cầm dây chuông rà trên những bát gạo, có lúc ông ta dừng lại nói với mọi người rằng, ông ta vừa gặp ai, hỏi chuyện hay có một con ma nào chạy trốn khi gặp ông. Vào khoảng một tiếng đồng hồ sau, thầy chấm dứt „hành trình“, nói cho người bệnh hoặc thân nhân của họ về bệnh tật, một số có thể về nhà và sẽ gặp thầy vào sáng hôm sau. Tiền lễ thầy lấy, còn gạo thì đồng bào mang về“.

Ngoài việc dùng các loại thực vật trong chữa bệnh, trong cộng đồng người Mạ, có một số người dùng ngãi. Đây là loại cây mà một cá nhân trồng hoặc hái, đào lấy củ trong rừng về để thực hiện những mục đích riêng tư. Một số người Mạ cho rằng, có ba loại ngãi mà một số người dùng, gồm ngãi yêu và ngãi ghét và ngãi gây hại. Loại củ ngãi này, người dùng thường cất trong ché hay lấy vải bao giữ hoặc bỏ trong những ống tre nhỏ. Phần lớn, cộng đồng người Mạ ghét và không giao du, tránh tiếp xúc với những người sử dụng ngãi. Vì vậy, những người dùng ngãi thường lén lút, không công khai. Nếu họ thích một người nào đó, thì người dùng ngãi bằng cách tiếp cận, lấy củ ngãi cho đối tượng hút thì người đó sẽ bị điều khiển được họ. Nếu cần làm cho người khác không có tình cảm, căm ghét đến yêu mình thì người dùng ngãi lấy tóc của mình quấn thêm vào thuốc ngãi cho đối tượng hút. Nếu làm cho đối tượng từ chỗ có tình cảm trở thành kẻ ghét mình để kiếm có loại bỏ thì họ đeo ngãi trong mình, tìm cách đập vào gót của đối tượng sẽ có kết quả. Phụ nữ hay dùng ngãi yêu, đàn ông hay dùng ngãi ghét để thực hiện những động cơ cá nhân. Theo một số người Mạ cho biết, trước đây, vùng người Mạ ở Cát Tiên thì có một số người dùng ngãi để hại chết người. Thế nhưng, do dùng ngãi hại người nên

người dùng ngãi thường bị chết sớm hoặc có người dùng ngãi cao tay hơn thì sẽ bị hại ngay.

4.2.6. Về phù thủy

Trong xã hội người Mạ trước đây, có những người được xem là phù thủy, biết dùng những trò làm phép để cứu người hay hại người. Một dạng được xem là phù thủy tốt, tức những người thầy cúng – gọi là Chenang, biết niệm chú và bốc thuốc chữa bệnh. Một dạng được xem là phù thủy xấu – gọi là Chau cha, tức những người có những phù phép hớp hồn người mình muốn hại. Nếu cộng đồng người Mạ phát hiện, người phù thủy xấu phải bị xử chết. Nếu một người nghi ngờ người khác là phù thủy, thì cả hai phải chịu sức thử thách để biết rõ thực hư bằng cách:

- Thử lặn nước (nhop đạ): Sau khi cúng thần nước, cả hai cùng lặn xuống sông với hai cây sào cắm sẵn. Người phù thủy sẽ bị thần nước làm cho ngộp và ngoi lên ngay.

- Thử nước sôi (Xu đạ): Hai người nhúng tay vào nồi nước sôi. Kẻ làm phù thủy sẽ bị phỏng rộp và rút tay ngay tức thì.

- Thử bằng thiếc nóng: Nung thiếc nóng chảy, đổ trên lá khoai sọ được gấp làm bảy và để trên bàn tay những người thử. Nếu người nào là phù thủy, thiếc sẽ chảy qua lá khoai sọ làm cho tay bị bỏng.

- Thử ná: Đặt một tượng nhỏ tượng trưng người làm phù thủy tại một gốc cây hẻo lánh trong rừng. Sau lời khấn, người ta đọc tên của người mình nghi làm phù thủy và bắn tên. Nếu tên trúng tượng thì người được xướng tên đúng là là phù thủy và ngược lại.

- Nấu thiếc nóng chảy: Khi nấu thiếc nóng chảy, người ta đọc cái tên mình nghi ngờ. Nếu trên bề mặt của thiếc nóng chảy có những vạch nổi rõ thì người có tên đó là phù thủy và ngược lại.

4.2.7. Về tang ma

Người Mạ quan niệm cái chết chỉ là sự chấm dứt của đời người ở trần gian, người chết sẽ đến ở một thế giới khác. Mỗi buôn người Mạ chọn một phần đất làm nghĩa địa chôn người chết. Nơi phần đất chôn người chết được già làng chọn và thầy cúng làm lễ xin thần linh cho phép. Phần đất này cách nơi ở của buôn làng khá

xa và thường ở một khu rừng có nhiều cây cối to lớn. Khu nghĩa địa được người Mạ xem là khu đất thiêng và có lắm điều kiêng kỵ. Không ai được đến khai phá hay chặt cây, chăn thả gia súc...tại đây. Nếu ai vi phạm mà phạm đến khu nghĩa địa thì thường bị thần linh quở phạt, khiến cho bệnh tật hay bị tâm thần.

Khi nhà có người thân chết thì gia quyến đánh chiêng với âm điệu dành cho ma chay để dân trong buôn làng biết. Người thân, họ hàng và nhiều người trong buôn làng cùng nhau lo những việc liên quan giúp cho gia chủ lo công việc cho người chết. Những người đàn vào rừng, làm lễ cúng tìm cây gỗ tốt để đóng hòm (quan tài). Cây được chọn làm quan tài là cây to, thẳng, không có dây leo bám. Người Mạ quan niệm chọn cây làm hòm như vật sẽ khiến người chết vui lòng, có chỗ trú ngụ tốt như khi còn sống có và không quấy nhiễu người thân khi trở thành ma.

Chiếc hòm chôn người chết được làm từ thân gỗ bỏ đôi, khoét lõm hai phần: thân quan tài và nắp đậy. Phần thân quan tài dày, được khoét lõm sâu vào hình lòng thuyền để đặt thi hài. Phần nắp đậy mỏng hơn thân, cũng được khoét lõm nhưng không sâu. Hình dáng chiếc hòm truyền thống dùng để chôn người chết của người Mạ được cấu tạo khá độc đáo. Nhìn từ bên ngoài nó vừa mang hình khối của một ngôi nhà dài và phần đầu thể hiện bóng dáng của một con trâu được cách điệu hóa. Nhìn từ phần thân bên trong nó được cấu tạo như một chiếc thuyền độc mộc có kích cỡ vừa phải. Phía đầu chiếc hòm cao, to và thấp nhỏ dần về phía cuối. Phía đầu hai bên sóng ván thiên được gắn một đôi sừng bằng gỗ, phía đuôi gắn một cái đuôi vót bằng tre.

Người chết được gia đình mặc cho bộ đồ quý nhất. Thi hài được nằm ngửa, đầu gối trên một cái bát để úp, hai tay để chắp trên ngực, chân duỗi thẳng. Hai bàn tay, hai bàn chân được buộc một đoạn dây rừng. Thi hài được quấn trong nhà một khoảng thời gian từ ba đến năm ngày để người thân tỏ lòng tiếc thương⁴².

⁴² Trong tư liệu của Nguyễn Đình viết về Một vài nét về văn hóa tinh thần của người Mạ tỉnh Lâm Đồng (Dẫn theo Mạc Đường - sđd) cho biết: Quan tài người Mạ để trong nhà chỉ có ba ngày. Huyệt mộ được đào khi đem quan tài ra khu nghĩa địa. Khi chôn, dưới đáy huyệt và trên quan tài trước khi lấp đất đều được lót một lớp cây. Nhà có người chết, sau khi chôn phải kiêng bảy ngày không đi rẫy.

Nhà người Mạ có người chết, người ta làm thịt gà để cúng tiến đưa. Họ cúng gà sống rồi làm thịt, lấy máu bôi chân giường, đầu giường, trán, đầu và các ngón chân người chết. Họ quan niệm, con gà sẽ dẫn hồn người chết đi. Những người thân cắt một phần tóc của mình bỏ vào hòm người chết như tỏ ý để qua bên kia có cái để mà lợp nhà ở.

Người Mạ quan niệm người chết là từ già cuộc sống trần gian để qua một thế giới mới khác vì vậy, để họ yên ổn sống ở nơi mới, người còn sống không quên sắm những đồ vật để gửi, chôn theo. Tang chủ thường chia cho người chết một số tài sản trong nhà: Công cụ lao động như chà gạc, rìu, gùi; đồ dùng như nồi gốm, bát sành, vỏ trái bầu khô, ché; vũ khí như dao, nỏ, cung, tên, ná... cùng một số đồ trang sức, vật dụng khác. Số tài sản này, một số bỏ chung với thi hài người chết như quần áo, đồ bằng gốm nhỏ và một số đặt xung quanh mộ hay bỏ rải dọc đường gần khu nghĩa địa. Phần lớn những thứ bỏ trên mặt đất thường bị phá hủy một phần để phân định sự đối lập với tài sản của người đang sống, đồng thời ngăn ngừa kẻ xấu lấy về sử dụng. Nếu nhà có của thì tế người chết bằng trâu rồi dựng một chuồng trâu nhỏ để treo xương con vật đã hiến sinh.

Tại các khu nghĩa địa của người Mạ hiện nay, hiện nay có những ngôi mộ thường gắn những dấu hiệu tôn giáo mà người chết đã theo khi còn sống. Khảo sát tại các khu nghĩa địa tại xã Lộc Bảo, Lộc Bắc (huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng), cho thấy: Trong cùng một khu nhưng có nhiều mộ được chôn cất khác nhau. Thông thường, mộ của gia đình hay trong dòng họ được chôn liền kề nhau. Tùy theo điều kiện của gia đình mà mộ được đắp bằng đất hay xây bằng xi măng. Một số mộ được làm mái che phía trên. Hầu hết, các mái che – tạm gọi là nhà mồ này khá đơn giản, có thể làm một mái bằng hay hai mái, cột gỗ, lợp tôn và chỉ che trên phần nắm mộ. Những ngôi mộ có dấu chỉ cây thánh giá cho biết đó là mộ của những người Mạ theo đạo Tin Lành hoặc Công giáo. Mộ người chết là công giáo thường có khắc tên thánh của người chết. Đặc biệt, không phân biệt người chết theo tín ngưỡng, tôn giáo, xung quanh các mộ đều có những vật dụng được chia cho người chết.

Người Mạ còn có tục tẩy rửa sau khi đưa tang. Họ nấu nước sôi có hòa lẫn tiết gà lấy lá cây (Dương riêng, Sủninh) bỏ trong ống tre. Thầy cúng lấy cành cây có

lá nhúng vào nước huyết này vậy, quệt lên sau lưng những người thân, đưa đám tang để hồn ma người chết không ám ảnh.

Trong cái chết của con người, người Mạ còn có quan niệm về chết lành và chết dữ. Chết lành như bị bệnh tật, già yếu, chết dữ là bị tai nạn, bị thú dữ ăn thịt, chết bất ngờ... Quan niệm về chết lành, chết dữ mà người Mạ có những nghi thức kiêng kỵ, tổ chức tang ma cho phù hợp. Chết lành là tổ chức tang ma trong nhà, chôn ở nghĩa địa của buôn làng. Chết dữ là điềm xấu, mang lại rủi ro nên gia đình, buôn làng tổ chức đơn giản và chôn ở nơi họ bị nạn hoặc nơi khác ngoài nghĩa địa cộng đồng.

Người Mạ có tục mở cửa mã ngày thứ bảy với lễ vật cúng gồm có: bánh giã của gia đình làm, gà vịt, chén cơm. Đó là lần cuối họ thăm lại nơi ở của người chết. Trong thời gian chôn đến lúc mở cửa mã, gia đình có người chết thường ở nhà và không đi đến bất cứ nhà nào, và công việc nương rẫy cũng tạm ngưng lại. Mỗi buôn làng Mạ đều có một khu đất được chọn làm nghĩa địa riêng.

4.3. Tập quán, nghi lễ vòng cây trồng

Lúa là cây lương thực chính của người Mạ. Trước đây, người Mạ chỉ làm lúa rẫy, sau mới làm lúa nước. Vì vậy, trong quá trình trồng và thu hoạch lúa, người Mạ có những tập quán, tổ chức những nghi lễ liên quan đến cây lúa. Các yếu tố liên quan đến cây lúa rẫy: nơi khu rừng được chọn trồng tía, nơi khu rẫy và chu kỳ trong khi trồng lúa, những hiện tượng thiên nhiên (mưa gió...) hay các thần linh gồm phúc thần hay ma quỷ theo quan niệm của người Mạ có tác động đến cây lúa. Tùy thuộc vào từng buôn người Mạ mà tổ chức những lễ cúng liên quan đầy đủ hay đã giản lược lễ cũng như những nghi thức trong lễ.

4.3.1. Lễ Chia đất sản xuất

Trước đây, rừng được khai thác tự do. Khu rừng trong vùng người Mạ sinh sống của buôn nào thì buôn đó được quyền khai thác. Già làng và những người lớn tuổi chọn khu rừng để chia cho các gia đình trong buôn có đất trồng tía, làm mùa. Khi chọn được một khu rừng nào thì người già làng thông báo cho cả làng tập trung đến. Lễ vật cúng gồm có gà, vịt, heo, dê và rượu cần. Già làng thay mặt buôn hành lễ. Những con vật được giết đi để lấy huyết và gan để rải trên vùng đất được chọn.

Già làng đọc lời cầu khẩn thần linh cho phép được phát rẫy làm mùa và chia đất cho những gia đình của buôn làng. Các gia đình nhận phần đất của mình và cùng ăn lễ. Phần đất của các gia đình được chia một cách công bằng. Sau đó, tùy theo mỗi nhà mà phát rẫy, đốt cây rừng để trồng tía.

4.3.2. Lễ cúng thần rừng (Nhô năng bri)

Những người được chia đất trên cùng một khu vực, thường thì trong nhà, dòng họ với nhau được nối các khoảnh liền kề. Trước khi phát rẫy, những người này cùng đóng góp lễ vật như gà, heo, rượu cần đến nhà người đại diện có uy tín để tổ chức lễ cúng. Thường người đại diện lớn tuổi, có vai vế trong những người cùng làm một khu vực rẫy. Người đại diện đứng ra lễ cúng, giết các con vật lấy huyết, một ít đồ lòng để cúng tế và cầu khẩn thần linh cho phép các gia đình được đến rẫy bắt đầu phát cây, dọn cỏ. Lời cầu khẩn chủ yếu xin thần linh chứng giám cho lòng thành, giúp đỡ họ trong quá trình bắt đầu làm rẫy, cầu xin mọi sự diễn ra suôn sẻ, không gặp khó khăn. Sau đó, các nhà làm khu vực rẫy cùng ăn tiệc. Mỗi nhà, tùy theo thời gian định mà bắt đầu việc dọn rẫy. Cũng có những địa bàn, các hộ gia đình sau khi cúng lễ tại nhà người đại diện, tùy theo điều kiện kinh tế mà tổ chức ăn tiệc mừng tại nhà.

4.3.3. Lễ cúng đường vào rẫy (Nhô Gùng Mìr)

Người Mạ tại xã Lộc Bắc, Lộc Bảo huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng) sau khi dọn rẫy xong, chuẩn bị cho tía lúa thì tổ chức lễ cúng Nhô Gùng Mìr. Lễ cúng thường được một dòng họ tổ chức, địa điểm chính tại ngã ba con đường từ buôn và rẫy. Mục đích cầu xin thần linh phù hộ cho việc trồng tía lúa sau này được thuận tiện. Quá trình điền dã tại khu vực Bảo Lâm của chúng tôi không được chứng kiến lễ này. Vì vậy, chúng tôi lược trích tư liệu đã công bố của tác giả Ngọc Khả⁴³ về lễ này như sau:

Nghi thức đầu tiên được tiến hành tại cây nêu trước nhà dài. Lễ vật dùng gồm: dê, gà, vịt, một vài ché rượu cần. Chủ lễ cầm lục lạc, miệng đọc mời thần linh về dự và chứng kiến. Đặc biệt, chủ lễ lấy nước rượu cần trong ống đầu tiên vẩy lên

⁴³ Dẫn theo Ngọc Khả. *Lễ Nhô Gùng Mìr của người Mạ ở Lâm Đồng*. [Http:// www.iseas.org.vn](http://www.iseas.org.vn).

cây nêu. Sau đó, dùng cơm nếp bôi lên cây nêu, ché rượu cúng, nhỏ một nhúm lông các con vật hiến sinh đốt chung với trầm. Các con vật hiến tế lần lượt được giết. Chủ lễ lấy một ít huyết vật hiến tế và rắc gạo giã chung với bột nghệ lên cây nêu, ché rượu, lên trán những người dự lễ. Máu vật hiến tế được mang vào nhà bôi lên bàn thờ dòng họ và một số vật dụng như ché, các cây cúng lễ, hàm thú vật treo trên mái nhà hay trên bàn thờ. Chân, lông, đuôi, một đoạn ruột của các con vật hiến sinh được sâu thành chuỗi treo trên cây nêu. Tiếp theo, người Mạ tấu chiêng trong nhà dài (thứ tự các bài bản: Rừng Yàng tit, Rừng Yàng Kuăng, Jùn jai rohang). Những người tham dự được mời cúng uống rượu cần theo vai vế trong dòng họ. Sau đó, họ cùng nhau ăn tiệc với các món ăn: Cháo ruột non dê (đĩa be), đọt mây, rau nhíp...

Nghi thức cúng lần hai tổ chức trong không gian nhà dài. Lần này, những chỗ đã bôi huyết được bôi thêm gan của con vật hiến tế. Lễ vật được trình ra dưới gốc nêu trong nhà gồm miếng thịt dê, thịt gà (nguyên con), thịt vịt (nửa con nhưng có phần đầu). Lúc này, những người tấu cồng chiêng theo bài bản mình ưa thích: Nao tình ngăn, Cing Mạ Tô, Yo đàn dạ... và cúng nhau vui chơi, ăn uống.

Nghi thức cúng lần ba vào buổi chiều. Chủ nhà dùng cơm nếp bôi lên các vật thiêng gần bàn thờ trong nhà và khấn thần linh xin phép dựng nêu tại ngã ba đường từ buôn vào rẫy. Người Mạ cùng ra tại nơi lễ chính này, dựng cây nêu chính N'đāl (cây nêu cao, có trang trí nhiều nhánh tua được trang trí công phu), dựng cây cột trâu (konong rpu) thấp hơn Nđāl (có bốn nhánh cong vút tỏa về bốn phía). Người Mạ cũng dựng một ngôi nhà cho thần N'Đu ngự cạnh cây nêu chính. Dưới gốc cột trâu, dựng hàng rào để ngăn cho con trâu được hiến tế di chuyển về một bên về phía trên sân lễ chính. Chủ lễ dùng cơm nếp bôi lên các cây cột dựng và về trình với thần linh trong nhà dài. Từ khi dựng nêu xong, địa điểm dựng nêu là nơi diễn ra nhiều sinh hoạt cho lễ và hội trong cả đêm trước ngày hội đâm trâu của buôn làng.

Nghi lễ đâm trâu bắt đầu từ rất sớm từ ngày thứ hai và nhiều người trong buôn làng tham dự. Sau khi chủ lễ cầu khấn thần linh, một người được chọn dùng chà gạt (chỉ dùng trong lễ đâm trâu) chặt một gót chân sau, sau đó, đưa lại cho chủ lễ chặt gót chân sau còn lại của trâu. Một người cầm cầm lao, chọn thể đâm mũi lao ngang xườn vào tim con vật hiến tế. Khi trâu gục xuống, người ta dùng một ống lồ ô

(đựng đầy rượu cần) đồ vào miệng trâu, dùng một chiêng cái để ngựa (trong lòng chiêng để một tấm đắp) đặt lên lưng trâu hiến tế. Các con vật hiến tế khác như dê, heo, gà, vịt lần lượt bị giết để làm thịt. Huyết của những con vật hiến tế được chủ lễ bôi lên các cây nêu, cây cột, nhà ngự của thần N'Đu... Một phần thịt các con vật hiến tế cũng được treo lên các cây cột trong sân lễ. Đặc biệt, đầu trâu được treo lên cây nêu. Phía sau hàng rào, những người trong vai về thân tộc ngồi khấn thần linh được bôi huyết vật hiến tế lên trán.

Ngày hôm sau, chủ các rẫy trong tộc họ mang máu vật hiến tế lên rẫy của mình. Họ đến một góc rẫy, bôi máu vật hiến sinh vào đất, những khóm cây... trên rẫy cầu khẩn điều tốt lành cho mùa rẫy. Sau đó, chủ rẫy mang theo một vài cành cây cây cháy dở, một gốc cây (bó kèm theo đất bằng một chiếc lá rừng) bỏ vào phần không gian thiêng trong nhà dài trưởng tộc. Trong khi những người chủ rẫy thực hiện nghi lễ tại các rẫy của mình, mọi người trong gia tộc vận vui về ăn uống, chuyện trò, đánh chiêng trống và múa hát. Cuộc vui kéo dài ba ngày đêm. Ngày thứ ba (kể từ sáng diễn ra lễ chính), chủ nhà lại cấm cần một ché rượu nữa làm nghi thức cúng cuối cùng, xin Yàng cho lễ kết thúc. Lúc này, đầu trâu trên cây nêu được hạ xuống xẻ thịt nấu cháo, phần xương đầu trâu dặt trên mái nhà, sừng trâu có thể dùng vào việc làm cán dao, hay trang trí nhà cửa. Sau lễ cúng này, từng gia đình người Mạ chuẩn bị tía lúa rẫy.

4.3.4. Lễ Tía lúa

Khi hạ cây, dọn rẫy xong, người Mạ đợi thời tiết thuận lợi để trồng tía. đặc biệt, trước khi trồng tía, người Mạ tổ chức lễ cúng. Lễ vật cúng gồm có dê, heo, rượu cần. Thường các dịp trồng tía đầu của rẫy, gia chủ mời già làng đến rẫy làm lễ. Các con vật được làm thịt lấy huyết cúng. Lời khấn của già làng trong lễ cúng này có nội dung cầu thần linh che chở, phù hộ, cầu thần cai quản vùng rẫy gìn giữ cho cây lúa được trồng không bị phá hoại và xanh tốt cho đến kỳ thu hoạch. Sau đó gia chủ và già làng cùng ăn lễ. Sau khi tổ chức cúng lễ, người Mạ tiến hành tía lúa.

Cũng có vùng, người Mạ tổ chức lễ trồng tía tại nhà của người đại diện và cùng góp các lễ vật như gà, heo, rượu cần như lễ cúng trước khi phát rẫy. Đó là khi họ đã dọn rẫy xong. Họ chọn một khúc cây đã đốt cháy, cho nước vào đập tắt lửa,

thành than và đem về nhà người đại diện tổ chức lễ cúng. Khúc than cây này đặt dưới bàn thờ hoặc trên sàn nhà và sau mùa vụ thì bỏ đi. Mỗi nhà tham gia trồng tía khu vực rẫy gần kề đem cây chọc lỗ tra hạt đến nhà người đại diện tổ chức cúng và ăn tiệc. Trong lễ khấn này, đặc biệt, người Mạ khấn thần Lửa trong khúc cây không đi đây đi đó để làm cháy nhà, cháy rẫy khác. Sau lễ cúng này, mỗi nhà lấy cây chọc lỗ tra hạt về và chọn thời gian trồng tía trên phần đất của mình.

4.3.5. Lễ mừng khi lúa lớn (Nhô tam xơ nơ, Nhô tam nơ)

Khi lúa trên rẫy lớn, đặc biệt trong thời gian lúa chuẩn bị trở bông, người Mạ tiến hành cúng lúa lớn. Theo người Mạ, thần rẫy giữ gìn lúa lớn đến lúc này là điều phúc cho gia chủ. Vì vậy, họ phải làm lễ cúng lúa lớn để tạ ơn và cầu mong thần linh tiếp tục giữ gìn, bảo vệ cây lúa xanh tốt, không bị ảnh hưởng bởi hạn hán, sâu bọ, trở bông cho nhiều hạt. Lễ vật cúng gồm gà, vịt, dê và rượu cần. Người chủ nhà tổ chức cúng và mời già làng tham dự. Già làng sẽ thay mặt đọc lời khấn với thần linh. Trong nghi thức cúng, một số nơi, người chủ rẫy rải nghệ hay ngãi vào rẫy lúa để ngăn ngừa sâu bọ phá hoại mùa màng.

4.3.6. Lễ mừng lúa trở bông (Nhô tuơmul hay Nhô đụn)

Khi cây lúa trên rẫy đồng loạt trở bông, người Mạ tiếp tục tổ chức lễ cúng cầu khấn thần linh giữ cho bông lúa được an toàn, giữ bông, chắc hạt cho đến ngày chín. Lễ vật gồm có rượu cần, dê hoặc heo. Có làng tổ chức cúng lễ tại nhà dài làng và sau đó cúng tại rẫy.

Lễ cúng tại buôn thì được tổ chức trên lối đi vào buôn. Người Mạ làm hai nhà nhỏ với hình dáng khác nhau. Một nhà sàn nhỏ tương tự theo lối kiến trúc nhà ở để các phúc thần ngự vào gọi là “Hiu Kon Đu”. Ngôi nhà này xây mặt về hướng cuối buôn, chung quanh nhà cắm các cây tre được chuốt phần đầu tựa bông lúa. Phía trước có cắm một cây cọc cao khoảng một mét để cắm đầu con vật được hiến tế. Phía dưới đầu vật hiến tế treo một thanh gươm bằng gỗ. Một nhà sàn nhỏ có lối kiến trúc nhìn trông giống sừng trâu hoặc chiếc tù và, gọi là “Hiu Cha Rắt”, nơi sẽ dành cho ác thần, ma quỷ hay mưa gió vào trú ngụ để chúng khỏi đi lang thang ra vùng rẫy phá hoại mùa màng.

Lễ cúng bắt đầu vào buổi sáng, do chủ rừng/chủ rẫy đại diện dân làng làm chủ lễ. Trong nhà trú ngụ phúc thần, người Mạ để một chén cơm, trong đó có một quả trứng gà luộc chín được cắt làm đôi, một chén rượu có ống hút tượng trưng cho chén rượu cần. Trong nhà trú ngụ ác thần không để một vật lễ gì. Chủ lễ khấn thần linh, trình bày mục đích của dân làng và cầu mong mùa lúa được thần linh bảo vệ, ác thần không đến phá hoại.

Tại rẫy, chủ rẫy tiến hành lễ cúng, trình bày lễ vật và cầu khấn dựng nêu trên rẫy. Ngoài rẫy, mỗi nhà dựng một cây nêu cao từ bốn đến năm mét trở lên, gọi là N'Yú. Thân cây nêu được bôi đen. Trên cây được buộc ngang với những nhánh ngang, lấy dây lưng sừng (dùng đỉnh) trang trí thả dài xuống phía dưới. Trên ngọn cây nêu, làm những hình gỗ khắc con chim cu như đang bay đi. Cây nêu được trồng ở rẫy lúa cho đến khi lúa được thu hoạch đem về nhà kho. Sau đó người nhà sẽ cùng nhau dự tiệc, uống rượu cần tại rẫy hay tại chòi giữ rẫy (nếu có). Mỗi nhà ra rẫy hái một vài bông lúa, đem về dặt lên trên mái nhà chỗ có bàn thờ thần linh. Cây nêu được nhổ về trồng cạnh kho lúa. Cây nêu được người Mạ là nơi trú ngụ của thần Lúa. Trước đây, khi tổ chức lễ cùng Nhu Tơ rơ mul, cả buôn có sự kiêng cử: Trong bảy ngày, dân làng không làm việc gì ngoài rẫy, không đi qua khu vực của buôn khác⁴⁴.

Lời khấn của người Mạ ở Đồng Nai trong lễ cúng lúa trở đồng như sau: *Lở Yàng kòi, chềng ier đừ năm, lờ Yàng kòi chắt tòm gòm ha tú plây lay mừn banh chât xô banh rô kòi banh glò banh xap anh đăn mà nu Yàng còn toong ti mà chao toong ti ma gáp banh anh glơ rập bxap ríp banh chà nê bich cú là rự iar xìn anh gu...* Chuyển ngữ Việt: *Hỡi thần Lúa, (tôi) đem con gà cúng xin thần lúa (cho) tốt gốc, tốt lá, cho có đồng không bị khô, đừng có họ xít, đừng làm (tôi) đừng cho (tôi) ăn lạt. Xin thần Lúa cho con cái (tôi) đừng phải chia tay ăn xin người ta, cho vợ (tôi) đừng đói ăn cực khổ, đừng nghèo không có quần áo.*

Một lời khấn tương tự trong lễ cúng lúa trở đồng được ghi bằng chữ Mạ latin hóa như sau: *Lơh Yàng kòi cềng iăr do nôm, lơh Yàng kòi nănn chot nănn ro*

⁴⁴ Dẫn theo Mạc Đường (chủ biên). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng. Sơ Văn hóa tỉnh Lâm Đồng, 1983. tr.195.*

trù kòi, nẵ jê gloh tài, ần dẵ Yàng kòi tong nẵmơ cau mơ to nẵ mơ gập bòn he dẽ, dẵ Yàng sẽn gar ẵn.... Chuyên ngữ Việt: Tôi cúng thần Lúa có đem theo gà một con, cúng thần Lúa kể từ nay không còn chết rụi nữa, xin đừng cho đói, xin thần Lúa đưa tay che chở cho người khốn khổ, nâng đỡ người cùng buôn làng, xin thần Lúa về giúp cho lúa chắc hạt, bà con lễ cúng Yú rmul tin chắc được ăn⁴⁵.

4.3.7. Lễ chuẩn bị thu hoạch lúa (Nhô tuyn kach/ Nhô Pas Koi)

Lễ cúng này được tổ chức tại rẫy. Lễ vật gồm rượu cần, gà. Trong thời gian chuẩn bị lễ cúng, gia chủ sẽ làm một nhà kho chứa lúa phía sau hoặc bên hông nhà chính đang ở. Hoặc cũng có thể sửa chữa, gia cố, trang hoàng để sử dụng lại nhà kho chứa lúa năm trước. Về nhà kho chứa lúa một số kiêng kỵ. Thường người Mạ làm nhà kho có đòn dông theo hướng đông – tây theo tập tục xưa truyền lại. Có lý giải cho rằng, trục nhà như thế trùng với hướng mặt trời đi và không đi ngang qua thần lúa. Có nhiều nhà sửa chữa và dọn dẹp lại nhà kho chứa lúa cũ cho mùa vụ sau. Nhưng, nếu trong mùa vụ, trên rẫy có những con thú như chồn, thỏ, mễn, kỳ đà...xâm nhập vào và chết thì gia chủ phải làm nhà kho lúa mới. Việc các con thú mà vào rẫy nhưng bị thương, bị chết bởi cách bảo vệ rẫy như sập chông thì không ảnh hưởng gì. Tại rẫy, gia chủ cầu khẩn thần lúa sẽ hướng dẫn lúa sẽ về nhà kho trú ngụ như mọi năm.

4.3.8. Lễ thu hoạch lúa

Khi lúa chín, chuẩn bị suốt hoặc gặt lúa, người Mạ cũng tổ chức lễ cúng. Khi tổ chức cúng, gia chủ đem lễ vật đến rẫy, đặt giữa đám lúa để làm lễ. Lễ vật cúng gồm như gà, vịt, heo...rượu cần. Gia chủ hoặc già làng được mời làm chủ lễ cúng. Lễ vật được bày ra tại cây nêu. Chủ lễ đọc lời khấn, trình bày mục đích gia đình có rẫy lúa chín, xin phép thần linh cho công việc hái gặt, suốt lúa được an toàn, suôn sẻ. Trong lễ cúng thu hoạch lúa, tùy theo mỗi hộ gia đình mà tổ chức đánh công hay không. Sau khi tổ chức cúng ngoài rẫy, tất cả những lễ vật cúng được đem vào nhà chòi và mọi người cùng dự tiệc. Sau đó, chủ rẫy tiến hành gặt lúa.

⁴⁵ Nhiều tác giả. Địa chí Đồng Nai (tập 5 Văn hóa – xã hội). Nxb Đồng Nai, 2001, tr. 689 - 690.

4.3.9. Lễ mừng lúa mới (Nhu R'he)⁴⁶

Đây là lễ lớn nhất trong năm của người Mạ, thường kéo dài bảy ngày. Hầu hết khi cả buôn đều thu hoạch lúa xong, thường trùng vào tháng tiết đầu xuân, khoảng tháng 2, 3 của năm dương lịch, tương đương tháng Giêng năm âm lịch.

Tùy theo mùa màng thu hoạch được theo số lượng mà lễ vật cúng, đặc biệt con vật dùng hiến tế cho phù hợp. Lúa thu hoạch được tính bằng đơn vị Sáh. Mỗi sáh lúa tương đương khoảng 30 kilôgam. Nhà nào thu hoạch dưới 1000 sáh lúa thì cúng heo, dê, gà. Nhà nào thu hoạch trên 1.000 sáh lúa thì xem lá trúng mùa nên phải làm lễ lớn để ăn mừng và tạ ơn thần linh. Lễ vật phải hiến tế bằng một con trâu. Tuy vậy, cũng tùy thuộc mỗi hộ gia đình, có thể thu hoạch chưa đến 1000 sáh lúa nhưng có điều kiện thì có thể hiến tế trâu trong lễ cúng.

Lễ cúng lúa mới truyền thống được tổ chức khi cả làng thu hoạch lúa xong đem về kho. Mỗi gia đình đều trang hoàng nhà cửa, bàn thờ, kho lúa... Sau đó, nhổ cây N'Yú – cây nêu trồng rẫy khi cúng chuẩn bị thu hoạch về cắm ở đầu kho lúa. Những lễ vật của mỗi nhà đều chuẩn bị sẵn như: rượu cần, các con vật hiến tế, bánh nếp, cơm lam...

Lễ cúng bắt đầu tại kho lúa của người chủ rẫy/rừng. Tất cả các gia đình trong buôn đều đến tham dự. Các con vật hiến tế như gà, heo, dê được làm thịt để lấy một phần thịt làm lễ vật cùng với trứng gà luộc, chén cơm nếp, ly nước trắng, chén rượu, ống tre được bày ra trình cúng. Đụn lúa tại kho có cắm một cây Ntor Koi (như cây vĩ có cán dài, đầu được đan hình rẽ quạt với nhiều nan tre). Trên các nan tre này khắc số gùi lúa của những hộ gia đình thu hoạch được. Sau khi cúng tại kho lúa của mình, người chủ rừng cầm cây Ntor Koi dẫn những người đại diện của các hộ gia đình khác lần lượt cúng tại kho lúa của mỗi nhà. Mỗi nhà tùy theo lễ vật cúng mà tổ chức cúng và tiếp đoàn cúng này. Nếu trong buôn có nhiều kho lúa của các gia đình thì đoàn người tiếp tục đi đến để làm lễ cúng cho đến hết mà thôi. Thường thì vào ngày thứ năm thì lễ cúng được tổ chức xong đối với các kho lúa của gia đình người

⁴⁶ Theo Jean Buolbet (sdd): Lễ này còn có thể viết là Yôô Rhee – tức uống rượu rơm, lễ đưa bó lúa cuối cùng vào kho, kết thúc chu kỳ trồng tía hằng năm. Như vậy, có thể cách đọc thì giống, nhưng phiên âm từ giọng nói có sự khác biệt khi viết ra là: Nhu /Nhô hay Yôô. Trong chuyên khảo này, tạm thống nhất gọi là Nhu.

Mạ trong buôn. Cây Ntor Koi được đem về nhà chính cắm vào ché rượu cần và những người tham gia cùng thưởng thức uống mừng trong dịp lễ hội. Ngày thứ sáu và thứ bảy, mọi người nghỉ ngơi, kiêng cử đi làm việc. Sau lễ cúng Nhu R'he, cây Ntor Koi được đem cắm dưới mái nhà, nơi bàn thờ chính⁴⁷.

Trước đây, với hình thái cư trú nhà dài thì kho lúa của các gia đình trong buôn được xây dựng tại một địa điểm cách nhà dài khoảng một đến 2 cây số nhưng tập trung. Vì vậy, diễn trình lễ cúng tại nhà dài rồi đến cùng một khu nhà kho lúa của các gia đình và thể hiện sự tập trung hơn ngày nay. Tại nhà dài cũng như kho lúa, người dân trong buôn tập trung đông đảo, cùng nhau vui chơi, ăn uống mừng lễ, diễn tấu công chiêng, hát những bài ca, nhảy những điệu múa của dân tộc Mạ. Hiện nay, với lối cư trú hộ gia đình riêng rẽ, kho lúa của từng nhà riêng biệt nên lễ cúng cũng phải dàn trải khi tiến hành từ kho lúa của chủ rẫy/già làng trước rồi phải đến từng kho của các hộ gia đình.

Một số tư liệu khác cho biết về lễ ăn mừng cơm mới của người Mạ vùng Lâm Đồng có những chi tiết khác như sau: “*Khấn vái Yàng Koi (thần lúa) xong, gia chủ lấy máu gà nhỏ lên vựa lúa. Sau đó họ dùng máu gà pha trộn với nước vò cây đa, vò cây bìm bìm, đất gò mối và rượu bôi lên chòi để lúa và nhà ở. Khách đến tham dự và mọi người trong gia đình đều được bôi một chút lên ngực, rồi cùng nhau vào tiệc ăn mừng, uống rượu cần và cần rượu được truyền tay theo thứ tự già, trẻ, nữ, nam. Họ cùng nhau trò chuyện, ca hát kéo dài suốt đêm, qua cả ngày hôm sau. Hết nhà này cúng xong đến lượt nhà khác, cho tới khi cả buôn nhà nào cũng cúng mừng ăn cơm mới xong thì lễ hội chấm dứt. Lúc khách ra về, chủ nhà đều tặng cho mỗi khách một gói gạo mới*”⁴⁸.

Một số lời khấn của người Mạ ở Đồng Nai trong lễ cúng mừng lúa mới như sau (Lời khấn của ông K'Linh ở vùng người Mạ tại xã Tà Lài, huyện Tân Phú): *Ớ Yàng kòi anh lờ kòighê âm nghèo khổ đa xang ghít anh ùi tơ ở ghê piêng xa ở ghê... Ở Yàng kòi anh âm rba rbập o vì mè vạp ở ghê con đòi ớ Yàng xin anh đơ tâm*

⁴⁷ Lược trích từ tư liệu của Nguyễn Đình. Một vài nét về văn hóa tinh thần của người Mạ. Dẫn theo Mạc Đường (sdd), tr. 196 – 197.

⁴⁸ Theo Lương Hùng. Lễ mừng cơm mới của người Mạ. Trang tin điện tử của Ủy ban dân tộc. [Http://cema.gov.vn/](http://cema.gov.vn/)

pu mà tưng mà quăng cãnh chnâm xin anh vì o vì vi xo vì vụ anh gằm cho nhó xo xú anh cho gằm toổng quăng đa xang ghít ở Yàng ðoong in. Ở Yàng kòi năm ðo ðoong kol anh ghe kòi xa xunr xa ier xa ða xa về anh xa mừng ðự xnăm. Năm pơ mong Yàng kòi ðoong kol lờ kòi cãnh ghê tay vì năm ieo. Ở Yàng kòi banh lơ glò lơ xap cãnh ghê kòi tiếp tục anh in. Chuyển ngữ Việt: *Hỡi thần Lúa, tôi làm lúa mong thoát khỏi nghèo khổ tội nghiệp, tôi chán không có, áo không có, không có cơm ăn. Xin thần Lúa xem tôi sống nghèo khổ mồ côi, cha mẹ anh em không có. Tôi xin thần coi tôi ăn nói, người ta tin nghe, coi tôi như anh em, thấy đầu (mặt) tôi họ cười vui vẻ, thấy mình tôi họ mừng, các quan quyền thương hại tội nghiệp tôi, tôi cầu xin ông bà phù hộ tôi. Xin thần Lúa năm nay giúp đỡ tôi có lúa ăn thì tôi mừng ăn gà ăn vịt, ăn heo, ăn dê cả năm. Mong năm mới thần Lúa giúp tôi có nữa như năm rồi. Xin thần Lúa đừng làm cho tôi đói (xin thần) tiếp tục cho tôi lúa. Xin thần Lúa ăn giùm thịt heo, gà vịt, dê cho tôi*⁴⁹.

Mỗi lời khấn của gia chủ khác khi cúng mừng lúa mới (lời khấn chuyển ngữ Việt):” *Ơ Thần Lúa! Lúa dưới nước, dưới bùn hãy về nhà tôi ăn gà vịt với tôi. Đây là lần cuối tôi thu được mùa. Tôi lạy Thần Lúa, Thần Đất đã cho tôi được mùa vừa qua”* hoặc “*Năm nay tôi uống mừng lúa. Tôi cúng heo cho Thần Lúa mong cho lúa ăn đừng hết. Tới năm sau làm nữa thì có nữa. Mong Thần Lúa đừng làm cho tôi đói, tôi làm rẫy có cơm ăn. Tôi mời Thần Lúa ăn con heo, uống rượu, ăn cơm nếp. Tôi mừng Thần Lúa. Tôi ăn đến mùa tới. Sang năm tôi lại làm ba lần cho Thần Lúa ăn. Trước tháng 4 cúng con gà. Bắt đầu tháng 7 cúng Thần con vịt. Tháng 11 tôi có lúa nhiều, tôi cúng Thần Lúa con heo. Năm này Thần Lúa cho tôi ăn, tôi làm nữa để lại có cơm ăn.*”⁵⁰. Trong lễ mừng lúa mới có cúng trâu thì người Mạ trình trâu cúng và mời thân linh, tổ tiên về cùng hưởng thịt trâu, uống rượu cần. Đặc biệt, lời khấn tập trung vào thần Lúa vì đây là ngày quan trọng của người Mạ bày tỏ lòng biết ơn đối với vị thần đem lại nguồn cung cấp lương thực chính cho cộng đồng.

Hiện nay, những nghi lễ trong vòng cây trồng của người Mạ đã có những thay đổi. Số lượng lễ và cả những nghi thức cũng được giản lược và phụ thuộc vào

⁴⁹ Nhiều tác giả. *Địa chí Đồng Nai (tập 5 Văn hóa – xã hội)*. Nxb Đồng Nai, 2001, tr. 691 - 692.

⁵⁰ Trang tin điện tử của Sơ Văn hóa Thể thao và Du lịch Đồng Nai. [Http://www.svhttdongnai.gov.vn](http://www.svhttdongnai.gov.vn)

điều kiện kinh tế gia đình. Có ba lễ chính còn được duy trì như lễ tía lúa, chuẩn bị thu hoạch và mừng lúa mới trong những hộ gia đình còn bảo lưu tín ngưỡng truyền thống. Lễ mừng lúa mới không còn kéo dài như trước đây và tính chất mang tính lễ cúng thể hiện tính độc lập của từng hộ gia đình.

4.4. Một số lễ cúng khác

4.4.1. Lễ cúng Thần Núi

Mỗi buôn cũng chọn cho mình một quả núi trong vùng để thờ và làm lễ cúng. Người dân làng Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai) chọn ngọn núi nằm bên cạnh quốc lộ 20 - ở Km 112, người Mạ gọi là Dang Kear để cúng. Người Mạ làng B'Đưng (xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng) chọn các quả núi Nao Út (Nao/Bàu nước), Lúc Mô (Lúc/Hòn Đá), Lạh Nhah để tổ chức lễ cúng. Cả dân làng mỗi năm cúng lễ Thần Núi một lần. Trước đây, già làng thông báo cho dân trong buôn để mọi người cùng tham gia. Già làng làm chủ lễ, lễ vật thường là một con gà, ché rượu cần. Khi đến quả núi, già làng làm lễ và đọc lời cúng. Sau đó giết thịt con gà lấy huyết và rượu đổ xuống khu vực hành lễ.

4.4.2. Lễ cúng bến nước

Con suối hoặc sông trong vùng người Mạ sinh sống có vai trò quan trọng trong cuộc sống của cộng đồng. Đó là nguồn nước sinh hoạt và nơi cung cấp cho nguồn lợi về thủy sản. Người Mạ khai thác nguồn sông, suối và quan niệm chúng do thần Nước cai quản. Già làng thay mặt cộng đồng của buôn chọn cho cộng đồng một bến nước trên một con suối, con sông để hằng năm cúng lễ thần Nước. Lễ vật cúng thần Nước gồm một con vịt, con chó và ché rượu cần. Dân làng tập trung về bến nước vào thời gian già làng triệu tập để tổ chức lễ cúng. Già làng hành lễ, giết con vịt, con chó, lấy huyết và gan các con vật này thả cho trôi theo dòng nước. Sau đó, già làng đọc lời khấn, cầu thần Nước ban cho suối nhiều tôm, nhiều cá, dân làng được tự do đánh bắt. Xong nghi thức cúng, người dân ăn lễ tại bến nước. Người Mạ tin rằng, khi cúng tổ chức cúng lễ thần Nước, hằng năm thì nguồn cá sông, suối trong vùng đánh bắt được nhiều. Nếu không, nguồn cá sẽ ít đi.

4.4.3. Lễ cúng nhà bếp

Trong nhà sàn dài, mỗi gia đình được phân chia một khoảnh. Mỗi khoảnh được bố trí một cái bếp. Về nhà sàn nhỏ, người Mạ thường có một bếp. Cũng có những gia đình dựng riêng một nhà bếp phía sau căn nhà chính. Ngôi nhà bếp dùng để nấu ăn và các vật dụng cần thiết trong sinh hoạt. Bếp đối với người Mạ rất quan trọng vì nó gắn liền với nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày. người Mạ tin rằng, nhà bếp hay mỗi bếp đều có thần linh cai quản. Hằng năm, vào một ngày âm lịch của tháng 12 cuối năm, người Mạ tổ chức cúng lễ thần cai quản nhà bếp của mình. Lễ vật cúng gồm gà và ché rượu cần. Gà được giết để lấy huyết đổ vào trong bếp. Đặc biệt, các nhà người Mạ trong buôn đều tổ chức cúng trong một ngày nhất định theo già làng chọn. Vì vậy, đây là một ngày mà các nhà trong buôn làng cùng ăn lễ vui vẻ. Người này cúng tổ chức mời những người hàng xóm, người thân, trong dòng tộc, đến dự tiếp tục đi tham dự ăn lễ cúng cùng với các nhà khác.

*

Văn học dân gian

Cư dân Mạ là cư dân bản địa, có kho tàng văn hóa rất phong phú và sống động. Các công trình nghiên cứu cho thấy, cư dân Mạ còn bảo lưu nhiều chuyện cổ, thần thoại, truyền thuyết gắn liền với lịch sử của dân tộc mình; phản ánh sự nhận thức của họ về vũ trụ, thế giới, thần linh, nguồn gốc, những cuộc đấu tranh của cộng đồng qua bao thời kỳ lịch sử. Cộng đồng Mạ có đời sống văn hoá tinh thần phong phú, thể hiện qua tín ngưỡng, lễ hội mà trong đó nhiều thể loại văn hoá dân gian, văn hoá nghệ thuật khá độc đáo nhưng hiện nay đang dần bị mai một nghiêm trọng do nhiều yếu tố tác động.

Vì không có chữ viết nên văn chương truyền miệng của người Mạ được lưu truyền chắc chắn có nhiều thay đổi, biến đổi trong nội dung, tình tiết. Trên hướng phát triển chung của xã hội, những sự biến đổi hay thay đổi như thế là không tránh khỏi, làm mất yếu tố định hình gốc nhưng ở một bình diện khác nó làm cho vốn văn hoá dân gian này đa dạng hơn, phong phú hơn và thể hiện cách nhìn phù hợp trong điều kiện xã hội cụ thể mà cộng đồng dân cư trải qua và hướng đến.

5.1. Loại hình chuyện kể

Chuyện kể của người Mạ được sưu tầm khá nhiều trên địa bàn Lâm Đồng và tỉnh Đồng Nai. Trữ lượng loại hình chuyện kể thực ra vẫn còn ảm tàng trong cộng đồng người Mạ mà các nhà nghiên cứu chưa sưu tầm được hết. Như vậy, vốn văn hoá dân gian này vẫn chưa được khai thác hết trên bình diện rộng của các nhóm dân cư của cộng đồng Mạ ở miền Nam Việt Nam. Tác giả Lê Hồng Phong⁵¹ đã phân loại chuyện cổ Mạ như sau:

- Huyền thoại: Có 45 văn bản. Gồm: *Rèn Mặt trời, Mặt trăng và mặt trời, Đen tối, Mặt trăng và cú, Đẻ đất đẻ người (5), Thần K'Bun, Tổ tiên ban đầu, Qua và Rắn (2), Rúp Rum Rau (7), Lúa bắp cà ớt, Muối sắt cá, Sự tích nước biển, Người*

⁵¹ Lê Hồng Phong. *Truyện cổ Tây Nguyên, trường hợp Mạ và K'ho*. Nxb Văn học, 2006. *Những chuyện kể Mạ sưu tầm ở các địa bàn Đah Tẻ, Lộc Lâm, Lộc Tân, Đa Đôn, Lộc Bắc của tỉnh Lâm Đồng.*

chưa biết đẻ (3), Người lấy rắn (4), Người hóa rắn, Người lấy khi, Gấu nuôi người (2), Người hóa khi, Người hóa voi, Sự tích suối Đa Rnga (2), Sự tích thác Đa Mri, Sự tích thác Đam Bri, Sự tích thác Liêng K'Ra-nở, Sự tích núi Đăng Ching, Sự tích núi Păng Pir, Tiệc của Yàng, Người Mạ không có chữ (3), K'Sai Kon Bìng.

- Cổ tích về nhân vật mồ côi: Có 58 văn bản. Gồm: *Bndrong và Vla, BRà, Cái điều, Chàng Tro (3), Chim Soyoy, Con mồ côi, Con nuôi của Mặt trời, Con nuôi của Cọp (2), Con nuôi của Trăn, Ít Yong, K'Bla KaZàng, K'Đôr, K'Doàng Đông, K'Dong Ka Diên, K'Joàng đánh thần sét, K'Lông Ka Lài, K'Lông Ka Lành, K'Lọp Ka Lòn, K'Đu K'Đồng, K'Đùng mồ côi, K'Rang đánh Chấm, K'Sil, K'Té K'Tiên, K'Tiêng K'Tàng, Ka Đing và K'Pút, Kể chuyện K'Lo, Lá đỏ, Mồ côi nghèo, Mồ côi và con bò, Mồ côi và lươn thần (4), Mồ côi và trái bầu, Đam B'Kào (3), Người Chăm đòi nợ (2), Người Tàu và người tộc người, Ông nai thần, Phép thần con dục, Pôn và Bla (2), Tan Lan, Tha Na, Tis Toli (8), Xung Bang Kon Yôn.*

- Cổ tích về nhân vật mang lốt: Có 68 văn bản. Gồm: *Bao Đung, Chàng Cụt, Chàng Dưa (2), Chàng Gà, Chàng Heo, Chàng Khi (2), Chàng Lồ ô, Chàng Mâm, Chàng Tôm (3), Con cóc trời, Con Đò (3), K'Không cây đa, K'Lêng(2), K'Đùng Làng(5), K'Siêng đọt mây(2), K'Tà (11), Ka Ngai, Lầy chồng trăn (4), Mặc áo vượn (2), Nàng Chuối (2), Nàng Hươu, Nàng Ngà (11), Người lấy vượn (2), Người trong bầu, Ông giá (2), Pơ KRúp K'Rúp, Quả dừa, Sar Đền (2), Tắc kè, Yàng Đu đủ.*

- Cổ tích về nhân vật ma lai: Có 27 văn bản. Gồm: *Chạ tành rông, Chà Mbar, Cà Nu, Chà Tok Ngơ, Gun Rosèn, Hai cậu cháu, K'Đòn, K'Rang và Ka Ang, K'Ru và Ka Riêng, K'Rung kon Mai, K'Rai kon Săn, Ka Yêm, Krai Dăm kon Tang, Ma hang đá, Ma lai trâu, Ma Nai (1,2), Ma lai chồng chồn, Mai và Tang, Ngủ trong rừng, Đon và Phung, Sự tích con muỗi, Sự tích ma lai, Tông tro bếp, Tông và Tang, Út diệt ma, Voi bảy tay.*

- Chuyện hài hước, ngụ ngôn: Có 40 văn bản. Gồm: *Khi và người (4), Rùa và khi- cọp, Rùa và Khi (7), Thỏ cứu người (2), Thỏ cứu voi (2), Thỏ giết voi, Thỏ và cọp(7), Thỏ và ốc (2), Thỏ và rùa, Thỏ và cọp gấu, Thỏ và heo voi cọp, Thỏ -Rái và*

trê, Voi và cạp, Yut và Đờ (2), Yút và Mot muôi, Yut và Pu Pot, Thằng Ngốc(2), Thằng Ngốc Mãng K'Ron, Thằng Ngốc chàng trăn, Mồ côi khôn ngoan

Trong chuyên khảo này, trên cơ sở văn bản sưu tầm văn bản chuyện kể sưu tầm ở cộng đồng người Mạ sinh sống tại địa bàn huyện Tân Phú và huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai, nhóm tác giả bước đầu nêu lên những nội dung mà chuyện kể Mạ thể hiện qua một góc nhìn, cách tiếp cận riêng. Vì không có chữ viết nên chuyện kể của người Mạ được lưu truyền qua bao thế hệ bằng truyền miệng. Lịch sử của chuyện kể lâu đời nhưng qua các thế hệ với nguyên do nêu trên chắc chắn có nhiều biến đổi trong một số nội dung, tình tiết hay có những văn bản gọi là “dị bản”. Trên hướng phát triển chung của xã hội, những sự biến đổi hay thay đổi như thế là không tránh khỏi, làm mất yếu tố định hình gốc nhưng ở một bình diện khác nó làm cho vốn văn hoá dân gian này đa dạng hơn, phong phú hơn và thể hiện cách nhìn phù hợp trong điều kiện xã hội cụ thể mà cộng đồng dân cư trải qua và hướng đến.

Chuyện kể Mạ phong phú về nội dung và đa dạng trong cách thể hiện. Người kể chuyện theo kể nhớ về chuyện xưa như lời tự thuật, kể cho đối tượng khác nghe và lời kể nghe có những chuyện mà người kể như hoá thân vào nhân vật. Ví dụ, trong một chuyện có nhiều nhân vật đối đáp nhau, thì người kể phải nói theo như nhân vật. Ở đây không chỉ thể hiện trí nhớ của người nghệ nhân mà còn ở nghệ thuật diễn kể. Người kể chuyện đôi lúc phải đóng vai nhân vật với những lời lẽ cao thấp, lên xuống theo sắc thái tình cảm của nhân vật trong nội dung chuyện kể. Ngoài ra, người Mạ có lối kể mà những từ ngữ được dùng có vần điệu mà nhiều người cho rằng đó là lối hát kể. Lối hát kể của người Mạ mà có hai người thể hiện là một trong những thức thể hiện dạng Tăm pót (hát giao duyên)

Chuyện kể của người Mạ phong phú về nội dung như giải thích hiện tượng thiên nhiên, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nguồn gốc các loài, đề cập những yếu tố xã hội, lịch sử, mối quan hệ.... Không gian, thời gian trong chuyện kể Mạ thường được dùng những từ ngữ phiếm chỉ về thời gian như “ngày xưa, lúc đó, lúc ấy, thuở lâu lắm rồi, thuở mới ban đầu...”. Trong chuyện kể của cộng đồng Mạ có những chuyện kể đề cập nhiều vấn đề và cũng có những chuyện kể chỉ đề cập một vấn đề. Vì vậy, nội dung chuyện có chuyện khá dài, có chuyện rất ngắn.

Chuyện kể không tuân theo “quy ước” chuẩn nào mà có cách thể hiện riêng. Có chuyện dẫn giải rất nhiều chi tiết cũng có chuyện ít chi tiết, trực tiếp hay gián tiếp đi vào nội dung thể hiện. Chính điều này tạo nên sự cuốn hút cho đối tượng nghe. Tên câu chuyện được nêu lên với những chi tiết, tình tiết chuyện có tính đặc trưng, lý thú để minh họa.

Mỗi chuyện kể của tộc người khác nhau có những đặc điểm riêng. Thế nhưng trong quá trình hình thành, phát triển và sự giao thoa của nhiều luồng văn hoá qua các thời kỳ của các tộc người thì những tác động về kinh tế, xã hội là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, nguồn văn hoá dân gian của cộng đồng Mạ mà trong đó có loại hình chuyện kể cũng không tránh khỏi sự ảnh hưởng qua lại với nhau ở một số yếu tố. Điều này thể hiện qua các tình tiết chuyện, theo mô típ chung ở một số chuyện kể khi có những đối sánh với chuyện kể các dân tộc khác.

Trong chuyện kể nói chung của tộc người, các nhà nghiên cứu đã có những cách thức phân loại chuyện kể trên nhiều yếu tố được xác định như: nội dung, cách thể hiện, thời gian... và hình thành trong tập hợp của những đặc điểm để phân loại nhưng điều này không hoàn toàn là “chuẩn chung”. Chúng tôi thiết nghĩ, những dạng quy chiếu ấy là quan trọng để nghiên cứu nhưng không thể đem áp dụng tất cả vào các chuyện kể mà không tính đến yếu tố tộc người.

Trong tư liệu chuyện kể Mạ sưu tầm được, bước đầu tìm hiểu, chúng tôi thấy có các hình thức thể loại như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích. Nhưng chúng cũng khó có thể phân biệt được rạch ròi với nhau. Qua hình thức chuyện kể được truyền lại qua bao đời nay, bằng truyền miệng, người Mạ thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận của họ đối với thế giới tự nhiên, đối với cộng đồng. Và cũng vì nhiều lẽ khác, chúng tôi chỉ bước đầu đề cập có tính chất tổng thuật lại những nội dung mà chuyện kể Mạ sưu tầm. Việc đi đến những kết luận cần phải có thời gian nghiên cứu chuyên sâu.

5.1.1. Lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội

Một số chuyện kể Mạ đề cập và lý giải về hiện tượng thiên nhiên, xã hội. Về nguồn gốc tạo thành vũ trụ, chuyện kể của người Mạ có những cách giải thích rất độc đáo.

Chuyện kể “ *Thần K’Boong làm nên trái đất* ” của người Mạ gắn liền với hệ thống thần linh mà cụ thể là Thần K’Boong và cách sáng tạo có tính chất “huyền bí” để tạo nên thế gian. Thần K’Boong đem về dấu hiệu đầu tiên của sự sống như “*một trái bầu, một chiếc gùi nhỏ, một chiếc gùi lớn, một chiếc gùi dài*” và dùng tài năng, phép thuật để tạo nên trái đất theo từng công việc cụ thể. Như vậy, trong trái bầu và ba cái gùi chứa đựng những yếu tố để dựng nên thân thế gian và sự sống của loài người. K’Boong dùng người khổng lồ I - út ngăn trời và đất riêng ra, dùngg con lươn sắp lại các ao, đầm, con heo rừng làm thành các đồi, con gà tạo thành thung lũng; con rắn NaK Grai làm thành dòng thác nước. Những loại cây cối, thú vật từ trong những chiếc gùi theo lệnh của thần K’Boong xuất hiện và các con của thần linh đã làm cho những thứ ấy sinh sôi, nảy nở trên khắp thế gian. Ấn trong câu chuyện những yếu tố thần linh nhưng chi tiết cụ thể cho ta thấy yếu tố chính vẫn thuộc về con người. Cụ thể là buổi đầu thần linh khi khai thiên lập địa lại dùng những vật dụng mà người Mạ thường dùng trong cuộc sống hằng ngày.

“ *Chuyện về lửa* ” thì cho rằng thần Rdeon con của thần Mặt trời dạy cho người Mạ cách giữ lửa của Mặt trời bằng cách lấy lửa ở đá và xơ của vỏ cây đánh vào nhau. Người khổng lồ I-ut thổi hơi vào đá, thần N’Đu làm cho vỏ cây khô có cảm giác và các thần linh dạy cho con người biết suy nghĩ để tạo nên sự kết hợp giữa hai thứ này lại với nhau. Để duy trì lửa (trong đời sống của nhân loại, sự phát hiện ra lửa có tính chất quan trọng như một bước ngoặt cho sự sinh tồn, phát triển) thì người Mạ cho rằng “nếu lửa thiếu ăn thì trồng cây tre , trồng cây lau, phải dọn rừng, chặt cây cho lửa ăn. Phải cho lửa ăn cả rừng thưa và đồng cỏ lớn. Lửa làm cho những con mối trong đất cọ quậy, làm nứt các phiến đá, làm nứt các ché trong nhà sàn “. Nội dung chuyện rất ngắn nhưng hàm chứa sự thông minh của con người về nhìn nhận hiện tượng xảy ra trong môi trường tự nhiên để đúc kết những kinh nghiệm quý báu cho cộng đồng. Yếu tố thần linh được xác định ngay từ đầu nhưng yếu tố chính vẫn là sự nhận biết của con người. Một ẩn dụ nói về sức mạnh của con người.

Về các dòng họ khác nhau thì người Mạ họ đều cùng nguồn gốc của hai tổ Paang Kha và Paang Khem được đề cập trong chuyện “*Sự tích về tổ tiên các dòng*”

họ". Với cách lý giải nguồn gốc từ các bụi cây các tổ tiên chui ra nhưng qua đó cho thấy là sự sáng thế vũ trụ đều quy về các thần mà cây cối được dùng biểu tượng cho sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Trong chuyện đề cập tập tục hôn nhân "quần hôn" của người Mạ cổ xưa: *"Rồi trong thuở ban đầu chung sống với nhau, các tổ Paang lấy làm vợ chồng giữa các anh em trai và chị em gái. Những đam mê tình yêu dữ dội đã làm Biit và Rling chui ra. Rồi những nhánh người khác do thần K'boong sinh ra như Doot và Doi. Họ giao hợp với nhau rồi sinh con đẻ cái. Cũng như thác và sông, anh trai và em gái lấy nhau. Paang Riing và em gái là Nham kết hợp thành vợ chồng"*.

Khi lý giải về người Mạ sống ở vùng rừng núi thì người Mạ cho rằng xuất phát từ *"Sự tích nạn mưa lụt"*. Đây là một trong những nội dung chuyện mà các tộc người trên thế giới dùng để nói về nạn hồng thủy trong lịch sử của nhân loại như chuyện cổ *"Con tàu Nô-ê"* của người Do Thái hay vùng Trung Đông. Nguồn gốc của nạn hồng thủy mà người Mạ gánh chịu do từ một cô gái với hành động khiêu khích thần linh: *"Do không có nắng phơi lúa nên cô gái tóc vấy đưa âm hộ cho trời xem và khiêu khích. Hành động này bị phạt với 7 năm hạn hán và 7 năm hồng thủy"*. Khi nước rút, các bè mảng của người Mạ trôi đi tứ tung và tập vào các vùng đồi núi nên từ đó họ sống các vùng rừng núi.

Một số nội dung chuyện kể của người Mạ đề cập và giải thích về hiện tượng tự nhiên, xã hội. Có những chuyện kể đi thẳng vào hiện tượng để giải thích nhưng cũng có chuyện qua diễn biến của nội dung để đi đến kết luận sau cùng. Ở đây, chúng ta không bàn đến sự "lý giải" đó như thế nào mà nhìn nhận cách nhìn của người Mạ về sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội để giải thích vấn đề theo cách nghĩ của cộng đồng.

5.1.2. Lý giải về địa danh

Trong chuyện kể người Mạ có 2 bản nói về địa danh hiện nay còn hiện hữu. Một là *"Sự tích Đá Bàn"* và *"Sự tích Thác Bền Cự"*. Địa điểm Đá Bàn hiện nay nằm trong địa phận của Lâm trường Tân Phú. Nơi đây còn những hòn đá nằm rải rác trên bờ của một con suối. Trên những hòn đá có in những vết tích của bàn tay không lồ – gắn liền với chuyện tích về một buổi chiều tối khi dân làng đang chia thịt